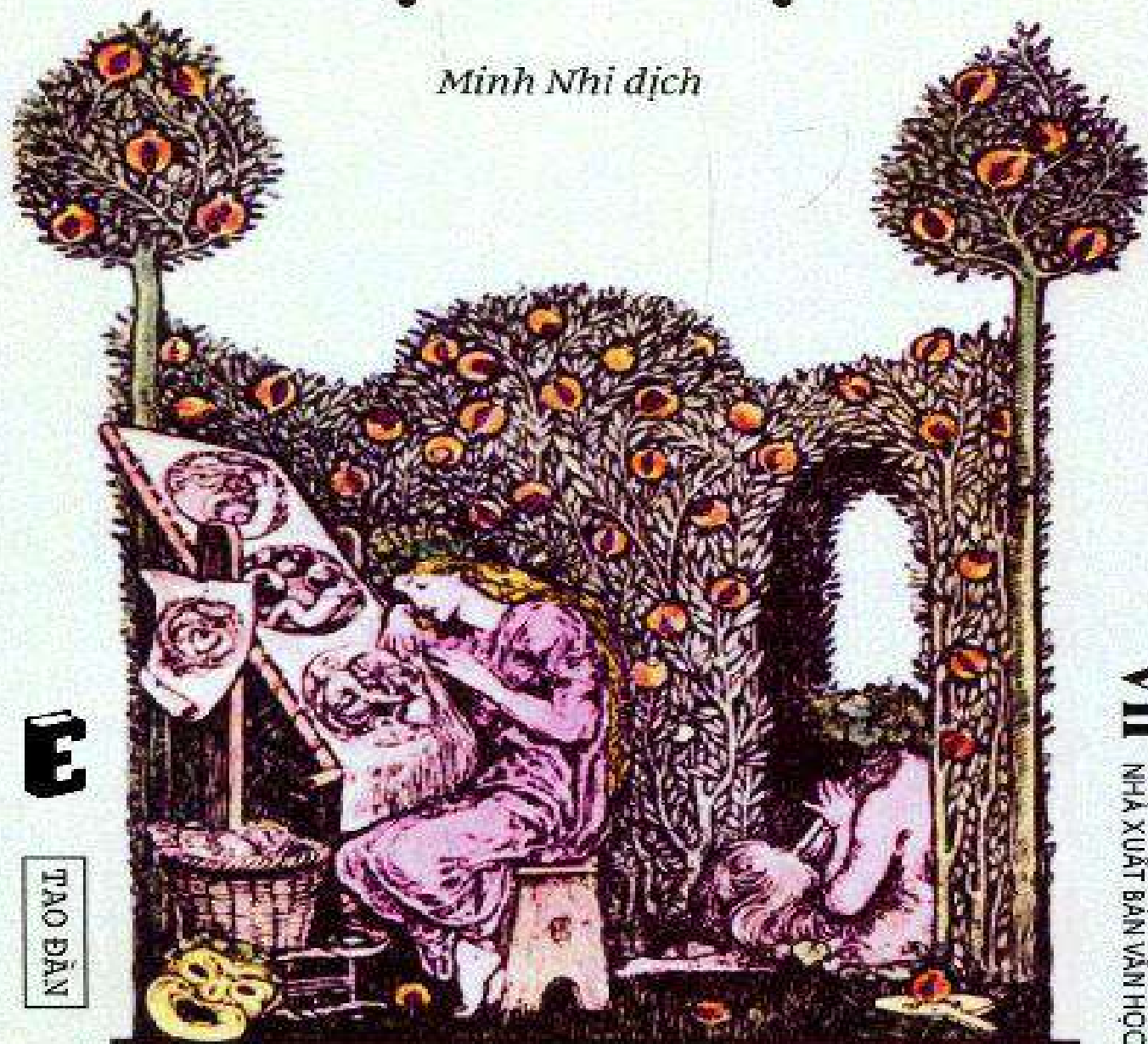

OSCAR WILDE

Ngôi nhà thạch lựu

Minh Nhi dịch



E

TAO ĐÀN

VH
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Tác phẩm: **Ngôi Nhà Thạch Lựu**
Nguyên tác: **A House of Pomegranates**
Thể loại: **Truyện ngắn thiếu nhi**
Tác giả: **Oscar Wilde**
Bìa và minh họa (không có trong ebook):
C. Ricketts, C. H. Shannon, Ben Kutcher
Dịch giả: **Minh Nhi**
Nhà phát hành: **Tao Đàn**
Nhà xuất bản: **Văn Học**
Năm xuất bản: **2016**



Dự án Ebolic #62

Chụp sách: **Huyền**
Đánh máy: **Quyptit, Khõ Đình Trà, TMH, Smiley Su, Như Quỳnh, Chua**
Trần

Soát lỗi: **Tornad**

Điều hành & xuất bản: **Tornad**

Ngày hoàn thành: **9/8/2018**

Ebolic là dự án chế bản ebook do **Bookaholic** thực hiện. Chúng tôi hoạt động hoàn toàn phi lợi nhuận và dựa trên tinh thần tự nguyện, với mục đích mang đến cho độc giả những đầu sách hay và lan tỏa văn hóa đọc cho cộng đồng. Chúng tôi khuyến khích độc giả mua sách in, và chỉ nên tìm đến ebook này khi không thể tiếp cận ấn phẩm sách.

Liên hệ với Ebolic qua:

Email: EbolicEbook@gmail.com

Group: Facebook.com/groups/ebolic

Fanpage: Facebook.com/EbolicEbook

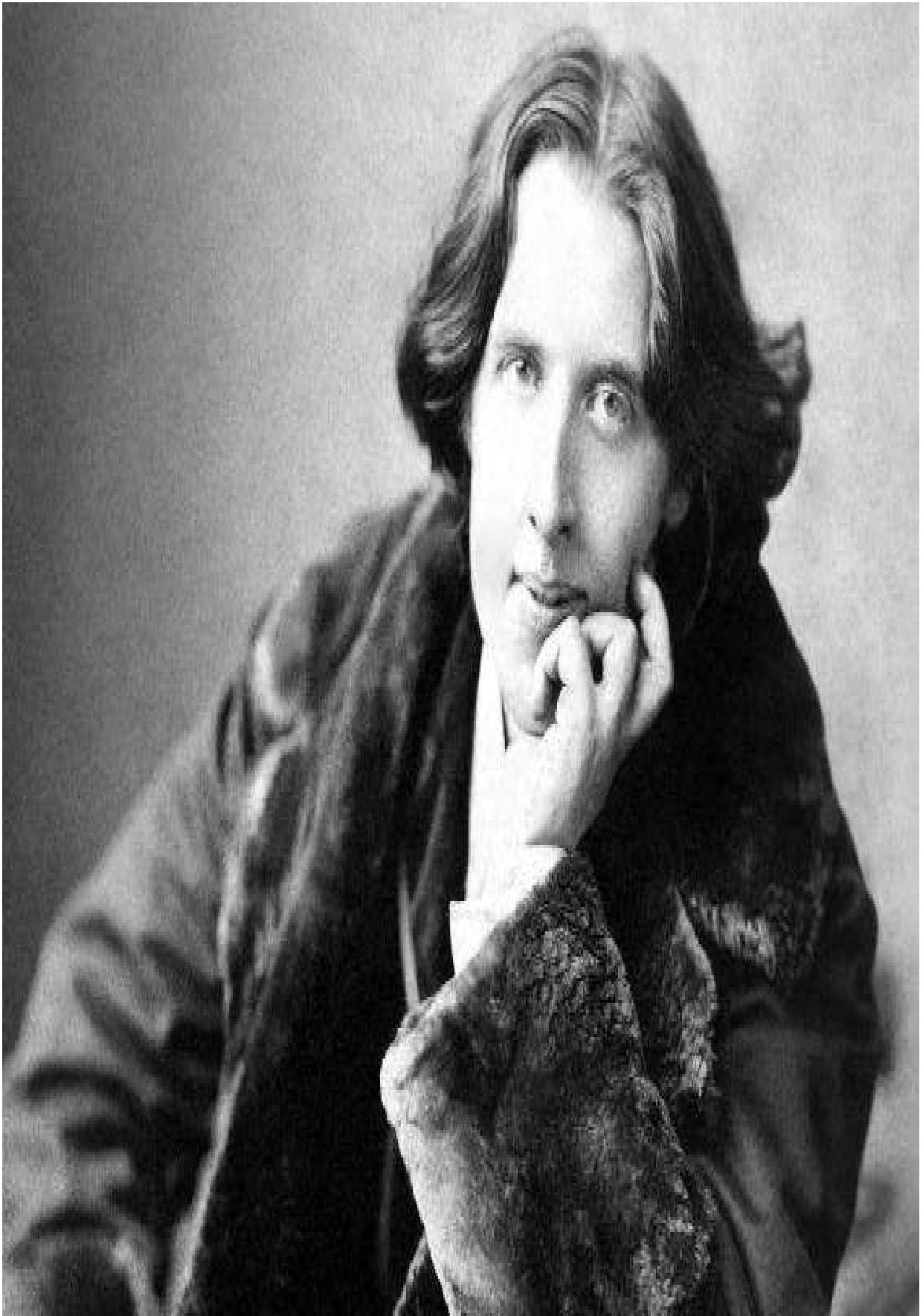
MỤC LỤC

[Vị vua trẻ](#)

[Sinh nhật của công chúa](#)

[Chàng ngư phủ và Linh Hồn](#)

[Cậu bé ngôi sao](#)



Oscar Wilde

Tên đầy đủ là Oscar Fingal O'Flahertie Wills Wilde sinh ngày 16/10/1854 tại Dublin trong một gia đình trí thức thuộc tầng lớp thượng lưu. Ông là nhà văn, nhà thơ, nhà viết kịch nổi tiếng của Ireland. Ông còn là nhà mỹ học và một nhà văn khởi xướng phong trào Nghệ thuật vì nghệ thuật, các trước tác của Oscar Wilde luôn thể hiện quan điểm nghệ thuật duy mỹ, hướng đến nét đẹp độc đáo trong tâm hồn mỗi con người. Ông quan niệm: *“Nhìn khác với thấy. Người ta không thấy một điều gì cả cho đến khi thấy được vẻ đẹp của nó, và chỉ khi đó điều ấy mới thật sự hiện hữu.”*

Bên cạnh vị trí vững chắc trên văn đàn, Oscar Wilde có một cuộc sống riêng tư đầy bi kịch với những mối tình đồng tính từng làm dấy lên bao tranh luận về đạo đức dưới thời đại Victoria. Ông mất ngày 30/11/1900 tại Paris. Mộ phần của Oscar Wilde hiện được đặt tại nghĩa trang Père Lachaise Paris.

Bằng ngôn ngữ phong phú giàu âm điệu, hình ảnh lung linh gợi cảm, những tình tiết kỳ lạ cuốn hút. *Ngôi nhà thạch lựu* đã gọi cho người đọc đến với thế giới Thần thoại Hy Lạp của Persephone và Hades, đến với kinh thánh và cả Ngàn lẻ một đêm xứ Ba Tư. Với phong cách đặc trưng của mình. Oscars Wilde lại xoáy vào các vấn đề như: Tình yêu đối nghịch với Cám Dỗ, Đạo Đức đối chọi lại Cái Đẹp. Nỗi Đau đi ngược chiều Hy Vọng. Liệu người ta có đúng không khi để bản năng tự cao tự đại chống lại những niềm tin mù quáng? Liệu người ta có đúng không khi sống hết mình cho tình yêu, hi sinh tất cả cho tình cảm? Làm thế nào để nuôi dưỡng sự tử tế, lòng nhân ái bao dung và tình cảm chân thực giữa người với người.

Vị vua trẻ

Đó là một đêm ngay trước ngày lễ đăng quang, vị vua trẻ ngồi một mình trong căn phòng tuyệt đẹp. Các cận thần của ngài được phép cáo lui, họ cúi đầu sát đất theo đúng nghi lễ và trở về đại sảnh của cung điện để học nốt các nghi thức với ông thầy dạy nghi lễ. Một số trong bọn họ còn có hành vi quá tự phát, mà với một cận thần, tôi cần phải nói rằng, đó hẳn là một lỗi nghiêm trọng.

Chàng thanh niên đó – cậu ấy chỉ là một chàng trai trẻ, mới mười sáu tuổi đầu – chẳng tiếc nuôi gì đám người vừa đi, đã quăng mình trở lại cùng tiếng thở phào nhẹ nhõm vào tấm đệm mềm mại trải trên chiếc ghế thêu hoa của mình, chàng nằm đó, mắt mở to, miệng há rộng, tựa như vị thần mục đồng Faun hay cũng giống như những con thú non trong rừng vừa sập bẫy thợ săn.

Thực ra chính đám thợ săn đã tìm ra chàng một cách gần như là tình cờ, khi chàng đi chân đất, tay cầm ống sáo, lẻo đẻo theo sau đàn dê của một người chăn dê nghèo, người đã nuôi nấng chàng mà chàng hằng tưởng tượng mình là con của họ. Chàng là kết tinh của đám cưới bí mật giữa cô con gái độc nhất của vị vua già với một người tầng lớp thấp hơn cô – một người lạ, có người nói vậy, bằng sự huyền diệu của tiếng đàn lút kì diệu của mình đã quyến rũ nàng công chúa, trong khi những người khác lại cho là chàng nghệ sĩ đến từ xứ Rimini, người được công chúa ca tụng, có lẽ là hơi quá mức, rồi đột nhiên biến mất khỏi thành phố, bỏ lại công việc tại nhà thờ đang còn dang dở. Chàng trai của chúng ta, khi mới một tuần tuổi đã bị bắt cóc khỏi mẹ mình khi bà đang ngủ và giao cho hai vợ chồng bác nông dân không con cái gì sống cạnh bìa rừng cách thị trấn một ngày đường. Đau buồn, hoặc mắc phải bệnh dịch, như cách ngự y tuyên bố, hay như một số lời ám chỉ, một chút thuốc độc của Ý được hòa vào ly rượu mùi, khuấy đều, và chỉ trong vòng một giờ khi bà còn tỉnh táo, đã hạ sinh một em bé, rồi khi một vị sứ giả tin cần mang đứa bé trên lưng con ngựa mỗi một âm ầm ầm gõ cửa nhà người

chăn dê, cũng là lúc thi thể của cô công chúa bị chôn xuống ngôi mộ đào sẵn trong nghĩa địa của một nhà thờ hoang vắng bên ngoài cổng thành, ngôi mộ mà người ta đồn rằng còn có một thi thể khác của một chàng trai ngoại quốc trẻ đẹp, với đôi tay bị trói quặt sau lưng và trước ngực bị đâm với nhiều vết thương đâm máu.

Đó chỉ ít cũng là những câu chuyện mọi người đồn thổi. Nhưng sự thật là vị vua già, lúc hấp hối trên giường, không biết vì ăn năn những tội lỗi của mình hay đơn thuần vì không muốn vương quốc lọt vào tay gia tộc khác, đã cho đón chàng thanh niên về, và trước toàn thể triều đình, tuyên bố chàng là người kế vị.

Dường như ngay từ khi mới có nhận thức, chàng thanh niên đã tỏ ra đam mê kì lạ với cái đẹp như một tiền định có ảnh hưởng lớn lao đến cả cuộc đời chàng. Những người tùy tùng riêng hầu hạ chàng, thường kể về những tiếng hét lên vì sung sướng thoát ra từ đôi môi khi chàng trông thấy những bộ trang phục hoa lệ hay những món trang sức quý giá được chuẩn bị cho chàng, và hồ như sung sướng phát cuồng chàng quăng đi chiếc áo da thô kệch và chiếc áo khoác lông cừu. Thực ra thì chàng nhớ cuộc đời tự do chốn núi rừng, và thường bực mình bởi những nghi lễ tẻ nhạt chốn triều đình luôn chiếm quá nhiều thời gian trong ngày của chàng, nhưng cung điện tuyệt vời mang tên Hân Hoan, như mọi người vẫn gọi, mà chàng đang ngự trị, có lẽ là một thế giới hoàn toàn tươi mới, lịch lãm cho niềm yêu thích của chàng; ngay khi thoát khỏi những buổi tiếp triều hay những phen nghị sự, chàng lại chạy ào xuống cái cầu thang lớn có những con sư tử đồng mạ vàng với những bậc thang bằng đá hoa cương sáng loáng, lang thang hết phòng này qua phòng nọ, từ hành lang nọ sang hành lang kia như người kiếm tìm trong cái đẹp những vị thuốc chữa lành cơn bạo bệnh.

Trong những cuộc phiêu lưu, theo cách nói của chàng – mà quả thực với chàng là những chuyến viễn du tới xứ sở diệu kì, đôi khi được tháp tùng bởi mấy tên thị đồng gầy gò, tóc hoe vàng, bận những chiếc áo choàng phấp phới với những dải ruy-băng sắc sỡ bông bênh, nhưng thường là chàng cô độc một mình, cảm nhận bằng trực giác, như một sự linh cảm rằng bí ẩn của

nghệ thuật tốt nhất nên nghiên cứu một cách âm thầm, và Cái Đẹp cũng như sự Thông Thái chỉ thích những tín đồ cô liêu.

Có nhiều giai thoại lạ lùng liên quan đến chàng khi ấy. Người ta kể rằng một viên thị trưởng to béo, chuẩn bị đọc một bài diễn văn hoa mỹ thay mặt các thị dân của mình, đã bắt gặp chàng quý một cách đầy sùng bái trước một bức họa lớn mới chuyển về từ Venice, dường như muốn thờ phụng vài vị thần mới. Trong một dịp khác, chàng mất tích hàng giờ liền, và sau một cuộc tìm kiếm lòng vòng, người ta phát hiện ra chàng trong một căn phòng nhỏ nơi tháp canh phía bắc của cung điện, như một người mất hồn vì một bức tượng đá quý Hy Lạp tạo hình chàng Adonis. Chàng từng được trông thấy, đôn đai thể thôi, đang áp đôi môi ấm áp của mình vào vầng trán bằng cẩm thạch của một pho tượng cổ được tìm thấy dưới đáy sông khi người ta xây một cây cầu đá bắc qua, nó được ghi tên người nô lệ xứ Bithynia của vua Hadrian. Chàng từng thức trắng đêm để chiêm ngưỡng ánh trăng rọi trên bức tượng Endymion¹ bằng bạc.

Tất cả những nguyên liệu quý hiếm và đắt tiền đều khiến chàng say mê, nó thôi thúc chàng phái đi rất nhiều thương gia, một số mua bán hổ phách với những ngư dân tận biển Bắc, một số đến Ai Cập tìm kiếm những viên lam ngọc diệu kì, chỉ có trong các hầm mộ vua chúa và được truyền tụng mang nhiều phép thuật, lại một nhóm sang xứ Ba Tư để mang về thảm lụa, đồ gốm, còn lại thì tới Ấn Độ thu mua gấm vóc, ngà voi, đá mặt trăng, những chuỗi ngọc bích, trầm hương, đồ sứ men xanh và khăn choàng bằng len thượng hạng.

Nhưng điều làm chàng bận tâm nhất lại là chiếc áo choàng chàng sẽ diện trong lễ đăng quang, chiếc áo dát vàng, vương miện nạm đầy hồng ngọc và cây quyền trượng khảm những chuỗi ngọc trai. Quả vậy, đó là những gì chàng trần trở đêm nay, trên long sàng xa hoa của mình, lơ đãng nhìn những khúc gỗ thông rục cháy trong lò sưởi. Các mẫu vật này được thiết kế bởi những nghệ nhân nổi tiếng nhất đương thời, gửi đến cho chàng từ mấy tháng trước, và chàng đã hạ lệnh cho các thợ thủ công làm việc quần quật thâu đêm suốt sáng, cũng như lật tung cả thế giới này để tìm kiếm ngọc

ngà châu báu cho xứng với các tạo vật này. Chàng tưởng tượng mình đứng trên đài cao của giáo đường trong bộ long bào lộng lẫy, chàng nở một nụ cười trên đôi môi non tơ, và lấp lánh trong đôi mắt đen láy như rừng thẳm.

Một hồi sau chàng đứng dậy, đứng tựa vào mái diềm lò sưởi, đưa mắt nhìn quanh căn phòng tối lờ mờ. Các bức tường được phủ kín bằng những tấm thảm quý giá với chủ đề Tôn vinh Cái Đẹp. Một chiếc tủ tường lớn khảm đầy mã não và thanh ngọc ở góc phòng, còn đối diện cửa sổ là cái kệ lạ mắt làm bằng những tấm ván sơn son thếp vàng, trên kệ là một hàng ly thủy tinh xứ Venice tinh xảo và một chiếc cốc lớn bằng mã não vân tối. Mấy đóa hoa anh túc nhạt màu được thêu trên tấm khăn trải giường bằng lụa như thể vừa rút khỏi bàn tay buồn ngủ bơ thờ, đôi ngà voi vươn lên đỡ lấy tấm màn nhung, trên đó vươn lên mấy chòm lông đà điểu, như đám bọt trắng xóa hướng tới trần nhà làm bằng bạc nhấp nhô. Một bức tượng bằng đồng xanh có chàng Narcissus đỡ lấy tấm gương sáng loáng trên đầu. Trên bàn có đặt một chiếc bát nông bằng thạch anh tím.

Nhìn ra xa, chàng có thể thấy mái vòm khổng lồ của giáo đường, lù lù như một quả cầu lơ lửng trên những ngôi nhà mờ ảo, những tốp lính canh uể oải qua lại trên đường dọc bờ sông mịt mù sương. Xa xa, trong một khu vườn, chim họa mi hót líu lo. Hoa nhài thoảng đưa hương qua khung cửa mở rộng. Chàng vén mấy lọn tóc quăn màu hạt dẻ rủ xuống trán, với tay lấy cây đàn luyt, lướt ngón tay trên mấy cung đàn. Buồn ngủ rũ cả mắt, cảm giác trở nài đến với chàng. Chưa bao giờ chàng thấy sáng khoái đến vậy, hay có thú vui tao nhã đến thế, sự mầu nhiệm và bí ẩn của Cái Đẹp.

Khi âm báo nửa đêm vọng đến từ tháp đồng hồ, chàng với tay kéo chuông, đám thị đồng tiến vào và theo những nghi thức cầu kì thay áo cho chàng, rẩy nước hoa hồng lên đôi tay chàng và rải những cánh hoa lên gối. Một thoáng sau, chúng rời đi còn chàng chìm sâu vào giấc ngủ.

Trong giấc ngủ, chàng mơ một giấc mơ, và đây là giấc mơ của chàng.

Chàng thấy mình đang đứng trong một gian phòng áp mái dài và thấp, giữa những tiếng lách cách của nhiều khung cửa. Chút nắng hiu hắt lọt qua ô

cửa sổ khiến chàng trông thấy thân hình còm nhom của những người thợ dệt lom khom bên khung cửi. Họ nhợt nhạt và ốm yếu như con nít, gập người trên những thanh ngang lớn. Những lúc con thoi xuyên qua hàng sợi, chúng lại nâng cao cái then gỗ và khi con thoi dừng lại, chúng thả then gỗ rớt xuống để ép các sợi chỉ lại với nhau. Khuôn mặt họ hốc hác vì thiếu ăn, còn đôi tay thì gầy guộc, run rẩy. Vài người đàn bà hom hem ngồi bên bàn may. Mùi hôi hám tràn ngập nơi đây. Không khí ô nhiễm và ngột ngạt còn bức tường thì nhớp nháp vì ẩm thấp.

Vị vua trẻ tuổi đến bên một người thợ dệt, đứng lại và quan sát.

Người thợ giận dữ ngược nhìn và hỏi, “Bạn nhìn cái gì thế? Bạn có phải quân do thám do ông chủ sai đến không?”

“Ông chủ của các người là ai?” vị vua trẻ tuổi hỏi.

“Ông chủ ư?” người thợ cay đắng thốt lên. “Cũng là một con người như tôi mà thôi. Thực thế, chỉ khác một điều – ông ta chừng diện còn tôi thì rách rưới, và tôi thì ốm đói trong khi ông ấy thừa mứa no nê.”

“Đây là xứ sở tự do,” vị vua trẻ tuổi nói, “các người đâu phải kẻ nô lệ.”

“Trong chiến tranh,” người thợ dệt đáp, “người mạnh nô dịch kẻ yếu, còn trong thời bình, người giàu nô dịch kẻ nghèo. Chúng tôi phải kiếm sống, còn họ chỉ chịu trả những đồng lương chết đói. Chúng tôi nai lưng ra làm việc suốt ngày đêm để bọn họ tích đầy vàng bạc trong rương, lũ trẻ nhà chúng tôi tàn tạ trước tuổi, những gương mặt thân yêu ấy trở nên khô cằn và hắc ám. Chúng tôi làm rượu còn kẻ khác uống. Chúng tôi trồng ngô nhưng bàn ăn trống trơn. Chúng tôi bị tròng bởi những sợi xích không mắt nào trông thấy, là kẻ nô lệ dù được tiếng là tự do.”

“Mọi người đều vậy sao?” chàng hỏi.

“Tất cả đều vậy,” người thợ trả lời, “già cũng như trẻ, gái cũng như trai, từ đứa con nít mẵng sữa đến những kẻ dãi dầu năm tháng. Bọn thương nhân chà đạp chúng tôi bắt phải phục tùng. Các thầy tu đi ngang qua chỉ biết lằn tràng hạt, chẳng ai quan tâm đến chúng tôi. Trong những con ngõ tối tăm, Cái Nghèo luôn lách với con mắt háu đói kéo theo sau nó là Cái Ác với

khuôn mặt dần độn. Cái Khố dựng chúng tôi dậy mỗi buổi sáng và Cái Nhục quần lầy chúng tôi hằng đêm. Những điều này có nghĩa lý gì với cậu? Cậu không ở địa vị chúng tôi. Trông cậu quá sung sướng.” Rồi người thợ cau có quay đi, quăng con thoi vào khung cửi và vị vua trẻ trông thấy nó được mắc vào một sợi chỉ bằng vàng.

Một nỗi kinh hoàng bủa vây, chàng bèn hỏi người thợ dệt, “Chiếc áo choàng này các người đang dệt cho ai thế?”

“Chiếc áo dành cho lễ đăng quang của nhà vua trẻ,” người thợ đáp, “can gì đến cậu?”

Vị vua trẻ bật khóc rồi choàng tỉnh giấc, và kìa, chàng vẫn đang nằm trong căn phòng mình, ngoài cửa sổ, chàng thấy mặt trăng to lớn màu mật ong lơ lửng giữa nền trời u tối.

Rồi chàng lại thiếp đi và lại mơ, đây là giấc mơ của chàng.

Chàng thấy mình đang ngồi trên boong một con tàu khổng lồ với hàng trăm người nô lệ đang chèo. Trên tấm thảm cạnh chàng, lão chủ tàu đang ngồi đó. Làn da lão đen như mun, đầu vấn khăn lụa đỏ thắm. Hai cái khoen lớn bằng bạc kéo trễ đôi tai lão xuống, và tay lão cầm cái cân bằng ngà.

Những người nô lệ ở trần, đóng độc cái khố vải rách, người nọ bị xích với người kia. Ánh nắng gay gắt đổ xuống họ, mấy người da đen chạy lên chạy xuống khoang thuyền quất họ bằng roi. Những người nô lệ giơ cánh tay gầy guộc khua những mái chèo nặng nề dưới nước. Nước biển bắn lên tung tóe.

Cuối cùng, họ đến một cái vịnh nhỏ và bắt đầu việc thăm dò. Một cơn gió thoảng từ mặt biển, phủ lên boong tàu và cánh buồm chính một lớp bụi đỏ. Ba gã Ả Rập cười lừa chạy tới phóng những ngọn lao vào họ. Lão chủ tàu lấy cung tên và bắn một phát trúng cổ họng một tên. Hắn đổ nhào xuống, còn mấy gã kia phi nước đại bỏ chạy. Một người phụ nữ che mạng màu vàng chậm chạp cười lạc đà theo sau, thi thoảng lại ngoái nhìn lại cái xác.

Ngay khi họ thả neo và hạ buồm, những người da đen đi vào trong khoang mang ra một chiếc thang dây dài với những quả nặng bằng chì. Lão

chủ tàu thả nó xuống một bên mạn tàu, phía trên buộc chặt vào hai cây trụ sắt. Xong bọn da đen tóm lấy người nô lệ trẻ nhất, tháo xích của cậu ra, phong kín mũi và tai cậu bằng sáp rồi buộc một tảng đá lớn vào hông cậu. Cậu bé uể oải trèo xuống thang và biến mất dưới làn nước. Vài bọt nước nổi lên nơi cậu lặn xuống. Vài người nô lệ khác tò mò dõi theo. Phía mũi tàu, người dụ cá mập ngồi đó gõ nhịp đều đều trên mặt trống.

Một lát sau, cậu nô lệ trôi lên khỏi mặt nước, cậu bám vào thang dây thở hổn hển, tay phải chìa ra một hạt ngọc trai. Bọn da đen giật lấy viên ngọc rồi đẩy cậu lại biển khơi. Những người nô lệ khác ngủ gật bên mái chèo.

Hết lần này đến lần kia, cậu bé ngụp xuống rồi lại ngoi lên, mỗi lần lại đem lên một viên ngọc rục rở. Lão chủ tàu cân từng viên ngọc và nhét chúng vào chiếc túi da màu xanh nhỏ.

Vị vua trẻ định cất tiếng nói nhưng dường như lưỡi chàng đã bị nuốt mất còn môi chàng thì hóa thành đá. Bọn da đen xì xào bàn tán rồi quay ra vặc nhau vì một chuỗi hạt lấp lánh. Đôi sếu lượn qua lượn lại quanh tàu.

Cậu bé dưới biển ngoi lên lần cuối, viên ngọc cậu mang lên rục rở hơn tất cả những hòn ngọc xứ Ormuz, nó tròn trĩnh tựa trăng rằm và sáng hơn cả sao mai. Nhưng khuôn mặt cậu nhợt nhạt đến phát sợ, máu từ tai và mũi cậu trào ra khi cậu bò lên sàn tàu. Cậu co giật một lát rồi nằm bất động. Lũ da đen nhún vai và ném xác cậu xuống biển.

Lão chủ tàu vừa cười vừa vươn tay đón lấy viên ngọc, ngắm nghía, rồi lão áp viên ngọc lên trán, cúi chào. “Nó chính là,” lão nói, “dành cho quyền trượng của vị vua trẻ”, đoạn ra hiệu cho bọn da đen nhổ neo.

Vị vua trẻ nghe đến đây, chột hét lớn và choàng tỉnh, nhìn qua khung cửa sổ, chàng thấy những ngón tay dài xám xịt của bình minh đang thu lại mấy ngôi sao nhạt nhòa dần.

Rồi chàng lại thiếp đi và lại mơ, đây là giấc mơ của chàng.

Chàng thấy mình lang thang trong một khu rừng âm u, treo đầy những trái cây kì lạ với những đóa hoa kiêu diễm nhưng đầy chất độc. Lũ rắn phun

phì phì khi chàng bước qua, bầy vẹt sặc sỡ quàng quạc chuyền càn. Mấy con rùa to tướng mở màng nằm trong bãi sình. Trên cây còn có vô vàn những khi và công.

Chàng cứ đi, đi mãi đến tận bìa rừng bên kia, và thấy một đám đông những người đang nai lưng làm việc dưới lòng một con sông cạn. Họ trèo lên những vách đá cheo leo như bầy kiến. Họ đào những đường hầm sâu vào lòng đất rồi tụt xuống. Vài người đẽo đá bằng những cây rìu lớn, mấy kẻ đào bới trên bờ cát.

Họ nhổ bật rễ những cây xương rồng, xéo lên những bông hoa thắm. Họ thật vội vã, í ới giục nhau, không ai nhàn rỗi cả.

Trong hang tối thăm thẳm, thần Chết và thần Tham Lam dõi theo họ, thần Chết bảo “Ta oái quá, đưa ta một phần ba số này rồi ta sẽ đi.” Nhưng thần Tham Lam lắc đầu từ chối, “Chúng là nô lệ của ta,” mụ đáp.

Thần Chết lại hỏi, “Bà cầm gì trong tay vậy?”

“Ta có ba hạt ngô,” thần Tham Lam trả lời, “người hỏi làm gì?”

“Cho ta một hạt vậy,” thần Chết nài nỉ, “để ta trồng trong vườn nhà, chỉ một hạt thôi, rồi ta sẽ ra đi.”

“Ta sẽ không cho người gì hết,” thần Tham Lam nói, rồi mụ giấu tay vào nếp áo.

Thần Chết bật cười, lấy một chiếc cốc, vục xuống hồ nước, và thần Sốt Rét nhảy ra từ miệng cốc. Ả lượn qua đám người lao động, một phần ba trong số họ gục xuống chết. Một làn sương giá quấn bên chân ả, cùng lúc nhúc rần nước trườn theo.

Khi thần Tham Lam thấy một phần ba đám người kia lăn ra chết, mụ liền đấm ngực và khóc lóc. Vừa đấm vào bộ ngực trần cỗi, mụ vừa gào lên: “Người đã sát hại một phần ba số nô lệ của ta,” mụ khóc, “hãy biến đi. Đang có một cuộc chiến ở miền núi Tartary, hai bên vua chúa đang kéo quân tới. Dân Afghanistan đã giết một con bò đen làm lễ và tiến ra chiến trường. Họ

gỗ giáo mác vào khiên, và đã đội mũ trụ lên. Người còn lưu luyến gì chốn thung lũng này? Hãy biến đi, đừng bao giờ trở lại.”

“Không đâu,” thần Chết đáp, “chừng nào bà chưa đem hạt ngô cho ta, ta còn chưa đi.”

Thần Tham Lam nắm chặt bàn tay, đôi hàm răng nghiến chặt, “Ta sẽ không cho người thứ gì hết,” mặt thì thăm.

Thần Chết cười, lôi ra một hòn đá màu đen, hất quăng hòn đá vào khu rừng, trong bụi cần độc, một vị thần Sốt khác với áo choàng rực lửa hiện ra. Ả lượn quanh đám đông, chạm vào họ, những người bị ả sờ phải đều lăn ra chết. Đồng cỏ cũng úa tàn theo bước chân ả.

Thần Tham Lam rùng mình, lấy nắm tro xoa lên đầu. “Người ác quá,” mặt khóc, “người ác quá. Đang có nạn đói trong các thành trì Ấn Độ, các bể nước ở Samarcand cạn khô. Đang có nạn đói trong các thành trì Ai Cập, đàn châu chấu tràn về từ sa mạc. Sông Nile nước chẳng tới bờ, các nhà tư tế đang nguyện rửa thần Isis và Osiris. Hãy đến nơi cần đến, và để ta quản đám nô lệ của ta.”

“Không đâu,” thần Chết đáp, “chừng nào bà chưa đem hạt ngô cho ta, ta còn chưa đi.”

“Ta sẽ không cho người thứ gì hết,” thần Tham Lam nói.

Thần Chết lại cất tiếng cười, hất đưa tay lên miệng huýt một tiếng, một nữ thần liền lượn lơ trên không trung. Hai chữ “Dịch Hạch” ghi trên trán ả, với bầu kèn kèn lượn quanh mình. Đôi cánh ả che phủ cả thung lũng, rồi chẳng còn kẻ nào sống sót nữa.

Thần Tham Lam hét váng khắp khu rừng, còn thần Chết nhảy lên lưng con ngựa hồng, quất ngựa truy phong.

Dưới đáy bùn nhầy nhụa, những con rồng ghê tởm đầy vảy đáng sợ, cùng bầu linh cầu chạy như bay trên bờ cát, mũi hít hà không khí để đánh hơi.

Vị vua trẻ sput sùi, hỏi rằng, “Những kẻ kia là ai, họ đang tìm kiếm gì vậy?”

“Những viên hồng ngọc trên vương miện của nhà vua,” một người đứng sau lưng trả lời.

Vị vua trẻ giật mình quay lại, chàng thấy một người đàn ông ăn mặc như người hành hương, tay cầm một chiếc gương bằng bạc.

Chàng tái mặt hỏi, “Vua nào cơ?”

Khách hành hương đáp: “Hãy nhìn vào gương, cậu sẽ thấy.”

Chàng nhìn vào trong gương, thấy chính gương mặt mình, bèn thét lớn và tỉnh dậy, mặt trời lấp lánh ánh nắng tràn ngập căn phòng, bầy chim hót líu lo trên những cành cây trong vườn thượng uyển.

Cận thần và các quan trong triều tiến vào làm lễ, người hầu dâng chàng áo choàng nạm vàng, và đặt vương miện cùng quyền trượng trước mặt.

Vị vua trẻ ngấm nhìn, thấy chúng mới đẹp làm sao. Đẹp hơn cả những lần chàng trông thấy chúng trước đó. Nhưng nhớ đến những giấc mơ chàng bảo với triều thần: “Mang chúng đi, trẫm sẽ không đụng đến chúng.”

Các quan cận thần ngạc nhiên, một vài người cất tiếng cười, cho rằng nhà vua nói đùa.

Nhưng vị vua trẻ nghiêm giọng nhắc lại, “Mang chúng đi cho khuất mắt ta. Dẫu hôm nay là lễ đăng quang, trẫm cũng không mang chúng đâu. Bởi những khung cửri Phiền muộn và những bàn tay Đau đớn đã dệt nên chiếc áo này. Những viên hồng ngọc nhuộm máu và ngọc trai nhuộm mùi chết chóc.” Và chàng kể cho họ về ba giấc mơ.

Đám cận thần nghe chuyện, ngơ ngác nhìn nhau và thì thầm: “Hẳn là nhà vua điên rồi, mơ chỉ là mơ, mộng chỉ là mộng. Có phải thực đâu mà tin theo. Chúng ta lại phải lo lắng cho cuộc sống của những kẻ lao động cho chúng ta ư? Chẳng lẽ người ta sẽ không ăn bánh sau khi nhìn thấy người trồng lúa, không uống rượu vang sau khi trò chuyện với kẻ trồng nho sao?”

Viên cận thần bèn tâu với nhà vua, “Tâu bệ hạ, xin người hãy gạt đi những suy tư u ám, hãy khoác chiếc áo đẹp đẽ này, và đội chiếc vương miện này lên. Làm sao người ta nhận ra ngài là vua nếu không có bộ long bào?”

Vị vua trẻ nhìn ông ta, “Thật vậy sao?” chàng hỏi, “Họ sẽ không nhận ra ta là vua nếu không có bộ long bào?”

“Họ sẽ không nhận ra đâu, thưa bệ hạ,” viên cận thần thốt lên.

“Trẫm cho rằng có những người chỉ nhìn thôi cũng nhận ra bậc vua chúa”, chàng đáp, “nhưng cũng có thể người nói phải. Dầu cho không mặc chiếc áo này, không đội chiếc vương miện này, nhưng ta đã tiến vào cung điện thì sẽ bước ra từ đó.”

Rồi chàng hiệu cho quần thần lui ra, chỉ lưu lại một người hầu làm tùy tùng, một thiếu niên kém chàng một tuổi. Có người hầu hạ rồi, và khi tự dẫm mình trong làn nước trong mát để tắm, chàng mở chiếc rương lớn sơn màu, lấy ra chiếc áo chên da và áo khoác da cừu mà chàng thường mặc khi còn chăn dê trên những triền đồi. Mặc xong quần áo, chàng lại cầm trên tay chiếc gậy chăn dê xù xì.

Cậu thị đồng mở to đôi mắt xanh vì ngạc nhiên, mỉm cười với chàng, “Bẩm hoàng thượng, thần đã thấy long bào và quyền trượng, nhưng vương miện của người đâu?”

Vị vua trẻ ngắt một cành tầm xuân mọc ngoài ban công, uốn thành vòng và đội lên đầu.

“Vương miện của ta đây,” chàng đáp.

Và với bộ trang phục này, chàng bước ra ngoài, tiến đến đại sảnh, nơi những kẻ quyền quý đang đợi chàng.

Đám quý tộc tỏ vẻ khoái trá, vài kẻ hét ầm lên, “Bệ hạ, dân chúng đang chờ đón vua của họ, chứ không phải một kẻ ăn mày,” còn những người khác giận dữ bảo nhau, “Ngài ấy đang làm nhục quốc thể, thật không xứng đáng trị vì chúng ta.” Nhưng chàng chẳng đáp lại một lời nào, cứ thế bước xuống

chiếc cầu thang bằng cẩm thạch, ra khỏi cánh cổng bằng đồng, cười lên lưng ngựa và đến thẳng nhà thờ, cậu bé người hầu chạy bộ theo chàng.

Dân chúng trông thấy cười rộ lên và chế nhạo, “Kẻ đang cười ngựa là tên hề của nhà vua.”

Chàng kéo cương ngựa và bảo, “Không, ta chính là nhà vua.” Rồi kể cho họ nghe về ba giấc mơ của mình.

Một người bước ra khỏi đám đông cay đắng nói với chàng, “Thưa ngài, ngài không biết sự xa xỉ của người giàu đem lại cuộc sống cho người nghèo ư? Những món xa hoa của ngài nuôi sống chúng tôi, sự phóng túng của ngài giúp chúng tôi có bánh mà ăn. Ông chủ bắt chúng tôi lao động vất vả rõ là khổ cực, nhưng nếu không có chủ thuê chúng tôi lao động vất vả thì còn khổ cực hơn. Ngài nghĩ rằng quạ sẽ cho chúng tôi ăn ư? Ngài định cứu vãn tình hình này thế nào? Chẳng lẽ ngài bảo với người mua, ‘Anh phải trả giá cao vào,’ và nói với người bán, ‘Anh chỉ bán giá này thôi?’ Tôi cho rằng ngài sẽ không làm vậy. Thế nên hãy quay về hoàng cung, mặc lại y phục sang trọng. Những gì ngài định làm cho chúng tôi, chính là những thứ khiến chúng tôi khổ cực.”

“Chẳng phải người giàu và kẻ nghèo đều là anh em sao?” vị vua trẻ hỏi.

“À”, người đó đáp, “người anh giàu có đó tên là Cain – Kẻ sát nhân².”

Vị vua trẻ mắt rưng rưng lệ nhòa, tiếp tục cười ngựa trong tiếng thầm thì của dân chúng, cậu bé người hầu vì sự hãi đã lìa bỏ chàng.

Khi chàng đến cổng lớn của nhà thờ, lính canh hạ ngọn giáo chặn lại và hỏi, “Người tìm kiếm gì ở đây? Không ai được bước vào trừ nhà vua.”

Chàng giận đỏ cả mặt, nói với họ, “Ta chính là nhà vua đây,” rồi gạt ngọn giáo ra mà bước vào.

Vị Giám mục già thấy chàng trong bộ quần áo chần cừ, ngạc nhiên đứng lên khỏi ngài, bước đến bên chàng, ông nói, “Con ơi, đây là trang phục của một vị vua sao? Vương miện nào ta sẽ đội cho con đây, quyền trượng

nào ta sẽ trao cho con đây? Đây hẳn phải là một ngày vui của con chứ đâu phải ngày hạ bệ con.”

“Niềm vui sẽ khoác bộ y phục do Nỗi buồn làm nên sao?” vị vua trẻ đáp. Rồi chàng kể cho đức Giám mục nghe về ba giấc mơ.

Vị Giám mục nghe xong, nhíu đôi mày nói, “Con ơi, ta nay đã già rồi, và với những ngày tháng lạnh lẽo của đời mình, ta đã chứng kiến bao nhiêu điều tàn ác trong cái thế giới rộng lớn này. Những tên cướp ác độc tràn từ núi xuống, bắt cóc trẻ em đem bán sang Maroc. Bầy sư tử rình rập các đoàn lữ hành để vồ lấy những con lạc đà. Lũ lợn rừng dày xéo mùa màng trong thung lũng, cày cáo cắn xé những đôi nho. Hải tặc hủy hoại bờ biển, đốt phá tàu bè ngư dân, cướp cả lưới đánh cá. Những người hủi sống ở đầm lầy, lấy lau sậy làm nhà và chẳng ai đến gần họ. Những kẻ hành khất lang thang mọi nơi, ăn cả đồ của chó. Con có ngăn được chúng không? Con có dám ngủ chung giường với người hủi và ăn cùng bàn với ăn mày không? Liệu sư tử có tuân lệnh và lợn rừng có phục tùng con chẳng? Chẳng phải Đấng tạo ra bất hạnh này khôn ngoan hơn con sao? Vậy nên ta không thể tán thành những việc con đã làm, ta mong con hãy quay lại hoàng cung với khuôn mặt tươi tỉnh, khoác vào bộ long bào, cùng với chiếc vương miện bằng vàng ta sẽ đội cho con và cây quyền trượng gắn ngọc trai ta sẽ trao cho con. Những giấc mơ kia, đừng nghĩ về chúng nữa. Gánh nặng thế gian quá lớn cho một bờ vai, và u buồn của thế gian quá sức chịu đựng cho một trái tim.”

“Cha nói vậy trong giáo đường ư?” vị vua trẻ nói, rồi chàng lách qua đức Giám mục, bước lên ban thờ, đứng trước tượng Chúa.

Chàng đứng trước tượng Chúa, bên tay phải và tay trái là những chiếc bình bằng vàng, những ly chứa rượu vang vàng óng, những chai đựng dầu thánh. Chàng quỳ trước tượng Chúa, những cây nến lớn bùng sáng chiếu lên giáo đường nạm đầy đá quý, cuộn những vòng khói lam mỏng mảnh lên mái vòm. Chàng cúi đầu cầu nguyện, mấy vị thầy tu sợ cứng người, vội lùi khỏi ban thờ.

Rồi đột nhiên có tiếng ồn ào ngoài đường vọng tới, và tiến vào là đám quý tộc với gươm tuốt trần, phất phơ chòm mũ, cùng chiếc khiên thép sáng loáng. “Đâu ra một kẻ nằm mộng³ thế này?” họ thét lên, “Đâu ra ông vua ăn mặc như một tên ăn mày thế này – chẳng nhóc làm nhục quốc thể? Chúng ta hẳn nên trừ khử hẳn, vì hẳn không xứng đáng trị vì chúng ta.”

Vị vua trẻ tiếp tục cúi đầu, và cầu nguyện, xong xuôi, chàng đứng dậy, quay mặt lại nhìn đám đông một cách buồn bã.

Kì diệu thay! Một luồng ánh sáng xuyên qua khung cửa sổ sặc sỡ chiếu lên người chàng, đan quanh người chàng thành một chiếc áo choàng lộng lẫy, hơn hẳn chiếc áo đã được làm cho chàng. Cây gậy chần dê trên tay chàng chợt nở hoa, những nụ lily còn trắng hơn cả ngọc trai. Vòng dây khô trên đầu cũng trở bông, những đóa hồng còn thắm hơn cả hồng ngọc. Trắng hơn cả ngọc trai là những nụ lily, cành hoa lấp lánh ánh bạc. Thắm hơn hồng ngọc là những đóa hồng, với những cái lá dát vàng.

Chàng đứng đó trong trang phục của một vị vua, và cánh cổng nạm đầy đá quý bật mở, chiếc bình đựng bánh thánh tỏa ra muôn ánh hào quang diệu kì và huyền bí. Chàng đứng đó trong trang phục của một vị vua, và Vinh quang Thiên chúa tràn ngập giáo đường, những tượng thánh đặt trong các hốc tường dường như đang cử động. Trong trang phục của một vị vua, chàng đứng trước họ, và những cây đàn ngân lên âm thanh, những chiếc kèn vang lên nhạc điệu, ca đoàn cất lên tiếng hát.

Dân chúng phủ phục vì kính sợ, đám quý tộc tra kiếm vào vỏ và tỏ lòng tôn kính, đức Giám mục mặt mũi tái nhợt, đôi tay run rẩy. “Đấng tối cao đã trao vương miện cho người,” ông thét lên, và quỳ trước mặt chàng.

Vị vua trẻ bước xuống từ ban thờ, băng qua đám đông mà trở về. Không ai dám ngẩng đầu nhìn vào mặt chàng bởi khuôn mặt ấy tựa như thiên thần.

Sinh nhật của công chúa

Hôm đó là sinh nhật của công chúa. Cô vừa tròn mười hai tuổi và mặt trời đang tỏa sáng rực rỡ trong vườn thượng uyển.

Mặc dù là một công chúa chính tông và là công chúa Tây Ban Nha nhưng mỗi năm cô cũng chỉ có một ngày sinh nhật, hệt như bọn trẻ con nhà nghèo, vì thế tự nhiên nó trở thành một sự kiện trọng đại của cả nước rằng nàng phải được hưởng một ngày thực tươi đẹp. Một ngày tươi đẹp là sự tất nhiên rồi. Những nhành hoa tuy-líp vươn cao nom tựa một hàng dài binh lính, thách thức nhìn những đóa hồng mọc trên bãi cỏ, và bảo, “Giờ thì chúng tôi cũng lộng lẫy như các bạn vậy.” Đàn bướm bướm tím chấp chới bay với những bụi vàng trên cánh, hỏi thăm từng đóa hoa; mấy con thằn lằn bé xíu từ các kẽ tường bò ra, nằm tắm mình trong ánh nắng tinh khiết, những quả lựu nứt bung vì nóng, phô bày đám hạt như trái tim rớm máu. Ngay cả những quả chanh non vàng, lúc liu trên những lưới rào mục nát và dọc theo những mái vòm âm u, dường như cũng thu được chút sắc màu từ ánh nắng kì diệu, những cây mộc lan bừng nở xòe những đóa hoa trông tựa mấy quả cầu bằng ngà, tỏa hương thơm ngọt ngào đậm đà vào không trung.

Cô công chúa bé bỏng chạy lên chạy xuống sân cùng bè bạn, chơi ú tim quanh các ụ đá và các pho tượng rêu phong cổ kính. Vào những ngày thường, cô chỉ được phép chơi đùa với bọn trẻ con thượng lưu, thế nên cô thường thui thủi chơi một mình, nhưng sinh nhật là một ngoại lệ, nhà vua đã cho phép cô mời bất kì bè bạn nào cô thích đến chơi và vui đùa cùng mình. Với vẻ chững chạc mà duyên dáng, lũ nhóc Tây Ban Nha mảnh dẻ nhẹ bước, bọn con trai với những chiếc mũ giắt lông chim lớn và áo choàng ngắn phấp phới, bọn con gái tay nâng đuôi áo dài thêu kim tuyến và che ánh nắng chói mắt bằng những cây quạt hai màu đen trắng lớn. Nhưng cô công chúa vẫn là xinh đẹp nhất, y phục trang nhã nhất, so với một ăn mặc nặng nề thời đó. Chiếc áo dài của cô bằng xa tanh xám, chân váy và tay bằng thêu bạc chi chít, áo trong đính những hàng khuy ngọc trai. Đôi dép nhỏ xíu với

chiếc nơ hoa hồng lộ ra dưới váy theo mỗi bước chân. Chiếc quạt lớn của cô bằng sa màu hồng đính ngọc trai, và mái tóc cô, tựa như một vòng hào quang vàng nhạt uốn quanh khuôn mặt nhỏ nhắn trắng trẻo của cô, cài thêm một đóa hồng trắng đẹp đẽ.

Từ một ô cửa sổ trong cung điện, đức vua buồn bã, u sầu ngắm bọn trẻ. Đứng sau nhà vua là người em, ngài Pedro xứ Aragon mà vua căm ghét, và cha xưng tội riêng của ngài, Đại pháp quan thành Granada đứng cạnh bên. Đức vua buồn bã hơn mọi ngày bởi khi ngài thấy công chúa nghiêng mình với vẻ nghiêm cẩn thơ ngây với các triều thần đang tụ lại, hoặc dùng cây quạt che miệng cười bà nữ công tước Albuquerque khắc nghiệt, người luôn bám theo cô, nhà vua lại nhớ về hoàng hậu trẻ, mẹ của cô, cách đây không lâu – nhà vua nghĩ thế – đến từ nước Pháp tươi vui, rồi úa tàn trong cảnh huy hoàng u ám của triều đình Tây Ban Nha, bà đã mất chỉ sau sáu tháng sinh hạ công chúa, trước cả khi bà được ngắm nhìn cây hạnh nở hoa lần thứ hai trong vườn, hay được hái trái vả năm thứ hai từ gốc vả xù xì mọc sừng sững chính giữa vườn cỏ um tùm. Tình yêu đức vua dành cho vợ thật thấm thiết đến mức người chẳng chịu để bất cứ thứ gì che khuất bà, kể cả năm mộ. Bà được ướp xác bởi một thầy thuốc người Maroc, đáp lại y cũng thoát được án tử của Tòa án tôn giáo vì tội dị giáo và tình nghi sử dụng ma thuật, xác ướp của bà hiện vẫn nằm trong chiếc quan tài phủ nhung, tại nhà nguyện xây bằng cẩm thạch đen trong hoàng cung, vẹn nguyên như khi các thầy tu đặt bà vào đó trong một ngày tháng Ba lộng gió mười hai năm về trước. Mỗi tháng một lần, nhà vua khoác áo choàng màu sẫm, với chiếc đèn lồng trên tay, tới quỳ bên bà mà thét lớn, “Hoàng hậu của ta! Hoàng hậu của ta!” đôi khi phá bỏ những lễ nghi chính thống mà ở Tây Ban Nha quy định từng chi tiết của cuộc sống, thậm chí quy định cả mức buồn của nhà vua, ngài nắm chặt bàn tay bạch ngọc bằng niềm đau hoang sơ và cố thức tỉnh bà bằng những nụ hôn điên cuồng lên khuôn mặt phấn sáp lạnh giá.

Hôm nay, ngài dường như thấy lại bà, như lần đầu tiên gặp nhau ở cung điện Fontainebleau, khi ngài mới mười lăm tuổi, và bà còn trẻ hơn. Lễ đính hôn của họ được tổ chức bởi chính Giáo hoàng Nuncio với sự hiện diện của

nhà vua nước Pháp cùng toàn thể triều đình, rồi ngài trở về Escorial mang theo chiếc nhẫn nhỏ kết bằng những sợi tóc vàng, cùng với ký ức về đôi môi thơ ngây cúi xuống để hôn lên bàn tay khi ngài bước lên xe ngựa. Ngay sau đó là đám cưới, nhanh chóng được tổ chức tại Burgos, một thị trấn nhỏ nằm giữa biên giới hai nước, và một lễ hội hoành tráng tại Madrid với đầy đủ nghi lễ trọng thể truyền thống tại giáo đường La Atocha, còn cả buổi hành hình uy nghiêm hơn bình thường nữa, với gần ba trăm kẻ dị giáo, phần lớn là người Anh, bị hội Cánh tay thế tục⁴ giải tới và thiêu sống.

Rõ ràng là nhà vua yêu bà một cách cuồng si, nó dẫn tới thất bại, như nhiều người nghĩ vậy, của đất nước ngài, trong cuộc chiến với nước Anh giành quyền sở hữu miền đất Tân Thế giới. Ngài hầu như chẳng bao giờ để bà rời khỏi tầm mắt, với bà, ngài hoàn toàn quên hoặc tỏ ra quên hết, mọi việc trọng đại của quốc gia, mù quáng tới mức trở thành nô lệ của niềm đam mê ấy, ngài sơ suất không nhận thấy rằng những nghi lễ rườm rà mà ngài tưởng sẽ làm hài lòng hoàng hậu, lại hóa làm trầm trọng thêm căn bệnh lạ mà bà mắc phải. Một quãng thời gian khi bà qua đời, ngài như kẻ mất hồn. Quả vậy, không nghi ngờ gì nữa, ngài từng muốn thoái vị và lui về ẩn cư tại đại tu viện Trappist xứ Granada, nơi ngài đang là tu viện trưởng danh dự, nếu như ngài không sợ phải bỏ mặc cô công chúa bé bỏng sống trong tình thương hại của người em trai ngài, kẻ khét tiếng tàn bạo, ngay cả tại Tây Ban Nha, nhiều người còn ngờ rằng hẳn đã đầu độc hoàng hậu bằng một đôi găng tay tẩm độc mà hẳn đã dâng tặng nhân dịp bà tới thăm lâu đài của hẳn ở Aragon. Thậm chí sau khi mất ba năm quốc tang mà nhà vua đã ban lệnh trong toàn vương quốc, ngài cũng không cho phép các đại thần đề cập việc kết thông gia, rồi khi một vị Hoàng đế đích thân mai mối nhà vua cưới cháu gái của ông, nữ Công tước xinh đẹp xứ Bohemia, ngài lệnh cho các sứ giả về tâu trình lại rằng nhà vua Tây Ban Nha đã kết hôn với U Sầu, tuy nàng chỉ là một cô dâu tàn úa, nhưng nhà vua yêu nàng hơn mọi người đẹp, câu trả lời khiến ngài mất đi các tỉnh giàu có xứ Hà Lan, bởi ngay lập tức, với sự xúi giục của Hoàng đế kia, các tỉnh này nổi loạn chống lại ngài dưới sự cầm đầu của những tín đồ Tân giáo.

Cuộc hôn nhân của đời ngài, với sự cuồng nhiệt, hoan nhiên rực lửa với kết cục lại tột đỉnh đốn đau, đã lại hiện ra trước mắt ngài khi ngắm nhìn công chúa vui đùa ngoài sân. Cô có mọi vẻ nóng nảy duyên dáng của hoàng hậu, cũng lối hất đầu bướng bỉnh, cũng khóe miệng cong cong xinh đẹp, cũng nụ cười tuyệt vời – chính tông kiểu Pháp, khi cô thoáng hiện qua khung cửa sổ, hay chìa bàn tay nhỏ xinh nhận những nụ hôn của các quý tộc Tây Ban Nha. Nhưng tiếng cười lạnh lạnh của đám trẻ con làm chối tai nhà vua, và ánh mặt trời tàn nhẫn chói lóa giễu cợt nỗi u sầu của ngài, lại còn những thứ mùi ẩm đăm lạ lẫm, như vẫn dùng để ướp xác, hình như làm ô uế, hay do ngài tưởng thế, bầu không khí ban mai trong lành. Ngài úp mặt vào đôi tay, và khi công chúa ngược nhìn lần nữa, các tấm rèm đã hạ xuống và nhà vua trở lui.

Nàng công chúa nhỏ khẽ trề môi vẻ thất vọng và nhún vai. Hẳn là vua cha có thể ở bên cô trong ngày sinh nhật của cô chứ. Các sự vụ vớ vẩn của vương quốc có gì quan trọng? Hay cha lại đến cái nhà nguyện âm u, nơi luôn cháy sáng những ngọn nến và cô thì chẳng được phép bén mảng? Cha ngờ ngẩn quá, mặt trời tỏa sáng rực rỡ nhường kia và ai nấy đều đang vui sướng! Thêm nữa, nhà vua sẽ lỡ cuộc đấu bò giả mà kèn hiệu đã vang lên, chưa kể đến màn múa rối cùng vô vàn thứ tuyệt diệu khác. Ông chú và viên Đại pháp quan thì biết điều hơn nhiều. Họ bước vào sân và tặng nàng những lời chúc tốt lành. Cô bèn hất cái đầu xinh xắn, cầm tay ngài Pedro, từ từ bước xuống cầu thang, tiến về phía dãy lầu dài bằng lụa tím dựng ở cuối vườn, đám trẻ xếp hàng theo sau, theo thứ tự đứa nào tên dài nhất được đi trước.

Đoàn diễu hành của những cậu bé quý tộc, trong trang phục tuyệt đẹp của người đấu bò, tiến lên đón cô, cậu Bá tước trẻ xứ Tierra-Nueva, một thiếu niên chừng mười bốn tuổi tuyệt đẹp, ngả mũ với vẻ duyên dáng của một kỵ sĩ quý tộc Tây Ban Nha bẫm sinh, trang trọng dẫn nàng vào ngồi trên một ghế khảm vàng và ngà voi trên một khán đài của đấu trường. Bầy trẻ xúm quanh, phe phẩy những cây quạt lớn vừa thì thầm to nhỏ, ngài Pedro và viên Đại pháp quan tươi cười đứng ở lối vào. Ngay cả nữ công tước, nữ tổng

quần cung đình như mọi người vẫn gọi, người phụ nữ gầy đét, cứng queo với cổ áo xếp màu vàng, nom cũng không đến nỗi khó tính như thường lệ, với một thoáng tựa nụ cười lướt qua khuôn mặt nhăn nhúm làm nhúu đôi môi nhợt nhạt của bà.

Hắn đây phải là một cuộc đấu bò tuyệt vời, còn hơn cả, công chúa nghĩ, cuộc đấu bò thật mà cô từng dự khán tại Seville nhân chuyến viếng thăm vua cha của công tước xứ Parma. Vài cậu thiếu niên nhảy phốc lên những con ngựa gỗ thẳng yên cương sang trọng, huơ huơ những ngọn lao dài dính những dải băng lấp lánh, đám khặc đi bộ vung vẩy tấm khăn đỏ trước mặt con bò, và nhanh nhẹn nhảy vọt qua rào chắn mỗi khi con bò lao đến, và “con bò” này giống hệt như bò thật, tuy chỉ được làm bằng cành liễu gai phủ lên, đôi khi nó cố ý chạy vòng quanh đấu trường trên hai chân sau, điều mà không con bò thật nào dám mơ đến. Nó cũng đánh đấm ra trò khiến đám trẻ bị kích động tới mức đứng cả lên ghế, vẩy vẩy chiếc khăn gào lên, “Hoan hô bò tốt! Hoan hô bò tốt!” cũng biểu cảm như những người lớn. Tuy vậy, rốt cuộc sau một cuộc đấu trường kỳ với nhiều con ngựa gỗ bị húc đổ và đám kỵ sĩ ngã ngựa, cậu Bá tước xứ Tierra-Nueva dúm con bò dưới đầu gối mình và xin phép công chúa cho nhát gươm ân huệ, cậu thọc thanh kiếm gỗ vào con bò mạnh đến nỗi cái đầu văng khỏi, và lộ ra khuôn mặt tươi cười của công tử Lorraine, con trai của ngài đại sứ Pháp tại Madrid.

Cả đấu trường vang lên những tràng pháo tay, những con ngựa gỗ chết được long trọng kéo ra bởi hai kẻ hầu người Maroc mặc áo dẫu màu vàng và đen, và sau một khoảng giải lao ngắn, trong khi một diễn viên nhào lộn người Pháp biểu diễn đi trên dây, vài con rối Ý trình diễn vở bi kịch bán cổ điển của Sophonisba trong một sân khấu nhỏ mới dựng lên để múa rối. Chúng diễn rất tốt, cử chỉ vô cùng tự nhiên, đến nỗi khi hạ màn thì đôi mắt công chúa đã đăm lẹ. Thực ra vài em bé còn khóc lóc nên người ta phải lấy bánh kẹo để dỗ dành, ngay chính viên đại pháp quan cũng bị ảnh hưởng, nên ông phải nói với ngài Pedro rằng ông khó có thể chấp nhận được việc những đồ vật đơn giản bằng gỗ và sáp màu này, được điều khiển bằng dây nhợ mà có thể bị lụy và gặp những điều bất hạnh đến vậy.

Một nghệ nhân người Phi, xách lên một cái giỏ lớn phủ khăn đỏ, rồi đặt nó chính giữa đấu trường, ông rút trong khăn xếp đội đầu ra một ống sáo bằng sậy lạ mắt và bắt đầu thổi. Một thoáng sau, tấm khăn bắt đầu động đậy, tiếng sáo mỗi lúc càng thêm lạnh lạnh thì hai con rắn màu lục và vàng góc cái đầu dèn dẹt dị kì từ từ ngoi lên, lắc lư theo điệu nhạc như cọng cây đong đưa trong nước. Những đứa trẻ, dẫu vậy, khá sợ hãi cái mang bành cùng cái lưỡi thụt thò như chớp, nên khoái trá hơn khi nghệ nhân làm cho một cây cam nhỏ mọc lên từ cát rồi nở ra những nụ hoa trắng xinh xắn và những trái cây thực thụ, và khi ông nhận chiếc quạt từ tay một bé gái con của hầu tước Las-Torres, rồi hóa phép nó thành một con chim xanh vừa lượn vòng quanh lều vừa ca hát, thì sự ngạc nhiên và thích thú của chúng trở nên vô hạn. Điệu nhảy minuet trang trọng cũng vậy, được biểu diễn bởi các cậu vũ công đến từ giáo đường Nuestra Senora Del Pilar thật quyến rũ. Công chúa chưa từng chứng kiến những buổi lễ tuyệt diệu diễn ra hàng năm vào dịp tháng Năm trước ban thờ Đức mẹ Đồng trinh, và vì danh dự của cô, không ai thuộc hoàng gia Tây Ban Nha đặt chân tới đại giáo đường Saragossa từ khi một gã thầy tu khùng, được nhiều người đồn rằng do nữ hoàng Elizabeth nước Anh thuê, để đầu độc hoàng tử xứ Asturias. Thế nên cô chỉ biết qua các tin đồn về cái được gọi là “Điệu nhảy Đức mẹ”, và hẳn là cảnh tượng đó rất đẹp. Những cậu bé mặc triều phục cổ xưa với áo nhung trắng và chiếc mũ ba sừng kì dị viền bạc và có chòm lông đà điểu lớn, ánh sáng lấp lánh trên y phục của chúng, mỗi bước nhảy của họ dưới nắng mặt trời lại càng thêm nổi bật bởi khuôn mặt rám nắng và mái tóc đen dài. Mọi người đều bị lôi cuốn bởi phong thái chững chạc khi chúng thực hiện những bước nhảy phức tạp, những cử chỉ phong nhã thong thả cầu kì, những lần cúi chào trang nghiêm, và khi các cậu bé biểu diễn xong, chúng ngả mũ chào công chúa, cô đón nhận lòng tôn kính đó một cách rất lịch thiệp và hứa sẽ quyên một cây bạch lạp lớn cho giáo đường Đức mẹ Pilar, đền đáp lại những niềm vui mà bà đã ban cho cô.

Một tốp người Ai Cập tuần tú – bấy giờ thường được gọi là dân Digan – tiến vào đấu trường, họ ngồi khoanh chân thành vòng tròn, bắt đầu khe khẽ chơi đàn dây, thân hình đong đưa theo điệu nhạc, thì thăm ngân nga nhẹ

như hơi thở tan trong không gian mơ màng. Khi họ bắt gặp cái nhìn của ngài Pedro, họ trợn mắt đáp trả, vài kẻ tỏ ra sợ hãi, bởi chỉ vài tuần trước đó, ngài đã treo cổ hai trong số bọn họ tại khu chợ Seville vì bị cho là phù thủy, nhưng công chúa lại khiến họ say đắm khi ngồi tựa trên ghế, liếc nhìn họ bằng đôi mắt xanh thăm thẳm qua cây quạt của cô, họ đinh ninh rằng một người đáng yêu như cô sẽ không đối xử độc ác với bất kì ai. Do vậy, họ tiếp tục chơi nhạc rất dịu dàng, chỉ khẽ chạm móng tay dài vào dây đàn, đầu họ bắt đầu gục gặc như ngủ gật. Bất chợt, một tiếng hét chói tai đến nỗi đám trẻ giật thót mình còn ngài Pedro vội nắm chặt chuôi dao mã não, đám người Ai Cập nhảy vọt lên trên đôi chân rồi múa may quay cuồng xung quanh những người đánh trống vừa ca lên những khúc hát yêu đương hoang dã với thứ giọng yết hầu lạ lẫm. Rồi bằng một tín hiệu nào đó, họ vật mình nằm dài trên mặt đất bất động, chỉ còn tiếng đàn dây bập bùng phá tan bầu tĩnh lặng. Sau khi biểu diễn vài lần, họ biến đi trong chốc lát rồi trở lại dật theo một con gấu nâu lông bồm xồm bị xích, đội trên vai vài chú khỉ cộc đuôi. Con gấu tròng cây chuối dồn toàn bộ trọng lượng của nó lên đầu, còn lũ khỉ nghịch đủ trò quậy phá cùng hai cậu bé Digan, có lẽ là chủ của chúng, lũ khỉ đấu nhau bằng những cây gươm, súng tí hon, hoặc duyệt binh như những người lính ngự lâm. Rõ là tiết mục của người Digan đã thành công tốt đẹp.

Nhưng phần vui nhộn nhất của buổi biểu diễn sáng nay, không nghi ngờ gì nữa là điệu nhảy của chú Lùn. Khi chú lão đảo bước vào đấu trường, lạch bạch trên đôi chân vòng kiềng, lắc lư cái đầu bự chẳng dị dạng hết bên nọ đến bên kia, đám trẻ phá lên cười sung sướng, và chính công chúa cũng cười mê mải đến nỗi bà quản gia buộc phải nhắc nhở rằng tuy ở Tây Ban Nha có nhiều luật lệ cho phép con gái của nhà vua khóc trước mặt những người cùng đẳng cấp nhưng không có lệ công chúa mang trong mình dòng máu hoàng gia lại cười bò ra trước những kẻ thấp hèn. Dầu vậy, chú Lùn có sức hấp dẫn không thể cưỡng được, ngay cả với triều đình Tây Ban Nha, vẫn luôn dành sự say mê đặc biệt cho thứ khủng khiếp, kì dị như con quái vật tí hon chưa hề thấy bao giờ này. Đây cũng là lần hiện diện đầu tiên của chú. Chú bị phát hiện một ngày trước đó khi đang chạy qua khu rừng, bởi hai gã quý tộc đang đi săn tại khu hẻm lánh của cánh rừng bao quanh thị trấn, rồi bị

tóm đến cung điện để làm món quà bất ngờ cho công chúa; cha chú, một người thợ đốt than nghèo khổ, cũng lấy làm hài lòng vì rũ bỏ được đứa con xấu xí và vô dụng đi. Điều lý thú nhất ở chú là chú hoàn toàn không ý thức được cái vẻ kì cục của mình. Thực ra chú có vẻ rất hài lòng và tràn đầy phấn khởi. Khi bọn trẻ cười, chú cũng cười thoải mái, hồ hởi như bất cứ đứa nào trong chúng, và khi kết thúc điệu nhảy, chú chào từng người một cách ngộ nghĩnh nhất, mỉm cười và gật đầu với chúng như thể chú là một trong số đó chứ không phải một kẻ tí hon dị dạng mà Tạo hóa, trong cơn hài hước, đã nặn ra để mọi người cùng cười cợt. Còn với công chúa, chú hoàn toàn bị nàng hấp hồn. Chú không thể rời mắt khỏi cô, và dường như chỉ nhảy múa cho riêng mình cô. Khi màn biểu diễn kết thúc, cô nhớ lại cách các vị mệnh phụ trong triều tung bó hoa cho Caffarelli, ca sĩ nổi tiếng người Ý, người mà đích thân Đức Giáo hoàng phái từ nhà nguyện của ngài tới Madrid hồng làm vợ nổi u sầu cho nhà vua bằng giọng ca ngọt ngào, cô gỡ đóa hồng bạch xinh xắn trên mái tóc, phần để đùa nghịch, phần đều chọc ghẹo bà quản gia, cô ném xuống đấu trường cho chú cùng một nụ cười ngọt ngào nhất mực; chú lại coi đó là hoàn toàn nghiêm túc, áp đóa hoa lên đôi môi thô kệch, chú đặt tay lên trái tim mình, quỳ một chân trước cô, ngoác miệng cười tới tận mang tai, và đôi mắt tí xíu lấp lánh niềm vui.

Điều đó phá tan vẻ trang nghiêm của công chúa, cô cứ cười ngặt nghẽo cho tới khi chú Lùn chạy ra khỏi đấu trường, cô bày tỏ mong muốn với ông chú rằng nên cho diễn lại ngay điệu nhảy vừa rồi. Tuy nhiên, bà quản gia, viện cố trời quá nóng nực, nên quyết định tốt hơn hết công chúa nên trở lại cung điện ngay tắp lự, tại đó đã bày sẵn một bữa tiệc tuyệt vời cho nàng, bao gồm cả chiếc bánh sinh nhật với các chữ viết tắt tên nàng được viết bằng đường cùng một lá cờ đáng yêu bằng bạc phất phơ bên trên. Công chúa nghe vậy liền nghiêm trang đứng lên, cô ban lệnh rằng chú Lùn sẽ biểu diễn lại cho cô sau giờ nghỉ trưa, đồng thời gửi lời cảm tạ tới cậu Bá tước xứ Tierra-Nueva bởi buổi tiếp đón nồng nhiệt, cô trở về phòng mình với lũ trẻ đi sau đúng theo thứ tự như khi đến.

Khi chú Lùn nghe nói được nhảy múa lần thứ hai cho công chúa, do đích thân cô hạ lệnh, chú hãnh diện tới mức chạy ào ra vườn, hôn lên đóa hồng trắng trong niềm hân hoan phấn khích một cách phi lý, vừa múa may một cách vụng về và thô kệch vì quá sung sướng.

Những đóa hoa đều bất bình vì chú cả gan xâm phạm lãnh địa xinh đẹp của chúng, và khi thấy chú nhún nha nhún nhảy, huơ huơ tay trên đầu thật ngớ ngẩn, chúng không thể kiềm chế cảm xúc được nữa.

“Gã thật xấu xí, không được phép chơi đùa ở những nơi có sự hiện diện của chúng ta,” hoa tulip gào lên.

“Gã nên uống thuốc rồi ngủ quách ngàn năm luôn đi,” hoa lily đỏ thắm nói, chúng càng thêm đỏ bừng lên vì giận dữ.

“Gã thật quá kinh tởm,” xương rồng la lên. “Sao ư, gã cong queo lại lùn tịt, còn cái đầu hoàn toàn quá khổ so với đôi chân. Gã làm tớ gai hết cả người, nếu gã dám lại gần, tớ sẽ cho gã nếm mùi gai đâm.”

“Gã lại vớ được bông hoa đẹp nhất của tôi kìa,” hồng bạch kêu lên. “Chính tôi đã tặng nó cho công chúa sáng nay làm quà sinh nhật rồi gã đã đánh cắp nó.” Rồi nó thét tướng lên hết mức có thể: “Trộm, trộm, trộm!”

Cả những cây phong lữ đỏ, thường hiếm khi ra mặt và được coi là bạn thân thiết với những người nghèo khổ, cũng cuộn tròn lại với vẻ ghê sợ khi thấy chú Lùn, khi đám violet nhẹ nhàng nhận xét rằng đầu trông chú quá mức tầm thường, biết làm sao được, chúng bẻ lại rằng vì lẽ công bằng lỗi thuộc về chính chú Lùn, chẳng có lý do gì để người ta phải ngưỡng mộ một người bởi khiếm khuyết của anh ta, và quả thực, ngay cả vài bông violet cũng cảm thấy vẻ xấu xí của chú lùn quá hiển hiện, vậy nên nhẽ ra chú nên tỏ ra hợp gu hơn bằng vẻ buồn bã hay chí ít là vẻ trầm ngâm, thay vì múa may quay cuồng, buông mình vào những trò ngớ ngẩn và lỗ bịch.

Còn cụ đồng hồ mặt trời, một người rất đáng chú ý, vốn chỉ báo giờ cho những người ngang hàng với Hoàng đế Charles Đệ ngũ, cụ cũng sững sốt với sự xuất hiện của chú Lùn, đến mức quên băng cả chỉ giờ bằng cái bóng của ngón tay cụ những hai phút liền, không nhin được phải nói với chú công

lông trắng đang tắm nắng trên ban công, rằng “con vua thì lại làm vua, con sãi ở chùa lại quét lá đa,” và thật phi lý nếu cố giả vờ là không phải như vậy, tuyên bố này được chim công hoàn toàn tán thành, và quả tình là nó hét lên thật to và đồng thanh, “Đúng vậy! Đúng vậy!” khiến cho chú cá vàng ngu trong bể phun nước phải ngoi đầu lên mà hỏi bức tượng đá Thần biển rằng chuyện gì đang xảy ra trên mặt đất vậy.

Nhưng lũ chim thì lại thích chú. Chúng thường thấy chú trong rừng, nhảy múa như một tiểu yêu đuổi theo những chiếc lá quay tít mù, hay ẩn mình trong hốc một cây sồi già cùng bày sóc chia nhau mấy hạt dẻ. Chúng chẳng hề thấy chú xấu xí chút nào cả. Sao nào, ngay chính chim họa mi vẫn thường cất tiếng hót ngọt ngào trong những vườn cam ban đêm đến nỗi mặt trăng còn phải nghiêng mình lắng nghe, cũng chẳng lấy gì làm đẹp đẽ, và chẳng chú lại rất tốt bụng với chúng, trong suốt mùa đông lạnh giá khủng khiếp, khi cây cối không còn chút hoa quả và mặt đất cứng như thép, lũ sói đói lê lét quanh cổng thành tìm thức ăn, thì chú không hề bỏ mặc bày chim, chú thường rải những mẩu vụn bánh mì đen, hay chia sẻ với chúng bữa sáng xoàng xĩnh của chú.

Bởi thế bày chim thường liệng vòng vòng quanh chú, chạm vào má chú bằng đôi cánh mỗi khi lướt qua và riu rít gọi nhau, còn chú Lùn thì khoái quá, không thể không khoe với chúng bông hồng tuyệt đẹp, và kể lại chuyện công chúa đích thân trao tặng vì cô yêu chú.

Lũ chim chẳng hiểu gì những lời chú nói nhưng có hề chi, chúng nghiêng nghiêng đầu một bên tỏ vẻ thông thái, tựa như rất dễ dàng để hiểu bất cứ điều gì.

Bọn thằn lằn cũng cực kì thích chú, khi chú rã rời vì chạy nhảy, gieo mình nằm xuống bãi cỏ nghỉ ngơi, chúng chơi đùa nghịch ngợm đủ trò quanh chú, mua vui cho chú theo cách tốt nhất có thể. “Không ai đẹp bằng thằn lằn,” chúng la lên, “chỉ là mơ mộng hão huyền. Và dẫu nghe có vẻ ngớ ngẩn thì nói cho cùng chú cũng đâu có quá xấu xí, miễn sao người ta nhắm mắt lại đừng nhìn chú.” Bọn thằn lằn vốn là những nhà triết học bẩm sinh,

chúng có thể ngồi suy tưởng hàng giờ liền khi chẳng có việc gì để làm, hoặc khi trời mưa quá to khiến chúng không đi đâu được.

Tuy nhiên các bông hoa lại tức điên lên vì những hành động của chúng và của cả lũ chim. “Điều đó chỉ chứng tỏ,” chúng nói, “hậu quả tầm thường của việc bay nhảy liên tục. Người có giáo dục luôn luôn ở nguyên một chỗ, như chúng tôi đây. Chẳng ai thấy chúng tôi nhún nhảy trên đường, hay chạy như điên đuổi theo lũ chuồn chuồn. Khi chúng tôi muốn thay đổi không khí, chỉ cần gọi lão làm vườn, để lão đem chúng tôi đến nơi khác. Nhưng bọn chim chóc và thằn lằn lại chẳng hề biết ngơi nghỉ, và quả thực bọn chim chóc làm gì có cái địa chỉ nào đâu. Chúng lang thang như dân du mục và cũng đáng bị đối xử như vậy.” Nói đoạn, những bông hoa hếch mũi lên trời, ra bộ kiêu căng, và lấy làm thích thú khi một lát sau chúng thấy chú Lùn bò ra khỏi thảm cỏ và băng qua thềm để đi đến cung điện.

“Hắn nên bị nhốt trong nhà cho đến hết đời,” chúng nói. “Nhìn mà xem, cái lưng gù với đôi chân vòng kiềng,” rồi chúng lại cười rộ lên.

Nhưng chú Lùn chả biết gì mấy chuyện ấy. Chú yêu cực kì bầy chim chóc, đám thằn lằn và cũng cho rằng những đóa hoa là các tạo vật tuyệt vời nhất trên cõi đời, tất nhiên trừ công chúa ra, từ sau khi cô tặng chú bông hồng trắng xinh đẹp, rồi cô yêu chú, rồi tất cả trở nên khác hẳn. Chú mơ được trở lại gặp cô biết bao. Cô sẽ nắm bàn tay chú, mỉm cười với chú, và chú sẽ chẳng bao giờ rời xa cô, mà sẽ biến cô thành bạn chơi cùng chú, dạy cho cô đủ trò tuyệt diệu. Tuy trước kia chú chưa từng đến một cung điện nào nhưng chú vẫn biết cực nhiều trò hay ho. Chú có thể nhanh chóng đan một cái lồng nhỏ để con châu chấu trong đó hát hò, hoặc biến những ống trúc nhỏ thành cây sáo mà Thần rừng rất thích nghe. Chú biết tiếng hót của mọi loài chim, có thể gọi một con sáo đang đậu trên ngọn cây xuống, hay kêu một con diệc dưới ao lên. Chú lại biết dấu chân của muôn loài thú, có thể theo vết một con thỏ bằng dấu chân mờ mịt của nó hay bọn heo rừng qua đám lá bị giày xéo. Mọi vũ điệu hoang dã chú đều hiểu, vũ điệu điên cuồng trong trang phục đỏ thắm của mùa thu, điệu nhảy thanh nhã với đôi giày xanh trên nương ngô mùa hè, điệu múa những bông hoa tuyết giữa mùa

đông, hay vũ điệu nở hoa trong vườn quả khi xuân sang. Chú biết nơi lũ chim cu xây tổ, và một lần, một người thợ săn đánh bẫy chim bố mẹ, chú đã mang đám chim non theo, và xây cho chúng một cái tổ mới trong khe nứt của một cây du mật ngọt. Bầy chim non rất dạn người, sáng sáng lại mổ ăn trên tay chú. Công chúa sẽ thích chúng, và cả những chú thỏ chạy thoăn thoắt trong những bụi dương xỉ, những cậu chim giẻ cùi lông cứng mỏ đen, những chàng nhím có thể tự cuộn mình thành quả cầu gai tua tủa, và những bác rùa thông thái lúc nào cũng đứng đỉnh, lúc lắc cái đầu mà gặm đám lá non. Phải rồi, công chúa nhất định phải vào rừng chơi với chú. Chú sẽ nhường nàng chiếc giường xinh xắn của mình, còn chú sẽ đứng gác ngoài ô cửa cho tới tận bình minh để đề phòng bọn trêu rừng không làm hại nàng hay lũ sói đói không đến quá gần túp lều. Và khi bình minh, chú sẽ gõ vào cánh cửa đánh thức công chúa dậy, họ sẽ cùng nhau dạo chơi và nhảy múa suốt ngày. Sẽ chẳng có chút cô độc nào trong rừng cả. Thỉnh thoảng có ông giám mục cười con lừa trắng ngang qua, lớn tiếng đọc một cuốn sách có tranh minh họa. Cũng đôi khi, những thợ săn đi qua, với mũ nhung xanh trên đầu, mình mặc áo chên da hươu và trên tay đậu một con chim ưng. Vào mùa nho, những người thợ hái nho cũng đến, tay chân họ nhuộm sắc tím, quần quanh mình dây nho bóng mượt, đem theo những túi da đầy rượu vang, và những người đốt than ban đêm ngồi quanh đống lửa lớn, ngắm những cành củi khô dần cháy thành than và mớ hạt dẻ vùi trong tro nóng, cả mấy tên cướp từ trong hang ra vui đùa cùng họ. Cũng có lần, chú thấy một đoàn diễu hành ngang qua trên con đường ngoằn ngoèo bụi bặm tới Toledo. Mấy thầy tu đi trước, ngân nga hát rất hay, tay cầm những lá cờ lấp lánh và những cây thập tự bằng vàng, theo sau, những người lính mặc giáp bạc, mang gươm súng, vây quanh ba người đi chân đất, mặc những chiếc áo màu vàng có vẽ những hình thù kì dị, cầm trên tay những ngọn nến đang cháy. Chắc chắn có vô khối thứ đáng nhìn ngắm trong rừng, và khi cô mệt rồi, chú sẽ tìm một tấm thảm rêu mềm mại cho cô ngã lưng, hoặc bông cỏ trên tay, chú rất khỏe mà, dẫu biết mình không cao lớn cho lắm. Chú sẽ làm cho cô chuỗi vòng bằng trái cây đỏ mọng, cũng đẹp như những trái dâu trắng in trên váy cô, và khi cô chán chúng, cô có thể quăng chúng đi và chú sẽ tìm cho cô những trái

khác. Chú sẽ đem cho cô chiếc cốc bằng hạt sồi, những cây cỏ chân ngỗng ướt đầm sương, và những con đom đóm bé xíu cài lên mái tóc vàng của cô làm những vì sao.

Nhưng công chúa đang ở đâu? Chú hỏi bông hồng trắng, hoa không đáp lời. Cả cung điện dường như đang chìm trong giấc ngủ, cả những cánh cửa chớp cũng không ai đóng lại, các tấm rèm nặng nề đã được kéo lại để che ánh nắng chói chiếu qua cửa sổ. Chú đi lòng vòng xung quanh để tìm một lối vào, và cuối cùng chú bắt gặp một cánh cửa nhỏ đang để ngỏ. Chú lướt qua và thấy mình đang đứng trong một đại sảnh tráng lệ, tráng lệ hơn cả khu rừng, chú nghĩ vậy, sơn son thiếp vàng khắp mọi nơi, thậm chí sàn nhà cũng lát bằng đá màu sắc sỡ, ghép lại với nhau thành một loại hoa văn hình học. Nhưng cô công chúa nhỏ không có đó, chỉ thấy mấy pho tượng màu trắng đẹp đẽ trên bệ ngọc nhìn xuống chú bằng đôi mắt trắng buồn bã và nụ cười lạ lùng.

Phía cuối sảnh treo một bức màn thêu bằng nhung đen quý giá, tô điểm bằng hình mặt trời và mặt trăng, những thứ yêu thích của nhà vua, và thêu bằng màu ngài thích nhất. Công chúa nấp sau đó chẳng? Chú sẽ thử xem sao.

Chú rón rén tiến tới, kéo tấm màn ra. Không, đó là một căn phòng khác, một căn phòng đẹp hơn chỗ mình vừa bước qua, chú nghĩ vậy. Trên tường treo những tấm thảm xanh sắc sỡ, diễn tả một cuộc săn bắn – một công trình mà các nghệ sĩ người Hà Lan đã dành bảy năm để sáng tạo ra. Có một thời, căn phòng này thuộc về ông vua điên Jean, như người ta thường gọi vậy, vị vua điên này say mê săn bắn tới mức khi trong cơn say máu, ông vừa cố gắng nhảy lên con ngựa đang lồng lên dữ dội, vừa giật xuống con hươu mà lũ chó săn đang nhảy bổ vào, miệng thổi vang chiếc kèn săn, và thọc thanh đao vào mình con hươu khác đang phóng như bay. Giờ căn phòng này được dùng làm phòng họp, trên chiếc bàn trung tâm có đặt những chiếc cặp tài liệu màu đỏ của quan đại thần, đóng dấu hoa tulip Tây Ban Nha bằng vàng, cùng các vũ khí và gia huy dòng họ Habsburg.

Chú Lùn ngạc nhiên nhìn quanh và hơi sợ hãi không dám bước tới. Những kỵ sĩ lạ lùng và lạng yên phi nước đại qua những trảng đất dài mà chẳng hề gây ra tiếng động nào, khiến chú liên tưởng tới những bóng ma khủng khiếp mà cánh thợ đốt than từng kể, bọn Comprachos, những kẻ săn đêm, nếu chúng bắt gặp ai, liền biến người đó thành hươu và săn đuổi. Nhưng chú nghĩ tới công chúa xinh đẹp và trở nên can đảm. Có lẽ cô đang ở ngay căn phòng kia.

Chú chạy băng qua những tấm thảm mềm mại xứ Maroc và mở cánh cửa ra. Không, cô không ở đây. Căn phòng trống không.

Đây là căn phòng thường dùng để tiếp đón sứ thần các nước mà nhà vua đồng ý triệu kiến, dù không thường xuyên, nhiều năm trước, đặc sứ đến từ nước Anh từng ở đây bàn bạc về hôn lễ của Nữ hoàng nước họ, một nước Công giáo châu Âu, với Trưởng hoàng tử của Hoàng đế. Các bức tường phủ da xứ Cordovan dát vàng, một cây đèn chùm bằng vàng có ba trăm đài nến treo trên trần nhà mang hai màu đen trắng. Bên dưới là một cái tán bằng vải dệt từ vàng, có thêu hình sư tử và ngọn tháp Castile bằng ngọc trai, chiếc ngai vàng sừng sừng, trên phủ tấm nhung đen sang trọng thêu hoa tulip được làm tinh tế từ bạc và ngọc trai. Trên bậc thứ hai của ngai vàng có đặt chiếc ghế dành cho công chúa cùng chiếc nệm bằng vải dệt từ bạc, phía dưới nữa, bên rìa của cái tán là chiếc ghế dành cho Giáo hoàng Nuncio, người duy nhất có quyền ngồi cùng nhà vua trong bất kì ngày lễ nào, với chiếc mũ Hồng y đầy tua đỏ đặt trên chiếc ghế đầu màu tím phía trước. Trên bức tường đối diện với ngai vàng, treo bức tranh chân dung của vua Charles Đệ ngũ bằng kích cỡ thật trong y phục đi săn, bên cạnh con chó săn lớn của ngài, rồi một bức tranh vẽ Philip Đệ nhị đang nhận lời chúc tụng của xứ Hà Lan treo chính giữa một bức tường khác. Giữa các khung cửa sổ là một chiếc tủ nhiều ngăn bằng gỗ mun đen khảm ngà các họa tiết lấy từ bức tranh của Holbein “Vũ điệu của cái chết” mà nhiều người cho rằng chính tay bậc thầy nghệ thuật nổi tiếng này đã tạo ra.

Nhưng chú Lùn bé bỏng chẳng hề để tâm đến vẻ tráng lệ này. Chú sẽ chẳng đổi đóa hồng của mình lấy những viên ngọc trai trên cái tán, hay thậm

chỉ chỉ một cánh hoa lấy cái gai vàng kia. Chú chỉ muốn tìm thấy công chúa trước khi cô đi xuống dãy lầu và rủ cô đi theo mình sau khi chú nhảy múa cho cô xong. Ở đây, nơi cung điện này, không khí tù túng và nặng nề, còn trong rừng, gió thổi vi vu, ánh mặt trời với đôi bàn tay vàng lơ đãng lật nghiêng những phiến lá. Lại còn hoa nữa, trong khu rừng, có lẽ không rực rỡ bằng những đóa hoa trong vườn nhưng tỏa hương ngào ngạt hơn, dạ lan hương khi chớm xuân phủ tím thung lũng tươi mát và những triền đồi mượt cỏ, hoa báo xuân vàng nép mình bên đám rể sồi khẳng khiu, những bông hoa rừng vàng tươi và xanh lơ, tím hoa cà và vàng rực. Lại có hoa đuôi sóc bám trên cành phi, hoa chuông lúc liu lổ chỗ như tổ ong trĩu xuống. Cây dẻ có ngọn như ngôi sao trắng, cây táo gai đẹp như vàng trắng nhạt nhòa. Phải rồi, chắc hẳn công chúa sẽ đi cùng chú, chỉ cần chú tìm ra cô thôi. Công chúa sẽ đi cùng chú vào khu rừng xinh đẹp, và cả ngày chú sẽ nhảy múa khiến cô vui vẻ. Nghĩ tới đó, ánh mắt chú sáng lên nụ cười, và chú bước vào căn phòng tiếp theo.

Trong tất cả các căn phòng, đây là nơi sáng sủa nhất và đẹp đẽ nhất. Các bức tường phủ gấm Lucca màu hồng, thêu hình chim chóc và điểm xuyết những nụ hoa xinh xắn bằng bạc, đồ đạc trong phòng cũng làm bằng bạc khối, chạm trổ những vòng hoa tươi tắn cùng Thần Tình yêu bay lượn, đối diện hai cái lò sưởi là những tấm màn lớn thêu hình chim vẹt và chim công, còn sàn nhà lát bằng mã não màu xanh biển như trái dãi tới mênh mông. Nhưng không phải chú cô độc một mình. Đứng dưới bóng của khung cửa phía cuối phòng, chú thấy một hình dáng nhỏ xíu đang nhìn chú. Chú giật thót tim và thốt lên một tiếng vui sướng trên môi và đi tới phía có ánh sáng. Người kia cũng bước lại khiến chú thấy rõ ràng.

Công chúa! Một con quái vật, một con quái vật kì dị nhất chú từng thấy. Nó không có hình thù gì tương tự như loài người, lưng thì gù, chân vòng kiềng, một cái đầu lớn lặc lè với một bờm tóc đen. Chú Lùn cau mày, nó cũng cau mày theo. Chú cười, nó cũng cười với chú, cũng chống tay lên hông hệt như chú đang làm. Chú cúi chào một cách giễu cợt, nó cũng nghiêng mình đáp lễ. Chú tiến lên, nó cũng tiến lại, bắt chước từng bước của

chú và dừng lại đúng lúc chú dừng lại. Chú hét lên thích thú, rồi chạy ủa tới, chìa tay ra phía trước, bàn tay của con quái vật liền chạm vào chú, tay nó lạnh như băng vậy. Chú chột sợ hãi, bèn dịch tay sang, con quái vật cũng chuyển tay theo liền. Chú thử ấn một cái, nhưng có thứ gì đó trơn và cứng ngăn chú lại. Khuôn mặt con quái vật giờ ngay sát mặt chú, dường như cũng ngập tràn sợ hãi. Chú đưa tay gạt mớ tóc che mắt. Nó cũng bắt chước. Chú bèn đánh nó, nó cũng đánh trả từng cú một. Chú ghê tởm nó, nó cũng chìa khuôn mặt như vậy với chú. Chú lùi bước, nó cũng rút lui.

Gì vậy nhỉ? Chú thoáng suy nghĩ một chút, đưa mắt nhìn quanh căn phòng. Thật kì lạ, mọi thứ dường như đều được nhân đôi bởi bức tường vô hình bằng nước trong suốt. Phải rồi, tranh lặp lại tranh, ghế lặp lại ghế. Thần mục đồng Faun đang ngủ trong hốc tường gần khung cửa có thêm người em song sinh cũng đang ngủ say sưa và thần Vệ nữ bằng bạc đứng trong ánh sáng đang chìa tay ra với một thần Vệ nữ đáng yêu như mình.

Lẽ nào là Nữ thần Tiếng vang? Một lần chú đã gọi và nữ thần đáp lại chú từng lời một. Lẽ nào nữ thần đã lặp lại ánh mắt giống như đã lặp lại âm thanh? Lẽ nào nàng tạo ra một thế giới bắt chước hết như thế giới thực? Lẽ nào cái bóng cũng có màu sắc, sống động và di chuyển được? Lẽ nào lại vậy?

Chú giật mình, rút bông hồng tuyệt đẹp trong ngực ra, chú xoay người lại, hôn lên nó. Con quái vật cũng có đóa hoa của nó, giống nhau đến từng cánh hoa! Nó cũng hôn lên bông hoa giống như chú và ấp nó lên ngực bằng một động tác kinh khủng.

Lúc sự thật vỡ òa trong đầu, chú thét lên một tiếng hoang dã tuyệt vọng và lăn ra đất khóc nức nở. Hóa ra chú chính là kẻ dị dạng, gù lưng, chân vòng kiềng. Chính chú là con quái vật kia và chính chú là kẻ bị lũ trẻ cười vào mặt, còn cô công chúa bé bỏng mà chú cứ tưởng rằng cô yêu chú – cô cũng đơn giản chỉ là chế giễu vẻ xấu xí của chú, thích thú với việc chân tay vắn vẹo của chú. Sao họ không để chú trở về khu rừng, nơi chẳng có tấm gương nào nói cho chú biết về gớm ghiếc của mình? Sao cha chú không giết quách chú đi, để chú khỏi phải rơi vào nỗi khổ nhục. Những giọt nước mắt

nóng bỏng chảy xuống má, chú xé tan đóa hồng thành từng mảnh, con quái vật uế oải cũng làm theo, nó tung những cánh hoa tả tơi lên trời. Nó lại ngã vật ra đất, và khi chú nhìn nó, nó nhìn lại chú với khuôn mặt được vẽ bởi buồn đau. Chú lén bỏ đi để khỏi phải trông thấy nó, với đôi tay che mắt. Chú lê lét như một người bị thương vào trong bóng tối, và nằm đó rên rỉ.

Đúng lúc đó, công chúa cùng bạn bè bước vào qua khung cửa ngõ, khi họ thấy chú Lùn nhỏ bé xấu xí nằm dưới đất và đấm tay thành thịch xuống nền nhà, bằng một điệu bộ cực kì sung sướng một cách quá quắt, phá lên cười một cách hi hả, họ xúm lại đứng vòng quanh chú.

“Điệu nhảy của hãnh thật hài hước,” công chúa nói, “nhưng cử chỉ của hãnh giờ còn buồn cười hơn. Hãnh quả thực gần bằng mấy con rối rồi, chỉ kém tự nhiên hơn thôi.” Rồi cô phe phẩy chiếc quạt và tán thưởng.

Nhưng chú Lùn bé nhỏ chẳng hề ngược lên, tiếng nức nở của chú mỗi lúc một nhỏ dần, rồi đột nhiên chú thờ hõn hển, tay ôm lấy mạng sườn. Rồi chú đổ vật ra, nằm im không động đậy.

“Hay đấy,” công chúa nói sau một thoáng ngưng lại, “nhưng giờ mi phải nhảy cho ta xem.”

“Phải đấy,” lũ trẻ hét lên, “hãy đứng dậy và nhảy, mi cũng khôn như lũ khi, nhưng buồn cười hơn nhiều.” Nhưng chú Lùn vẫn lặng im không đáp.

Công chúa giậm chân và gọi ông chú của cô, người đang bước lên thềm cùng quan thị vệ, ông đang đọc vài thông điệp gửi tới từ Mexico, nơi tòa án tôn giáo mới được lập nên.

“Gã Lùn đang dỗi cháu,” cô hét lên, “chú mau bảo nó đứng lên và nhảy múa cho cháu xem.”

Họ mỉm cười cùng nhau, ung dung bước vào, và ngài Pedro cúi xuống, tát lên má chú lùn bằng chiếc găng tay trắng. “Mày phải nhảy múa,” lão nói, “con quái vật tí hon. Mày phải nhảy múa, công chúa Tây Ban Nha và xứ Indies muốn được giải trí.”

Nhưng chú Lùn chẳng hề cựa quậy.

“Gọi người phạt roi tới thôi,” ngài Pedro uể oải nói, và trở ra ngoài sân. Nhưng quan thị vệ nhìn có vẻ nghiêm trọng, ông quỳ xuống bên chú Lùn, đặt tay gần tim chú. Một lát sau, ông nhún vai và đứng dậy, cúi đầu chào công chúa và nói.

“Thưa công chúa xinh đẹp, gã hề lùn của người không bao giờ nhảy múa được nữa. Thật đáng tiếc vì cái xấu xí của gã có thể khiến đức vua phát cười.”

“Nhưng vì sao gã không nhảy múa nữa?” công chúa vừa hỏi vừa cười.

“Bởi trái tim nó đã vỡ tan,” quan thị vệ đáp.

Công chúa cau mày, đôi môi hồng xinh xắn bĩu lại khinh khỉnh. “Từ giờ trở đi, hãy để những kẻ không có trái tim đến nhảy múa cho ta,” cô nói rồi chạy ùa ra vườn.

Chàng ngư phủ và Linh Hồn

Tối nào chàng ngư phủ cũng đi ra biển, quăng lưới xuống nước.

Nếu gió từ đất liền thổi ra, anh sẽ chẳng bắt được con cá nào, hoặc may lắm thì vài con lẻ tẻ, bởi đó là ngọn gió nghiệt ngã với đôi cánh màu đen xô vào ngọn sóng dữ. Nhưng nếu gió từ biển thổi vào bờ, cá từ dưới nước ngoi lên và bơi vào lưới, anh sẽ kéo lên và đem ra chợ bán.

Tối nào chàng ngư phủ cũng đi ra biển, thế rồi một hôm, lưới của anh bỗng nặng trĩu tới mức khó mà kéo lên thuyền nổi. Anh phá lên cười, tự nhủ, “Hẳn là mình đã bắt tất cả lũ cá đang bơi, hoặc tóm được con quái vật ngớ ngẩn khiến mọi người kinh ngạc, hoặc thứ gì đó kinh khủng tới mức Hoàng hậu cũng muốn có,” rồi vận hết sức mình, anh kéo mạnh những sợi thừng to tướng, như vệt sơn trên những chiếc bình đồng, gân xanh nổi đầy cánh tay anh, chiếc lưới cuối cùng cũng được kéo lên khỏi mặt nước

Nhưng chẳng có tôm cá chi cả, không quái vật hay cái gì kinh khủng hết, chỉ có một Nàng tiên cá bé bỏng đang ngủ say.

Tóc của cô như bộ lông cừu vàng ướm đẫm, từng sợi tóc lại như những sợi chỉ vàng ròn đặt trong chiếc ly thủy tinh. Thân mình cô trắng như ngà, và đuôi như bằng bạc cùng ngọc trai. Bạc và ngọc trai làm đuôi với những ngọn rong biển xanh quấn quanh, đôi tai cô như vỏ sò và môi đẹp như san hô. Những con sóng lạnh vỗ lên ngực cô và những hạt muối lấp lánh đọng nơi mi mắt.

Cô xinh đẹp đến nỗi khi chàng ngư phủ vừa nhìn thấy, anh ngạc nhiên xiết bao, anh vươn tay ra, kéo chiếc lưới lại gần hơn, rồi cúi mình xuống bên mạn thuyền bông cô lên. Khi anh chạm vào người, cô chột thốt lên một tiếng như con hải âu giật mình và tỉnh giấc, cô nhìn anh với vẻ khiếp hãi với đôi mắt như viên thạch anh màu tím hoa cà, và vùng vẫy hòng trốn thoát. Nhưng anh đã ôm chặt lấy cô, để cô không thể bỏ đi.

Khi thấy chẳng có cách gì trốn thoát cô bắt đầu khóc và nói, “Xin người hãy thả tôi ra, bởi tôi là con gái duy nhất của Long vương, cha tôi đã già rồi và rất cô đơn.”

Nhưng chàng ngư phủ đáp, “Tôi sẽ không thả cô ra nếu cô không hứa với tôi rằng, bất cứ khi nào tôi gọi, cô phải đến ngay và hát cho tôi nghe, bọn cá rất thích nghe bài ca do thủy tộc hát và lưới của tôi sẽ tha hồ đầy.”

“Anh thực sẽ thả tôi ra, nếu tôi hứa sẽ làm như vậy chứ?” Nàng tiên cá hỏi.

“Tất nhiên rồi, tôi sẽ thả cô,” chàng ngư phủ nói.

Thế là cô bèn hứa điều mà anh mong muốn, bằng danh dự của một Thủy tộc. Anh bèn buông đôi tay đang giữ chặt cô, cô lặn xuống nước, rùng mình vì nỗi sợ hãi lạ lùng.

Tối tối chàng ngư phủ đều đi ra biển, và gọi Nàng tiên cá, cô ngoi lên mặt nước và hát cho anh, bơi quanh mình cô là bầy cá heo, còn đàn hải âu thì chao lượn trên đầu cô.

Cô hát một bài ca tuyệt diệu. Hát về những loài thủy tộc bơi thành đàn từ hang nọ đến hang kia, điệu những bé con trên vai họ; hát về những Thần biển với bộ râu dài màu xanh, lông ngực rậm rạp, và thổi những tù và bằng chiếc vỏ ốc mỗi khi nhà vua đi qua, rồi cung điện của nhà vua toàn làm từ hổ phách, mái bằng lục ngọc và mặt đường lát bằng ngọc trai sáng loáng; còn các khu vườn dưới đáy đại dương, nơi có những cây quạt lớn bằng san hô phe phẩy suốt ngày đêm, bầy cá lao qua lao lại như những con chim bạc, có cỏ chân ngỗng mọc trên đá, có đám sứa hồng nằm vùi giữa cát vàng. Cô hát về những con cá voi lớn bơi về từ biển Bắc với những mũi băng nhọn bám trên vây; hát về những nàng Siren, luôn kể những điều tuyệt diệu đến nỗi các thương nhân phải đổ sập vào tai, sợ rằng nếu nghe được, hẳn họ sẽ nhảy ùm xuống biển và chết đuối mất; hát về những con thuyền đắm cùng những cột buồm cao, với những thủy thủ đóng băng treo mình trên dây chèo, đàn cá thu bơi qua bơi lại những ô cửa sổ mở, những con hào vốn là những tay thám hiểm cừ khôi, đóng trên vỏ tàu để chu du vòng quanh thế giới; hát

về những con mực sống ở hai bên vách đá với những cánh tay vươn dài, phun ra bóng đêm khi chúng thích. Cô lại hát về những con ốc anh vũ, có riêng cho mình chiếc thuyền tạc từ bạch ngọc với cánh buồm bằng lụa, hát về những Người cá vui vẻ chơi đàn hạc có thể ru ngủ loài thủy quái, hát về những đứa trẻ đuổi bắt bầy cá heo và cười lên lưng chúng; hát về những nàng tiên cá ngả người trên đám bọt trắng xóa giơ tay vẫy gọi các chàng thủy thủ; và hát về những con sư tử biển với bộ nanh cong vút, và bầy hải mã với cái bờm bành bồng.

Khi cô cất tiếng hát, các loài cá từ dưới biển sâu bơi đến nghe và chàng ngư phủ quăng tấm lưới ra chụp lấy chúng, những con lọt lưới lại bị anh bắt bằng xiên. Đến khi con thuyền trĩu nặng, Nàng tiên cá lặn sâu xuống nước, và mỉm cười cùng anh.

Tuy vậy, chưa bao giờ cô dám bơi lại gần để anh có thể chạm vào mình. Thường thường, anh cất tiếng gọi và nài nỉ cô lại gần hơn, nhưng cô chẳng bao giờ đồng ý, còn nếu anh tìm cách bắt, cô liền như một con hải cầu lặn sâu xuống nước, rồi cả ngày hôm đó cô không ngoi lên nữa. Ngày qua ngày, giọng ca của cô càng trở nên ngọt ngào hơn với anh. Ngọt ngào đến nỗi anh quên cả tấm lưới và kế sinh nhai của mình và chẳng quan tâm gì đến việc chài lưới nữa. Giương vây đỏ và đôi mắt vàng, đám cá ngư bơi thành từng đàn, nhưng anh không hề để ý tới. Ngọn xiên chổng chơ vút bên mình, chiếc sọt đựng cá đan bằng cành liễu cũng trống rỗng. Đôi môi hé mở cùng ánh mắt mơ màng, anh ngồi bất động trên thuyền và lắng nghe, tới tận khi sương mù giăng xuống chung quanh và vầng trăng lằng đằng rải ánh sáng bạc xuống thân hình r ám nắng của anh.

Rồi một buổi tối, anh gọi cô và nói: “Nàng tiên cá bé bỏng ơi, ta yêu nàng. Hãy nhận ta làm chồng bởi ta yêu nàng xiết bao.”

Nhưng Nàng tiên cá lắc đầu. “Chàng mang linh hồn một con người,” cô đáp, “nếu chàng từ bỏ linh hồn đó thì em mới có thể yêu chàng.”

Chàng ngư phủ tự nhủ, “Linh hồn thì có ích gì với mình nhỉ? Mình chẳng thấy nó. Cũng chẳng sờ thấy nó. Chẳng biết gì về nó nữa. Hẳn là

mình bỏ quách nó đi và hạnh phúc sẽ đến về ta.” Niềm vui vỡ òa trên môi, anh đứng dậy trong lòng thuyền, vươn đôi tay về phía Nàng tiên cá. “Ta sẽ từ bỏ linh hồn mình,” anh nói, “nàng sẽ là cô dâu và ta là chú rể, dưới đây đại dương chúng ta sẽ được bên nhau, nàng sẽ hát cho ta nghe, mọi điều nàng muốn ta nguyện làm theo, không gì có thể chia lìa đôi ta.”

Nàng tiên cá bật cười vui sướng và giấu khuôn mặt sau đôi tay.

“Nhưng làm thế nào để từ bỏ linh hồn mình?” chàng ngư phủ thốt lên, “Hãy nói cho ta biết phải làm sao, và ta nhất định sẽ làm.”

“Chao ôi! Em cũng không biết,” Nàng tiên cá nói: “Thủy tộc chúng em không có linh hồn.” Rồi nàng lặn sâu xuống biển với ánh mắt sâu thẳm nhìn chàng.

Sáng sớm hôm sau, khi mặt trời chưa nhô lên khỏi đỉnh đồi quá một sai tay, chàng ngư phủ đến nhà cha xứ và gõ cửa ba lần.

Cậu lễ sinh ngó qua khung cửa xép, khi nhìn thấy chàng, cậu kéo then cửa và nói, “Mời vào.”

Chàng ngư phủ bước vào, rồi quỳ xuống sàn nhà còn thơm mùi gỗ, thưa với cha xứ đang đọc to quyển Kinh thánh rằng, “Thưa cha, con đang yêu một nàng con gái thủy tộc, nhưng linh hồn của con đang ngăn cản mong muốn của con. Xin hãy dạy con cách từ bỏ linh hồn mình, bởi quả thực con không cần đến nó. Linh hồn thì giá trị gì với con kia chứ? Con không nhìn thấy nó. Không chạm được vào nó. Không cả biết đến nó.”

Cha xứ dấm ngực kêu lên, “Chao ôi, chao ôi, con điên mất rồi, hoặc con đã nuốt nhầm loại cây cỏ độc nào, bởi linh hồn là phần cao quý nhất của con người, được Chúa ban cho và chúng ta phải trân trọng nó. Không có gì quý giá hơn linh hồn con người, không có gì trên trần gian sánh được với nó. Nó đáng giá bằng tất cả vàng trong thế giới này, còn quý hơn cả các viên hồng ngọc của những ông vua. Do đó, con của ta, đừng bao giờ nghĩ đến việc này nữa, bởi đó là một tội ác bất khả tha thứ. Còn với loài thủy tộc, chúng là bọn vô đạo, cả những kẻ giao du với chúng cũng là kẻ vô đạo.

Chúng cũng như loài thú ngoài đồng, không phân biệt được thiện ác, và Chúa cũng không phải vì chúng mà chết.”

Chàng ngư phủ ứa nước mắt khi nghe những lời cay đắng đó từ vị cha xứ, anh đứng dậy và nói, “Thưa cha, thần mục đồng Faun sống trong rừng vui vẻ, trên những hòn đá đám người cá gảy đàn hạc bằng vàng rực rỡ. Hãy để con được sống như họ, con cầu xin người, bởi tháng ngày đời họ trải đầy hoa. Còn với linh hồn mình, có ích gì cho con đâu nếu ngăn cản con với người mình yêu.”

“Tình yêu thế xác là điều thấp hèn,” cha xứ nhíu chặt đôi lông mày kêu lên, “cái hèn và cái ác đều là tà đạo mà Chúa đã phải gánh chịu khi lưu lãng chốn nhân gian. Thần mục đồng Faun đáng nguyên rủa của chốn thâm lâm, và đám hát hò đáng nguyên rủa dưới biển khơi! Ta đã từng nghe giọng chúng ban đêm và chúng cố lôi kéo ta xa lìa tràng hạt. Chúng gõ lên cửa sổ và cười. Chúng thì thầm bên tai kể về những thú vui tội lỗi. Chúng quyến rũ ta với những lời đường mật, khi ta đang cầu kinh, chúng nhăn nhó nhìn ta. Nhưng chúng là lũ vô đạo, ta nói con hay, chúng là lũ vô đạo. Bởi chúng không biết đến thiên đường hay địa ngục gì sất, chúng cũng chẳng ngợi ca Thiên chúa.”

“Thưa cha,” chàng ngư phủ kêu lên, “cha chẳng biết mình đang nói gì cả. Một lần con đã quăng lưới bắt được công chúa con của Long vương. Nàng rực rỡ hơn sao Mai, và trắng ngần hơn mặt trăng. Vì vẻ đẹp của nàng, con dâng hiến cả linh hồn, vì tình yêu của nàng, con từ bỏ cả thiên đường. Xin hãy nói điều con đã cầu xin cha, rồi con sẽ ra đi trong thanh thản.”

“Cút đi! Cút đi!” cha xứ thét lên, “Tình nhân của mi là quân vô đạo, mi cũng sẽ thành kẻ vô đạo cùng ả.”

Rồi ông chẳng thèm ban phước cho anh và tổng anh ra khỏi cửa.

Chàng ngư phủ đi đến khu chợ, bước thất thểu, mặt cúi gằm như một người đang chìm trong đau khổ.

Các thương nhân thấy anh đến, họ thì thầm trao đổi, rồi một người tiến lại gần, gọi tên anh và bảo, “Anh bán gì vậy?”

“Tôi bán linh hồn mình,” anh đáp, “Xin ông hãy mua nó, tôi đã quá mệt mỏi với nó rồi. Nó chẳng có tác dụng gì với tôi hết. Không nhìn thấy nó. Không chạm được vào nó. Cũng chẳng biết gì về nó cả.”

Các thương nhân cười vào mũi anh và nói, “Linh hồn của con người thì có ích gì cho chúng tôi chứ? Không đáng giá một mẫu bạc vụn. Hãy bán cái thân cậu làm nô lệ, chúng tôi sẽ mặc đồ chài lưới cho cậu, đeo nhẫn vào tay cậu, và biến cậu thành kẻ hầu hạ cho nữ hoàng vĩ đại. Nhưng chớ nói gì về linh hồn cả, với chúng tôi, nó chẳng là gì hết, hoàn toàn vô giá trị với nghề nghiệp chúng tôi.”

Chàng ngư phủ thăm nhủ: “Sao kì lạ vậy nhỉ! Cha xứ bảo mình linh hồn đáng giá tất cả vàng trên thế gian, còn thương nhân lại nói nó chẳng đáng một mẫu bạc.” Rồi chàng rời khỏi khu chợ, đến bên bờ biển và bắt đầu suy ngẫm xem mình nên làm gì.

Đến buổi trưa, anh chợt nhớ đến một người quen, làm nghề hái rau thìa là biển, từng kể cho anh nghe về một phù thủy trẻ tuổi sống trong cái hang gần mũi vịnh rất tinh thông phép thuật. Anh đứng dậy và chạy, hăm hở chùng như sắp rũ bỏ được linh hồn, bụi bay theo bước anh chạy trên bờ cát.

Bàn tay máy động, ả phù thủy biết anh đã đến, ả phá lên cười và xõ tung mái tóc đỏ. Với mái tóc đỏ buông chùng quanh người, ả đứng bên quây hàng, trên tay cầm một nhánh hoa độc cần.

“Cậu mong gì? Cậu mong gì?” ả hỏi khi thấy anh hí hục chạy đến và cúi người trước mặt ả. “Cá đầy lưới khi trời ngược gió? Ta có một cây sáo nhỏ, mỗi khi thổi, cá mú sẽ bơi theo. Nhưng phải trả giá, cậu bé xinh ơi, phải trả giá đó. Cậu mong gì? Cậu mong gì? Một cơn bão nhấn chìm những con tàu, quăng lên bờ những rương đầy châu báu? Ta nắm giữ nhiều bão tố hơn cả gió, bởi ta thần phục người còn mạnh hơn Thần gió, chỉ cần một cái râu bột và một cái xô, ta có thể nhấn chìm những con tàu thực to xuống đáy đại dương, nhưng phải trả giá, cậu bé xinh ơi, phải trả giá đó. Cậu mong gì? Cậu mong gì? Ta biết trong thung lũng có một bông hoa, không ai biết về nó ngoài ta. Với những cánh màu tím, có ngôi sao làm nhụy, mặt của nó trắng

như sữa. Nếu chạm đóa hoa lên đôi môi của hoàng hậu, nàng sẽ đi theo cậu, đến cùng trời cuối đất. Rồi bỏ chiếc giường nơi cung thất, cùng trời cuối đất nàng sẽ đi theo. Nhưng phải trả giá, cậu bé xinh ơi, phải trả giá đó. Cậu mong gì? Cậu mong gì? Ta có thể nghiền trong cối một con cóc, đến nghiền ra thành nước, rồi khuấy nó lên bằng bàn tay người đã chết. Vấy nước này vào kẻ thù đang ngủ ngon giấc, hẳn sẽ biến thành loài rắn rết, và để mẹ hẳn tự tay đập chết. Với bánh xe ta kéo mặt trăng từ trên trời, nơi quả cầu pha lê, người sẽ thấy Tử thần. Cậu mong gì? Cậu mong gì? Hãy nói điều mong ước, ta sẽ thực hiện cho cậu, nhưng phải trả giá, cậu bé xinh ơi, phải trả giá đó.”

“Mong ước của tôi rất nhỏ nhoi,” chàng ngư phủ đáp, “cha xứ đã nổi cơn thịnh nộ, và tổng cổ tôi đi. Cũng vì nó, các thương nhân cười vào mũi và từ chối tôi. Bởi vậy tôi đến đây, đầu người ta có nói cô là kẻ độc ác, và với bất kì giá nào tôi cũng sẵn sàng trả.”

“Vậy cậu muốn gì?” vừa hỏi ả vừa bước đến bên anh.

“Tôi muốn từ bỏ linh hồn mình,” chàng ngư phủ đáp.

Ả phù thủy rùng mình tái mét, giấu mặt sau lớp áo choàng xanh, ả thăm thì, “Cậu bé xinh ơi, đó là một việc khủng khiếp đấy.”

Anh hất lọn tóc nâu và bật cười. “Linh hồn là vô dụng với tôi,” anh nói, “tôi không nhìn thấy nó. Không chạm được vào nó. Cũng chẳng biết gì về nó cả.”

“Cậu sẽ trả tôi cái gì nếu tôi dạy cho cậu?” ả phù thủy vừa hỏi vừa ngắm nhìn anh bằng đôi mắt tuyệt đẹp.

“Năm đồng vàng,” anh đáp, “và cái lưới, cả túp lều tranh tôi đang ở, chiếc thuyền sơn tôi đang chèo. Chỉ cần dạy tôi làm sao để vứt bỏ linh hồn, tôi sẽ tặng cô tất cả những gì mình có.”

Ả phù thủy mỉm cười giễu cợt, và phất nhánh hoa cần độc lên người anh. “Ta có thể biến những phiến lá thu thành vàng,” ả nói, “ta còn dệt được ánh trăng sông thành bạc nếu thích. Chủ nhân của ta còn giàu có hơn mọi vị vua trên đời này cùng vương quốc của họ.”

“Vậy tôi phải trả cho cô thứ gì,” anh kêu lên, “nếu không phải vàng hay bạc?”

Ả phù thủy vuốt mái tóc anh với bàn tay mảnh dẻ trắng mịn. “Cậu phải khiêu vũ cùng ta, cậu bé xinh ạ,” ả thăm thì, và nhoẻn miệng cười với anh.

“Không gì nữa ư?” chàng ngư phủ nói với vẻ kinh ngạc và đứng bật dậy.

“Không gì nữa cả,” ả đáp, rồi lại nhoẻn miệng cười với anh.

“Vậy khi hoàng hôn buông xuống, tại nơi bí mật nào đó chúng ta sẽ khiêu vũ cùng nhau,” anh nói, “rồi sau khi khiêu vũ rồi, cô sẽ dạy tôi điều mà tôi rất vui lòng được biết.”

Ả lắc đầu. “Khi nào trăng tròn, khi nào trăng tròn,” ả lẩm bẩm. Rồi đưa mắt nhìn quanh và nghe ngóng. Một con chim xanh chọt kêu lên trong tổ rồi bay vòng quanh đụn cát, ba con chim khoang lao xao bay qua lùm cỏ xám xác xơ và ríu rít gọi nhau. Không còn âm thanh nào khác ngoài tiếng sóng dập dờn xô bờ sỏi mịn bên dưới. Thế rồi ả đưa tay kéo anh lại gần, ghé đôi môi khô nứt đến bên tai anh.

“Đêm nay cậu phải trèo lên đỉnh núi,” ả thì thào, “có một lễ hội phù thủy, và Ngài sẽ có mặt ở đó.”

Chàng ngư phủ giật mình và chăm chú nhìn ả, còn ả phô hàm răng trắng dưới một nụ cười. “Cô nói Ngài là ai cơ?” anh hỏi.

“Không quan trọng,” ả đáp, “Đêm nay hãy đến, và đợi dưới gốc cây trăn, chờ khi ta tới. Nếu có con chó mực chạy đến, hãy lấy cành liễu quất nó, nó sẽ bỏ đi. Nếu có con cú mèo nói chuyện với cậu chớ có đáp lời. Tới khi trăng tròn, ta sẽ đến với cậu rồi chúng ta cùng khiêu vũ trên thảm cỏ.”

“Nhưng cô sẽ thề là sẽ dạy tôi làm sao để bỏ linh hồn đi chứ?” anh hỏi.

Ả bước vào trong nắng, giữ mái tóc đỏ tung bay trong gió. “Ta xin thề với cái móng dê này,” ả trả lời.

“Cô quả là phù thủy tốt bụng nhất,” chàng ngư phủ thốt lên, “chắc chắn tôi sẽ khiêu vũ với cô trên đỉnh núi đêm nay. Tôi cứ đinh ninh là cô sẽ đòi

tôi trả bằng vàng hay bạc. Nhưng với yêu cầu này, tôi sẵn sàng trả, bởi điều đó thật nhỏ nhoi.” Và anh ngả mũ cúi thấp đầu chào ả, rồi chạy ngay về thị trấn, lòng tràn đầy vui sướng.

Ả phù thủy dõi mắt trông anh rời xa, khi anh khuất tầm nhìn, ả trở về quầy hàng, lấy ra một chiếc gương trong cái hộp bằng gỗ tuyết tùng, ả đặt chiếc gương vào khung, đốt một nhúm cỏ roi ngựa trên lò than, và nhìn những vòng khói cuộn lên. Một hồi sau, ả siết chặt bàn tay giận dữ. “Mi sẽ thuộc về ta,” ả lầm bầm, “Ta cũng đẹp chẳng kém gì thị cả.”

Tối hôm đó, khi mặt trăng vừa mọc, chàng ngư phủ trèo lên đỉnh núi, và đứng đợi dưới gốc cây trăn. Như một chiếc khiên sáng bóng, mặt biển trải dài phía dưới anh, với bóng của những thuyền câu qua lại trong cái vịnh nhỏ. Một con cú lớn có đôi mắt vàng như lưu huỳnh, gọi tên anh, nhưng anh không đáp lời. Một con chó mực to lớn chạy về phía anh gầm gừ. Anh quất nó bằng cành liễu khiến nó rên rỉ rồi chạy mất.

Đến nửa đêm, đám phù thủy như đàn dơi trên trời bay tới. “Phù!” chúng thốt lên khi đáp xuống mặt đất, “có ai đó ở đây mà chúng ta không biết!” rồi chúng hít hà xung quanh, trò chuyện cùng nhau và ra hiệu. Người xuất hiện cuối cùng là ả phù thủy trẻ, với mái tóc đỏ tung bay trong gió. ả mặc chiếc váy dệt bằng vàng có thêu đôi mắt chim công và chiếc mũ nhung xanh nhỏ xíu trên đầu.

“Cậu ta đâu, cậu ta đâu?” lũ phù thủy rít lên khi thấy ả, nhưng ả chỉ cười, chạy tới bên gốc cây trăn, dặt tay chàng ngư phủ đến dưới ánh trăng và bắt đầu khiêu vũ.

Cả hai xoay tít trong điệu vũ, ả phù thủy bật nhảy cao đến nỗi anh nhìn thấy cả gót giày đỏ chót của ả. Ngay lúc đó có tiếng vó ngựa phi thẳng về phía các vũ công nhưng chẳng thấy con ngựa nào khiến anh thấy hơi sờ sợ.

“Nhanh nữa nào,” ả phù thủy kêu lên, và choàng đôi tay qua cổ anh, hơi thở nóng bỏng của ả phà lên mặt anh. “Nhanh nữa, nhanh nữa!” ả kêu, và mặt đất như cũng quay cuồng dưới chân anh, đầu óc anh cũng quay mòng mòng, một nỗi kinh khiếp xâm chiếm lấy anh, tưởng như có cái gì ác độc

đang rình rập mình, và cuối cùng anh nhận ra dưới bóng một tảng đá lớn có một bóng người anh chưa từng thấy bao giờ.

Đó là một gã đàn ông mặc đồ nhung đen, cắt may kiểu Tây Ban Nha. Mặt gã nhợt nhạt một cách kì lạ, nhưng đôi môi lại đỏ thắm như hoa hồng. Gã tỏ vẻ mệt mỏi, tựa người vào tảng đá và nghịch chuôi một con dao găm. Trên mặt cổ cạnh gã đặt một chiếc mũ cài lông chim, một đôi găng tay kỳ sĩ khảm vàng và đính ngọc trai theo một họa tiết kỳ lạ. Chiếc áo khoác lông chồn vắt trên vai, còn bàn tay thanh tú có đeo đầy nhẫn đá quý. Mí mắt dày sụp xuống che cả đôi mắt.

Chàng ngư phủ ngấm nhìn gã như bị thôi miên. Cuối cùng khi ánh mắt họ gặp nhau, thì bất cứ anh khiêu vũ tới đâu, đều có cảm giác ánh mắt đó đang dõi nhìn. Anh nghe thấy tiếng cười của ả phù thủy, anh ôm lấy vòng eo ả, và xoay tít như điên.

Đột nhiên có tiếng chó sủa trong rừng, tất cả vội dừng điệu nhảy và đứng thành từng đôi, chúng quỳ xuống và hôn tay gã đàn ông kia. Khi thấy họ làm vậy, một thoáng cười lướt trên khóe môi kiêu hãnh của gã như cánh chim chạm vào mặt nước khiến nó lao xao. Nhưng rồi lại chỉ còn vẻ khinh miệt. Gã không rời mắt khỏi chàng ngư phủ.

“Đến đây! Chúng ta phải hành lễ,” ả phù thủy thì thầm, rồi dẫn anh tới, một khát khao mãnh liệt muốn phục tùng lời ả xâm chiếm anh, và anh cũng đi theo. Nhưng khi tới gần, cũng chẳng biết vì sao lại làm vậy, anh làm dấu thánh trước ngực và gọi tên Chúa.

Ngay lập tức, đám phù thủy thét lên như bầy diều hâu bay dạt hết đi, còn khuôn mặt nhợt nhạt của kẻ đang nhìn anh thì co rúm lại vì đau đớn. Gã đàn ông quay trở lại khu rừng, và huýt lên một tiếng. Một con ngựa Tây Ban Nha với yên cương bằng bạc chạy tới. Khi nhảy lên lưng ngựa, hấn quay đầu lại, nhìn chàng ngư phủ với vẻ buồn bã.

Ả phù thủy tóc đỏ cũng định bay theo, nhưng chàng ngư phủ tóm lấy cổ tay ả và giữ chặt lấy.

“Thả ta ra,” ả kêu lên, “hãy để ta đi. Cậu đã gọi cái tên không được phép gọi, và làm cái dấu không nên làm.”

“Không đâu,” anh đáp, “tôi sẽ không để cô đi chừng nào chưa nói với tôi điều bí mật đó.”

“Bí mật nào cơ?” ả phù thủy vừa hỏi vừa măm mồm lợi giăng co với anh như con mèo hoang.

“Cô biết rõ mà,” anh đáp.

Đôi mắt xanh của ả ứa lệ, và ả nói với chàng ngư phủ, “Hãy đòi hỏi ở ta bất kì cái gì trừ điều này!”

Anh bật cười, càng giữ ả chặt hơn.

Khi thấy mình không thể thoát nổi, ả nói thầm với anh, “Hẳn là ta cũng xinh đẹp như các nàng công chúa biển khơi, cũng đáng yêu như những cư dân dưới mặt nước,” ả nũng nịu và kề sát gương mặt mình vào anh.

Nhưng anh cau mày và đẩy ả ra, rồi nói, “Nếu mi không giữ lời đã hứa với ta, ta sẽ giết chết mi như một mụ phù thủy dối trá.”

Ả xám ngoét như một đóa hoa Judas và rùng mình. “Thôi đành vậy,” ả lẩm bẩm, “dấu sao cũng là linh hồn của mi chứ không phải ta. Hãy làm như mi mong muốn.” Đoạn ả rút trong thắt lưng ra một con dao có chuôi bọc da rắn lục và đưa cho anh.

“Ta sẽ phải làm gì với nó?” anh ngạc nhiên hỏi.

Ả lặng thinh một hồi, vờ mặt ngập tràn kinh hãi. Rồi ả hất ngược món tóc trên trán, mỉm cười một cách quái dị và nói, “Cái mà người ta gọi là cái bóng của thân thể thực không phải là cái bóng của thân thể, mà đó chính là thân thể của linh hồn. Hãy đứng bên bờ biển, quay lưng lại phía mặt trăng, và cắt khỏi chân mình cái bóng, tức là thân thể của linh hồn, rồi lệnh cho linh hồn rời khỏi mình, nó sẽ y theo lời.”

Chàng ngư phủ run rẩy và thì thầm, “Thực thế ư?”

“Thực thế, ước gì ta không phải nói với cậu điều ấy,” ả nói, rồi ôm lấy chân chàng khóc nức nở.

Anh đẩy ả ra, bỏ mặc ả trên thảm cỏ, đi tới triền núi, anh cài dao vào thắt lưng và bắt đầu trèo xuống.

Thế rồi Linh Hồn bên trong anh gọi anh và bảo, “Này, tôi vẫn sống bên trong ông bấy nhiêu năm, như một nô lệ của ông. Đừng vứt bỏ tôi khỏi người ông, tôi có làm điều gì xấu hại ông đâu.”

Chàng ngư phủ bật cười, “Mi chẳng làm điều xấu hại ta cả, nhưng ta chả cần mi,” chàng đáp, “Thế giới này rất rộng lớn, có cả thiên đường và địa ngục, và cả thế gian vô thường giữa hai chốn ấy nữa. Hãy đi bất cứ nơi đâu mi muốn, nhưng đừng làm phiền ta nữa, tình yêu đang vẫy gọi ta.”

Linh Hồn van xin anh thăm thiết, nhưng anh chẳng đoái hoài đến nó, cứ nhảy từ tảng đá này sang tảng đá nọ, vững vàng như một con sơn dương, cuối cùng cũng xuống tới đất, bên bờ cát vàng ven biển.

Thân hình anh r ám nắng như đồng và chắc nịch, nom tựa một pho tượng Hy Lạp, anh đứng trên bãi cát, quay lưng lại phía mặt trăng, từ trong đám bọt nước biển, những cánh tay giơ lên vẫy gọi anh, từ trong các con sóng, những bóng hình mờ ảo trôi dạt cúi chào anh. Trước mặt anh là cái bóng trái dài, cũng là thân thể của Linh Hồn, và sau lưng anh là mặt trăng óng ả như mặt.

Linh Hồn lại bảo anh rằng, “Nếu quả thực ông định vứt bỏ tôi, đừng để tôi ra đi mà thiếu trái tim của ông. Thế giới này tàn nhẫn lắm, hãy để trái tim ông làm người bạn đồng hành cùng tôi.”

Anh lắc đầu và mỉm cười. “VẬY ta lấy gì để yêu nếu đưa mi trái tim?” anh nói.

“Ồ không, xin hãy rủ lòng thương” Linh Hồn van xin, “cho tôi trái tim đi, bởi thế giới thật tàn nhẫn khiến tôi sợ hãi.”

“Trái tim này thuộc về người ta yêu,” anh đáp, “thôi đừng chần chừ nữa, hãy đi đi.”

“Tôi không đáng được yêu sao?” Linh Hồn hỏi.

“Hãy đi đi, ta không cần mi nữa,” chàng ngư phủ nói, rồi anh lấy con dao có cái chuôi bọc da rắn lục, cắt cái bóng ra khỏi chân mình, nó bèn đứng dậy trước mặt anh, ngắm nhìn anh, nó cũng giống hệt như anh.

Anh khẽ lùi lại, gài dao vào thắt lưng và một cảm giác hãi hùng chợt hiện. “Hãy đi đi,” anh lẩm bẩm, “đừng để ta nhìn thấy mặt mi nữa.”

“Ồ không, chúng ta sẽ còn gặp lại,” Linh Hồn nói, giọng của nó trầm nghe như tiếng sáo với đôi môi hầu như không máy động khi nói.

“Gặp lại bằng cách nào?” chàng ngư phủ kêu lên, “Mi không định theo ta xuống đáy biển sâu đấy chứ?”

“Mỗi năm một lần, tôi sẽ ở đây và gọi ông,” Linh Hồn nói, “Biết đâu ông còn cần đến tôi.”

“Ta cần mi làm gì cơ chứ?”, chàng ngư phủ hỏi, “nhưng cứ theo ý mi vậy,” rồi anh nhảy ùm xuống nước, các vị Thần biển thổi tù và, còn Nàng tiên cá bé bỏng tiến lên gặp anh, choàng tay quanh cổ anh, hôn lên môi anh.

Linh Hồn cô đơn đứng trên bờ, ngóng về phía họ. Chờ tất cả đã chìm hẳn xuống đáy nước, nó khóc lóc rồi rời khỏi chốn này.

Một năm trôi qua và Linh Hồn quay trở lại nơi bờ biển và gọi chàng ngư phủ, anh hiện lên từ đáy biển và hỏi, “Mi gọi ta có việc gì thế?”

Linh Hồn đáp, “Xin hãy lại gần chút, cho tôi được trò chuyện cùng ông, tôi đã thấy nhiều điều thú vị.”

Anh bơi lại gần, ngả người trong vũng nước cạn, đầu tựa trên tay và lắng nghe.

Linh Hồn kể với anh, “Khi tôi rời nơi đây, tôi quay về hướng đông và bắt đầu cuộc hành trình. Phương đông là nơi khởi nguồn của mọi điều thông thái. Sau sáu ngày du hành, đến sáng ngày thứ bảy, tôi đến một ngọn đồi của người Tartar. Tôi ngồi dưới bóng mát của cây liễu để tránh nắng. Mặt đất khô cằn và bị nung cháy vì sức nóng. Mọi người chỉ đến rồi đi khỏi chốn này như những con ruồi bò trên mặt chiếc đĩa trơn bóng.

Buổi trưa hôm đó, có một đám bụi đỏ bốc lên từ mặt đất. Khi người Tartar trông thấy, họ giương cung và nhảy lên ngựa phóng đến chỗ đó. Đám đàn bà la hét, trốn trong xe ngựa, náu mình sau những tấm rèm lông cừu.

Chạng vạng tối, người Tartar trở về, nhưng thiếu mất năm người, những kẻ còn lại mình đầy thương tích. Họ thả ngựa vào xe và vội vã bỏ đi. Ba con linh cẩu từ trong hang bò ra và dõi theo họ. Chúng hếch mũi hít hà đánh hơi trong không khí rồi bỏ đi theo hướng ngược lại.

Lúc trăng lên, tôi thấy lửa trại bập bùng phía đông xa và đi lại đó. Một đoàn thương gia đang ngồi trên thảm vòng quanh đống lửa. Những con lạc đà buộc ở phía sau, đám nô lệ da đen đang dựng những tấm lều bằng da trên cát và lập một hàng rào cao bằng những cây lý gai.

Khi tôi bước lại gần, người trưởng đoàn đứng dậy và rút gươm ra, hỏi tôi đến có việc gì.

Tôi đáp mình là một vị Hoàng tử, vừa bỏ trốn khỏi đám người Tartar đang muốn bắt tôi làm nô lệ. Trưởng đoàn mỉm cười và chỉ cho tôi năm cái đầu lâu cắm trên ngọn tre.

Sau đó ông hỏi tôi ai là nhà tiên tri của Chúa trời, tôi đáp là Mohammed.

Khi nghe đến tên nhà tiên tri này, ông cúi đầu và nắm tay tôi, và mời tôi ngồi xuống bên cạnh. Một tên nô lệ mang cho tôi một chút sữa ngựa đựng trong chiếc đĩa gỗ và một miếng thịt cừu nướng.

Rạng sáng hôm sau chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình. Tôi cười một con lạc đà lông đỏ đi bên cạnh ông trưởng đoàn, một người cưỡi ngựa đi dài đi phía trước. Các chiến binh khác chạy ở hai bên, những con la phía sau chót chở đầy hàng hóa. Có đến bốn mươi con lạc đà trong đoàn, số la thì gấp đôi thế.

Chúng tôi đi từ xứ sở những người Tartar đến đất nước những kẻ Nguyên rửa mặt trắng. Chúng tôi đã thấy những con sư tử có cánh đứng canh kho vàng trên những tảng đá trắng, và những con rồng xếp vảy cuộn mình trong hang. Chúng tôi đã vượt qua những đỉnh núi tuyết mà mọi người

phải nín thở vì sợ tuyết lở và ai nấy đều phải lấy vải bịt mắt lại. Khi chúng tôi băng qua thung lũng, bọn người lùn bắn tên vào chúng tôi từ các hốc cây, còn ban đêm chúng tôi phải nghe thấy tiếng trống của bọn dã nhân đó. Lúc đến ngọn tháp của bầy khi, chúng tôi bày ra hoa quả, và chúng chẳng phá phách gì cả. Lúc đến ngọn tháp của măng xà, chúng tôi đem tặng sữa nóng đựng trong các thau đồng, và chúng để chúng tôi qua. Ba lần trong cuộc hành trình chúng tôi đến bên bờ sông Oxus, chúng tôi vượt qua trên những bè gỗ có gắn những bong bóng lớn đầy hơi. Bọn hà mã hung tợn ngăn cản và định giết hại chúng tôi. Bầy lạc đà nhìn thấy chúng cũng run rẩy kinh hãi.

Các vị vua tại những thành thị chúng tôi qua đều bắt phải nộp thuế, nhưng chẳng để chúng tôi qua cổng thành. Họ ném bánh mì qua tường thành cùng một chút bánh ngô nướng mật ong và bánh chà là hảo hạng. Cứ một trăm sọt bánh đổi lấy một hạt hồ phách.

Dân cư ở các làng mạc thấy chúng tôi đến, họ bỏ thuốc độc vào các giếng nước và trốn lên các ngọn đồi. Chúng tôi chiến đấu với tộc người Magadae, những kẻ vừa sinh ra đã già, và dần trẻ lại sau mỗi năm, rồi lúc chết đi khi trở lại thành những em bé; cả với tộc người Laktroi, những người tự xưng là Con của loài Hổ và sơn mình bằng hai màu vàng đen; cả với tộc người Aurantes, họ táng người chết trên ngọn cây, còn bản thân họ thì sống trong những hang động tăm tối vì sợ thần Mặt trời, chúa tể của họ, sẽ giết hại họ; cả với tộc người Krimnian thờ phụng cá sấu, họ đeo hoa tai bằng thủy tinh xanh cho chúng, nuôi chúng bằng bơ và gia cầm sống; cả với tộc người Agazonbae có khuôn mặt chó; cả với tộc người Sibans có móng ngựa, và chạy còn nhanh hơn cả ngựa. Một phần ba đoàn người chúng tôi đã chết trong những trận chiến đó, và một phần ba khác chết vì đói khát. Số còn lại thì thềm sau lưng tôi, rằng tôi đem lại vận rủi cho họ. Tôi bắt một con rắn có sừng dưới tảng đá và cho nó cắn mình. Khi họ thấy tôi không hề trúng độc, họ đâm sợ tôi.

Đến tháng thứ tư chúng tôi đến thành phố của người Illel. Khi chúng tôi đến bìa rừng ven thành thì đã là ban đêm, không khí oi bức vì mặt trăng đã di chuyển đến cung Bọ cạp. Chúng tôi hái những trái lựu trên cây, bữa

chúng ra và lấy nước uống. Rồi chúng tôi trải thảm ra và nằm chờ bình minh lên.

Bình minh lên, chúng tôi trở dậy và đến gõ cổng thành. Đó là cánh cổng bằng đồng có chạm hình rồng và rồng biển với đôi cánh bên mình. Người gác cổng nhìn xuống các chiến binh và hỏi đến có việc gì. Thông ngôn của chúng tôi đáp chúng tôi đến từ những hòn đảo ở Syria với rất nhiều hàng hóa. Họ tin vậy và bảo rằng cổng thành sẽ mở vào buổi trưa và kêu chúng tôi ráng chờ tới lúc đó.

Trưa hôm đó cổng thành mở, chúng tôi tiến vào và mọi người ùa ra khỏi nhà nhìn ngắm chúng tôi, một người rao tin đi vòng quanh thành thông báo bằng tù và. Chúng tôi đến khu chợ, những người nô lệ da đen gỡ xuống các súc vải và mở ra các rương đồ bằng gỗ dâu. Khi họ làm xong việc rồi, các thương gia mới bày la liệt các món hàng kì lạ, vải lanh xứ Ai Cập, vải màu của đất nước Ethiop, những miếng bọt biển tím xứ Tyre và thảm treo tường màu xanh của Sidon, những chiếc cốc bằng hổ phách, những chai lọ thủy tinh đẹp đẽ cùng những chiếc bình lạ mắt bằng đất nung. Trên mái nhà, một đám phụ nữ cũng đứng nhìn chúng tôi. Một trong số họ đeo mặt nạ bằng da mạ vàng.

Ngày đầu tiên, các tu sĩ đến chỗ chúng tôi và mua bán, ngày thứ hai là giới quý tộc, còn ngày thứ ba là thợ thuyền và nô lệ. Đó là tập tục xứ này chừng nào các thương nhân còn nán lại trong thành.

Chúng tôi lưu lại đó một tuần trăng, một hôm trăng mờ khuyết, tôi cũng thấm mệt và đi lang thang các phố trong thành, đến khu vườn của Thượng đế xứ họ. Các tu sĩ trong chiếc áo choàng màu vàng lạng lẽ đi lại giữa các hàng cây xanh, trên những con đường lát đá cẩm thạch đen mọc lên một ngôi nhà đỏ thắm, nơi thờ phụng Thượng đế của họ. Cánh cửa sơn màu, khắc nổi hình con bò và chim công mạ vàng sáng loáng. Mái nhà lợp bằng sứ xanh như màu biển, góc mái cong vút và được gắn những chiếc phong linh. Khi mấy con chim câu trắng bay qua, cánh chúng chạm vào phong linh phát ra những tiếng leng keng.

Phía trước ngôi chùa là hồ nước trong veo, lát đá mã não có vân. Tôi nằm bên hồ, đưa những ngón tay xanh xao đùa nghịch với những phiến lá rộng. Một vị tu sĩ bước tới đứng trước mặt tôi. Chân ông đi đôi dép có một chiếc làm từ da rắn, chiếc kia bện bằng lông chim. Đầu ông đội mũ thầy tu màu đen, có gắn hình trăng non bằng bạc. Bảy loại sợi màu vàng dệt nên chiếc áo choàng của ông, và mái tóc quấn nhuộm màu xám bạc.

Một lát sau, ông cất tiếng hỏi tôi mong muốn điều gì.

Tôi trả lời rằng tôi muốn nhìn thấy Thượng đế.

“Thượng đế đang đi săn,” tu sĩ nói, vừa lạ lẫm nhìn tôi với đôi mắt xéch nhỏ.

“Chỉ cho ta khu rừng, ta muốn cưỡi ngựa cùng ngài.”

Ông vuốt thẳng nếp chiếc áo choàng với những móng tay dài. “Thượng đế đang ngủ,” ông ta âm ừ.

“Chỉ cho ta chiếc giường, ta sẽ canh giấc cho ngài,” tôi đáp.

“Thượng đế đang dự tiệc,” ông kêu lên.

“Nếu ly rượu ngọt ngào, ta xin uống cùng ngài, nếu ly rượu đắng cay, ta cũng xin cùng uống,” tôi nói vậy.

Ông cúi đầu ngạc nhiên, nắm tay và đỡ tôi dậy, dẫn tôi vào trong đền.

Ở gian thứ nhất, tôi thấy một tượng thần trên chiếc ngai bằng thạch anh khảm những viên ngọc trai Đông phương lớn. Nó được làm từ gỗ mun với kích thước bằng với người thật. Trước trán đính một viên hồng ngọc, những giọt dầu đặc sánh nhỏ từ tóc ngài xuống tận đùi. Đôi bàn chân đỏ màu máu của đứa trẻ mới bị giết, quấn quanh mình chiếc thắt lưng đính bảy viên ngọc Beryl.

Tôi hỏi người tu sĩ, “Thượng đế đây ư?” Và ông đáp, “Đây chính là Thượng đế.”

“Hãy dẫn ta tới gặp Thượng đế,” tôi gào lên, “nếu không ta sẽ giết ông.” Tôi chạm vào tay ông ta, và nó bỗng héo quắt.

Vị tu sĩ van xin tôi, ông nói, “Xin chủ nhân hãy chữa cho kẻ tôi tớ này, rồi tôi dẫn ngài tới gặp Thượng đế.”

Thế là tôi bèn thối một hơi lên cánh tay ông ta, nó trở lại như xưa, ông ta run rẩy dẫn tôi vào căn phòng thứ hai, và tôi thấy một bức tượng đứng trên đài sen bằng ngọc bích có khảm những viên ngọc lục bảo lớn. Nó được làm bằng ngà voi với kích thước gấp đôi người thường. Trên trán bức tượng gắn một viên hoàng ngọc, và ngực nó xức đầy dầu thơm và quế. Một tay nó cầm chiếc quyền trượng cong cong bằng ngọc bích, tay kia cầm quả cầu pha lê. Chân đi giày bằng đồng, trên cái cổ lớn đeo chiếc vòng thạch anh.

Tôi hỏi người tu sĩ, “Thượng đế đây ư?”

Và ông đáp, “Đây chính là Thượng đế.”

“Hãy dẫn ta tới gặp Thượng đế,” tôi gào lên, “nếu không ta sẽ giết ông.” Rồi tôi chạm vào mắt ông ta, chúng biến thành mù lòa.

Vị tu sĩ van xin tôi, ông nói, “Xin chủ nhân hãy chữa cho kẻ tôi tớ này, rồi tôi dẫn ngài tới gặp Thượng đế.”

Tôi bèn thối một hơi lên mắt ông ta, và nó liền sáng trở lại, ông ta lại run rẩy, rồi dẫn tôi tới căn phòng thứ ba, và lạ thay! chẳng có tượng thần nào ở đó cả, cũng chẳng có hình ảnh nào hết, duy nhất một chiếc gương trong bằng kim loại đặt trên tế đàn bằng đá.

Tôi hỏi vị tu sĩ, “Thượng đế ở nơi đâu?”

Ông ta đáp rằng, “Chẳng có Thượng đế nào cả ngoài chiếc gương ông đang thấy, đó chính là chiếc Gương của Trí tuệ. Nó phản chiếu tất cả những gì dưới bầu trời và trên mặt đất, chỉ trừ khuôn mặt của người đang soi nó. Vì nó không phản chiếu, nên người nhìn vào nó sẽ trở nên thông thái. Có rất nhiều chiếc gương khác ở đây, nhưng chúng đều là Gương của Ý kiến. Duy có cái này là Gương của Trí tuệ. Và những ai sở hữu chiếc gương này sẽ hiểu biết mọi thứ, và chẳng có gì che giấu được họ cả. Còn những ai không sở hữu nó, sẽ không có Trí tuệ. Do vậy nó chính là Thượng đế, và chúng tôi thờ phụng nó.” Tôi nhìn vào tấm gương, và nó đúng hệt như những gì ông ta vừa nói.

Thế rồi tôi đã làm một việc hoang đường, nhưng cũng chẳng có gì ghê gớm cả, tôi đem giấu chiếc Gương của Trí tuệ này tại một thung lũng, cách nơi đây chừng một ngày đường. Hãy để tôi trở lại trong ông và trở thành kẻ tôi tớ của ông, và ông sẽ trở thành người thông thái nhất trong những người thông thái, và cái Trí tuệ sẽ là của ông. Hãy để tôi trở lại trong ông, rồi không ai thông thái hơn ông nữa.”

Nhưng chàng ngư phủ phá lên cười. “Tình yêu còn hơn cả Trí tuệ,” anh nói, “và Nàng tiên cá bé bỏng yêu ta.”

“Không, không có gì quý hơn Trí tuệ cả,” Linh Hồn nói.

“Tình yêu hơn đấy,” chàng ngư phủ đáp, rồi anh lặn xuống biển sâu còn Linh Hồn khóc lóc rồi rời khỏi chốn đầm lầy này.

Rồi năm thứ hai trôi qua, Linh Hồn quay trở lại nơi bờ biển và gọi chàng ngư phủ, anh hiện lên từ đáy biển và hỏi, “Mi gọi ta có việc gì thế?”

Linh Hồn đáp, “Xin hãy lại gần chút, cho tôi được trò chuyện cùng ông, tôi đã thấy nhiều điều thú vị.”

Anh bơi lại gần, ngả người trong vũng nước cạn, đầu tựa trên tay và lắng nghe.

Linh Hồn kể với anh, “Khi tôi rời nơi đây, tôi quay về hướng nam và bắt đầu cuộc hành trình. Phía nam là nơi xuất xứ của mọi vật phẩm trân quý. Sáu ngày liền tôi cứ đi dọc theo con đường lớn dẫn đến thành Ashter, dọc theo con đường mịt mù bụi đỏ mà những người hành hương cũng đi giống tôi và đến sáng ngày thứ bảy, tôi ngược mắt nhìn, ô kìa, một thành phố nằm ngay dưới chân tôi, trong một thung lũng.

Có chín cánh cổng dẫn vào thành, trước mỗi cổng đặt một con ngựa bằng đồng hí vang mỗi khi đám người Bedouin tràn xuống từ trên núi. Tường thành cũng được bọc đồng và các tháp canh cũng được đúc bằng đồng thau. Trong mỗi tháp canh đều có cung thủ với cung tên sẵn sàng trên tay. Bình minh lên, họ bắn một mũi tên vào cái chiêng, hoàng hôn xuống, họ báo bằng một hồi tù và.

Khi tôi đang tìm cách vào thành, lính gác ngăn tôi lại và hỏi tôi là ai. Tôi đáp mình là một tu sĩ Hồi giáo đang trên đường tới Thánh địa Mecca, nơi có tấm trướng màu xanh, trên có thêu các dòng kinh Koran bằng bạc bởi những bàn tay thiên thần. Họ rất ngạc nhiên và để tôi qua.

Trong thành náo nhiệt như cái chợ. Giá mà ông đi cùng với tôi. Dọc các con phố hẹp, người ta treo đầy những chiếc đèn lồng giấy đẹp đẽ, như những cánh bướm chập chờn. Mỗi khi gió lùa qua mái hiên, chúng lại rung rinh tựa những quả bong bóng sặc sỡ. Phía trước các sạp hàng là những thương nhân ngồi trên thảm lụa. Họ để râu đen và thẳng, khăn đội đầu đính những miếng vàng, và tay họ thành thực lẫn những chuỗi tràng hạt dài bằng hổ phách và đá hạch đào. Một số người bán nhựa cây xứ Ba Tư và cam tùng, cùng các loại hương liệu kì lạ từ những hòn đảo ở Ấn Độ Dương; tinh dầu hoa hồng, nhựa thơm, củ đinh hương nhọn như móng tay. Khi có người dừng lại hỏi chuyện, họ liền ném một nhúm hương trầm vào lò than làm không khí sực nức mùi thơm. Tôi thấy một người Syria cầm trong tay một cây gậy nhỏ như ống sậy. Những lọn khói xám bốc ra từ đó, khi cháy, nó tỏa ra mùi thơm của hạnh nhân hồng vào mùa xuân. Vài người khác bán những chiếc vòng tay bằng bạc khảm đầy những viên lam ngọc màu kem, những chiếc vòng đeo cổ chân kết bằng sợi đồng thau đính những viên ngọc trai nhỏ, rồi vuốt hổ bịt vàng, vuốt mèo mạ vàng và cả vuốt báo bịt vàng nữa, những đôi hoa tai bằng ngọc lục bảo, nhẫn đeo tay chạm nguyên khối từ ngọc bích. Từ các tiệm trà tiếng đàn ghita văng vẳng, những người hút thuốc phiện với khuôn mặt nhợt nhạt tươi cười ngắm nghìn khách qua đường.

Thành thực mà nói, giá mà ông đi cùng với tôi. Những người bán rượu thúc cùi chỏ mở đường giữa đám đông, vai khoác những túi da đen to tướng. Đa số bọn họ bán loại rượu Schiraz ngọt như mật ong. Họ rót chúng ra những chiếc cốc nhỏ bằng thiếc và rắc lên đó vài cánh hoa hồng. Trong khu chợ cũng có nhiều người bán hoa quả, đủ các loại, những quả sung chín với lớp vỏ nứt lộ ra lớp thịt tím, những quả dưa thơm mùi xạ hương và vàng như hoàng ngọc, phật thủ, táo đỏ cùng những chùm nho trắng, những trái cam tròn xoe màu vàng đỏ, những trái chanh hình ôvan màu vàng tươi. Một lần

tôi thấy con voi đi qua. Vòi của nó được sơn bằng son và nghệ, tai của nó được phủ một lưới bằng lụa đỏ thắm. Nó dừng lại trước một sạp hàng và bắt đầu chén những trái cam và mọi người chỉ cười mà thôi. Ông không thể tưởng tượng dân cư ở đây kì lạ thế nào đâu. Khi gặp chuyện vui, họ đến chỗ bán chim và mua một lồng chim, rồi đem phóng sinh chúng, như vậy niềm vui của họ càng được nhân lên, còn khi gặp chuyện buồn, họ dùng mũi gai đâm vào mình để nỗi buồn được vợi bớt.

Một buổi tối, tôi thấy mấy người nô lệ da đen khiêng một chiếc kiệu lớn đi ngang qua chợ. Kiệu được làm bằng tre thiếp vàng, với các cọc sơn son, có khảm hình chim công bằng đồng. Ô cửa có che rèm bằng lụa mỏng, tô điểm bằng cánh những con bọ cánh cứng cùng những hạt ngọc trai nhỏ xíu. Khi nó đi ngang qua, một khuôn mặt người Circassian xanh xao lộ ra và mỉm cười cùng tôi. Tôi bèn bám theo sau, những nô lệ da đen bước càng nhanh và cau có nhìn tôi. Nhưng tôi chẳng quan tâm, chỉ thấy cực kì tò mò mà thôi.

Cuối cùng, họ dừng lại trước một ngôi nhà vuông vức màu trắng. Không thấy có ô cửa sổ nào mà chỉ có một cánh cửa nhỏ, nom tựa cửa nhà mồ. Họ hạ kiệu xuống và gõ cửa ba lần bằng cây búa đồng nhỏ. Một người Armenia mặc áo choàng kaftan bằng da màu xanh ngó qua cửa xếp, khi thấy đoàn người, anh ta bèn mở cửa và trải một tấm thảm trên mặt đất để người thiếu phụ bước xuống. Trước khi qua cửa, nàng quay lại và mỉm cười cùng tôi. Chưa bao giờ tôi thấy một khuôn mặt xanh xao đến thế.

Lúc trăng lên, tôi trở lại chốn đó tìm ngôi nhà nọ, nhưng nó không còn ở đó nữa. Thấy vậy, tôi liền hiểu ra người thiếu phụ đó là ai, và vì sao nàng mỉm cười cùng tôi.

Giá mà ông đi cùng với tôi. Trong ngày lễ Trăng mới, vị Hoàng đế trẻ rời cung điện để đến cầu nguyện tại nhà thờ. râu và tóc ngài nhuộm bằng cánh hoa hồng, má ngài đánh phấn bằng bụi vàng. Bàn chân và bàn tay nhuộm màu vàng như nghệ.

Bình minh lên, ngài rời hoàng cung trong chiếc áo choàng bằng bạc, hoàng hôn xuống, ngài trở về trong chiếc áo choàng bằng vàng. Mọi người phủ phục dưới đất giấu đi khuôn mặt, nhưng tôi không làm vậy. Tôi đứng bên sạp hàng bán chà là và chờ đợi. Khi hoàng đế trông thấy tôi, ngài nhướng đôi lông mày vẽ lên và dừng bước. Tôi vẫn đứng nguyên, chứ không chịu quỳ lạy. Mọi người đều kinh ngạc trước vẻ can đảm của tôi và giục tôi trốn khỏi thành. Tôi chẳng thèm quan tâm, lại ngồi xuống sạp hàng của những người bán các pho tượng thánh kì lạ, những người bị căm ghét vì nghề nghiệp của họ. Khi tôi kể cho họ việc mình vừa làm, mỗi người đều tặng tôi một bức tượng thánh và cầu xin tôi hãy tránh xa họ ra.

Đêm đó, khi tôi đang nằm trên một tấm nệm trong tiệm trà ở phố Cây Lựu, các thị vệ của hoàng đế tiến vào và đưa tôi đến hoàng cung. Lúc tôi vừa vào, họ liền đóng sập cánh cổng sau lưng rồi lấy dây xích khóa lại. Bên trong là một tòa đại viện, với hàng hiên có mái che bao quanh. Tường xây bằng thạch cao trắng, xen lẫn gạch men màu lục và lam. Những cây trụ lớn bằng cẩm thạch màu xanh, nền lát cẩm thạch màu hoa đào. Tôi chưa từng thấy cảnh tượng như vậy bao giờ.

Khi tôi đi qua đại viện, hai người đàn bà che mạng đứng trên ban công nhìn xuống và chửi rủa tôi. Các thị vệ vội rào bước, cán giáo khua rộn rảng trên mặt sàn bóng lộn. Họ mở một cánh cửa bằng ngà voi, và tôi thấy mình ở trong một khu thủy viên bảy cấp. Ở đó trồng tulip, nguyệt hoa, và lô hội lấp lánh ánh bạc. Giống như một ống sậy mảnh bằng pha lê, một đài phun nước lơ lửng giữa thình không mờ mịt. Những cây bách nom tựa ngọn đuốc đang cháy sáng. Trên một ngọn bách, có con chim họa mi hót véo von.

Phía cuối vườn có một mái đình nhỏ. Khi chúng tôi bước tới đó, hai viên thái giám bước ra đón. Thân hình béo tròn của họ ục ịch theo mỗi bước chân, họ ném cái nhìn đầy vẻ hiếu kì vào tôi qua đôi mí mắt vàng ửng. Một người ngoắc viên đội trưởng cận vệ, rồi hạ giọng xì xào to nhỏ. Người kia vẫn bồm bẻm nhai kẹo thơm được nhón một cách điệu đà từ trong chiếc hộp hình ôvan men tím.

Một lát sau, viên đội trưởng giải tán đám lính. Họ quay trở lại cung điện, mấy viên thái giám cũng chậm rãi theo sau, vừa đi vừa hái những quả dâu ngọt ngào trên những cành cây ven đường. Có một lần, gã lớn tuổi hơn quay đầu lại, và ném cho tôi một nụ cười hiểm ác.

Rồi viên đội trưởng ra hiệu cho tôi tiến vào trong đình. Tôi bước lên mà chẳng hề run sợ, và kéo một tấm rèm nặng nề để bước vào bên trong.

Vị Hoàng đế trẻ tuổi đang nằm dài trên chiếc tràng kỷ phủ da sư tử, một con chim ưng lớn đậu trên cổ tay ngài. Đứng đằng sau là một người Nubian đầu vấn khăn bằng đồng, ở trần đến tận thắt lưng, một đôi vòng tai lớn đeo trên tai. Trên chiếc bàn cạnh tràng kỷ là một thanh mã tấu to tướng bằng thép.

Khi Hoàng đế nhìn thấy tôi, ngài cau mày và nói, “Người tên gì? Người không biết ta là Hoàng đế của vương quốc này sao?” Nhưng tôi chẳng thèm đáp lời.

Ngài đưa ngón tay chỉ thanh mã tấu, gã người Nubian cầm lên, rồi nhảy bổ vào tôi và lấy hết sức chém một nhát. Lưỡi đao rít lên xuyên qua người tôi nhưng chẳng để lại vết thương nào. Gã kia liền ngã chổng vó trên sàn, và khi đứng dậy, hai hàm răng gã va vào nhau lập cập vì sợ, hăn trốn ra đằng sau tràng kỷ.

Hoàng đế đứng bật dậy, vớ lấy ngọn giáo trên giá binh khí và phóng vào tôi. Tôi bắt gọn lấy nó và bẻ làm hai đoạn. Ngài lại bắn một mũi tên, nhưng tôi giơ tay lên và mũi tên khựng lại giữa không trung. Thấy vậy ngài lại rút con dao giắt trên chiếc thắt lưng bằng da màu trắng, đâm vào cổ gã nô lệ người Nubian vì sợ gã sẽ đi kể lại nỗi ô nhục này của ngài. Gã nô lệ quằn quại như con rắn bị giày xéo, và bọt máu trào ra từ miệng gã.

Ngay khi gã chết, Hoàng đế quay sang tôi và lau những giọt mồ hôi lấm tấm trên trán bằng chiếc khăn lụa tím, rồi ngài nói, “Phải chăng người là nhà tiên tri, nên tôi không thể làm hại được, hay người là con trai nhà tiên tri, nên tôi không thể làm người bị thương? Tôi van xin người hãy lìa xa

thành phố này ngay đêm nay, bởi người còn ở đây thì tôi chẳng còn là chúa tể gì nữa.”

Tôi bèn đáp, “Ta sẽ đi với nửa kho báu của ngài. Hãy dâng lên nửa kho báu và ta sẽ đi.”

Hoàng đế nắm tay tôi, dắt trở ra vườn. Khi viên đội trưởng cận vệ thấy vậy, anh tỏ ra ngạc nhiên. Khi đám thái giám thấy vậy, đầu gối họ run lẩy bẩy và ngã nhào xuống đất vì kinh hãi.

Trong hoàng cung có một gian phòng bát giác bằng đá hoa cương đỏ, trên trần nhà bằng đồng thau có treo những ngọn đèn. Hoàng đế chạm vào một bức tường và nó mở ra, chúng tôi đi xuống một hàng lang được thắp sáng bởi vô vàn ngọn đuốc. Trong những hốc ở hai bên tường là những vò rượu đựng đầy những đồng bạc. Khi chúng tôi đến giữa hành lang, Hoàng đế đọc một câu thần chú và cánh cửa đá bật lầy lò xo mở ra, Hoàng đế lấy tay che mặt để khỏi lóa mắt.

Ông không thể tin được nơi đó kì diệu thế nào đâu. Những chiếc mai đồi mồi chứa đầy ngọc trai, một tảng đá mặt trăng cực lớn đục rỗng để chứa đầy hồng ngọc, vàng được chứa trong những cái rương lớn tới mức giấu được cả con voi trong đó, bột vàng được cất trong các bao da, bạch ngọc đựng trong các ly bằng pha lê, còn phi thúy đựng trong các ly bằng ngọc bích. Những viên ngọc lục bảo tròn xoe được đặt trên các đĩa mỏng bằng ngà voi. Trong một góc khác, những túi bằng lụa một số chứa đầy lam ngọc, số khác chứa lục ngọc. Những chiếc sừng bằng ngà voi đựng đầy thạch anh tím, những chiếc sừng bằng đồng đựng ngọc đa sắc, hồng ngọc thủy. Các cây cột nhà làm bằng gỗ tuyết tùng, treo từng chuỗi đá mắt mèo. Trên các tấm khiên phẳng là ngọc thạch lựu, cả loại màu đỏ như vang lẫn màu xanh như cỏ. Đó là tôi mới chỉ kể cho ông nghe một phần nhỏ chỗ đó.

Hoàng đế bỏ tay che mặt và nói với tôi, “Đây là kho báu của tôi, và một nửa của nó thuộc về người, như tôi đã hứa. Tôi sẽ tặng thêm lạc đà và tùy tùng để chuyển kho báu đến bất kì nơi đâu người muốn. Nhưng tất cả mọi

việc phải hoàn thành trong đêm nay, bởi tôi không muốn thần Mặt trời, cha của tôi, thấy trong thành phố này có một người mà tôi không thể hạ sát.”

Nhưng tôi nói rằng, “Vàng nơi đây là của ngài, bạc cũng là của ngài, cả những ngọc ngà châu báu quý hiếm cũng vậy, ta không cần đến chúng. Ta sẽ không lấy gì của ngài, trừ chiếc nhẫn nhỏ bé ngài đang đeo trên tay kia.”

Hoang đế cau mày, “Đây chỉ là chiếc nhẫn bằng chì,” ngài nói, “nó hoàn toàn vô giá trị. Người nên lấy nửa kho báu kia rồi rời khỏi thành phố này thì hơn.”

“Không,” tôi đáp, “ta sẽ không lấy gì ngoài chiếc nhẫn xám xịt kia, bởi ta biết những gì được khắc bên trong nó và khắc nên bởi mục đích gì.”

Hoàng đế run rẩy và năn nỉ tôi, “Xin hãy lấy toàn bộ kho báu và rời khỏi thành phố. Nửa phần của tôi cũng thuộc về người luôn.”

Thế rồi tôi đã làm một việc hoang đường, nhưng cũng chẳng có gì ghê gớm cả, tôi đem giấu chiếc Nhẫn của Giàu sang này tại một cái hang, cách nơi đây chừng một ngày đường. Nó chỉ cách nơi đây một ngày đàng thôi, đang chờ đợi ông tới. Ai có chiếc nhẫn này sẽ giàu có hơn mọi ông vua trên thế gian. Hãy đến và nhận nó, rồi của cải trên đời này đều thuộc về ông.”

Nhưng chàng ngư phủ phá lên cười. “Tình yêu còn hơn cả Của cải,” anh nói, “và Nàng tiên cá bé bỏng yêu ta.”

“Không, không có gì quý hơn Của cải cả,” Linh Hồn nói.

“Tình yêu hơn đấy,” chàng ngư phủ đáp, rồi anh lặn xuống biển sâu còn Linh Hồn khóc lóc rồi rời khỏi chốn đầm lầy này.

Rồi năm thứ ba trôi qua, Linh Hồn quay trở lại nơi bờ biển và gọi chàng ngư phủ, anh hiện lên từ đáy biển và hỏi, “Mi gọi ta có việc gì thế?”

Linh Hồn đáp, “Xin hãy lại gần chút, cho tôi được trò chuyện cùng ông, tôi đã thấy nhiều điều thú vị.”

Anh bơi lại gần, ngả người trong vũng nước cạn, đầu tựa trên tay và lắng nghe.

Linh Hồn kể với anh, “Tôi đến một thành phố nọ, có một quán trọ ven bờ sông. Tôi ngồi đó với cánh thủy thủ, họ đang uống loại rượu hai màu, ăn bánh đại mạch với chút cá muối đặt trên lá nguyệt quế trộn giấm. Khi chúng tôi đang cười đùa vui vẻ thì một ông già bước vào vác theo một tấm thảm da và một cây đàn luyt có hai chiếc sừng bằng hổ phách. Rồi ông trải tấm thảm lên sàn, và gảy đàn bằng một chiếc ống lông, một cô gái đeo mạng che mặt chạy tới và nhảy múa trước mắt chúng tôi. Gương mặt cô đeo mạng bằng sa, nhưng đôi chân lại để trần. Với đôi chân trần, cô nhảy múa quanh tấm thảm như chim câu trắng. Tôi chưa từng thấy điều gì tuyệt hơn thế; và thành phố cô nàng đang nhảy múa chỉ cách nơi đây một ngày đường.”

Khi chàng ngư phủ nghe những lời này của Linh Hồn, anh chợt nhớ ra Nàng tiên cá bé bỏng chẳng hề có chân và không nhảy múa được. Một khát khao mãnh liệt trỗi dậy trong anh, và anh tự nhủ, “Chỉ một ngày thôi, và ta sẽ trở lại với người mình yêu,” rồi anh phá lên cười, đứng lên khỏi vũng nước và sải bước vào bờ.

Khi bước lên bờ cát khô ráo, anh lại bật cười lần nữa, vươn đôi tay về phía Linh Hồn. Linh Hồn thốt lên một tiếng kêu sung sướng và chạy ủa về phía anh, nhập vào người anh, và chàng ngư phủ liền thấy trải dài trước mặt mình là cái bóng của thân thể, cũng là thân thể của linh hồn.

Linh Hồn lại bảo anh, “Đừng nán lại một phút giây nào nữa, bởi các vị Thần biển hay ganh tị và có vô vàn thủy quái tuân lệnh dưới trướng.”

Thế là họ vội vàng đi, suốt một đêm trường họ du hành dưới ánh trăng, và cả một ngày dài hôm sau họ du hành dưới ánh mặt trời, đến tối hôm đó, họ đã tới một thành phố.

Chàng ngư phủ hỏi Linh Hồn, “Đây có phải thành phố có cô vũ nữ mà người kể cho ta chăng?”

Nhưng Linh Hồn trả lời, “Không phải thành này, nó ở nơi khác kia. Nhưng dẫu sao chúng ta cùng nên vào thôi.” Rồi họ cùng vào, băng qua vài dãy phố, đến phố Châu Báu, chàng ngư phủ trông thấy một chiếc ly bằng

bạc đẹp để bày trong một quầy hàng. Linh Hồn bảo chàng, “Lấy và giấu nó đi.”

Thế là anh lấy chiếc ly và giấu nó trong nếp áo choàng, rồi họ vội vã rời khỏi thành phố.

Sau khi xa khỏi thành phố một dặm, chàng ngư phủ quăng chiếc ly đi và hỏi Linh Hồn, “Sao mi lại xúi ta đánh cắp chiếc ly này, thật là tội lỗi.”

Nhưng Linh Hồn đáp, “Xin hãy bình tĩnh.”

Vào buổi tối ngày tiếp theo, họ lại đến một thành phố, chàng ngư phủ hỏi Linh Hồn, “Đây có phải thành phố có cô vũ nữ mà người kể cho ta chẳng?”

Nhưng Linh Hồn trả lời, “Không phải thành này, nó ở nơi khác kia. Nhưng dẫu sao chúng ta cũng nên vào thôi.” Rồi họ cùng vào, băng qua vài dãy phố, đến phố Hàng Giày, chàng ngư phủ trông thấy một đứa bé đang đứng bên một bình nước. Linh Hồn xúi anh, “Tấn cho nó một trận.” Thế là anh đánh đứa bé đến phát khóc lên, xong xuôi hai người lại vội vã rời khỏi thành phố.

Sau khi xa khỏi thành phố một dặm, chàng ngư phủ nổi cơn lôi đình hỏi Linh Hồn, “Sao mi lại xúi ta đánh đứa bé, thật là tội lỗi.”

Nhưng Linh hồn đáp, “Xin hãy bình tĩnh.”

Vào buổi tối ngày thứ ba, họ đến một thành phố, chàng ngư phủ hỏi Linh Hồn, “Đây có phải thành phố có cô vũ nữ mà người kể cho ta chẳng?”

Linh Hồn trả lời anh, “Có lẽ là thành phố này, vậy chúng ta hãy vào thôi.”

Rồi họ cùng vào, băng qua vài dãy phố, nhưng chàng ngư phủ chẳng tìm đâu thấy con sông hay quán trọ ven bờ cả. Những người dân tò mò nhìn anh, khiến anh sợ hãi và hỏi Linh Hồn, “Chúng ta hãy đi thôi, bởi cô nàng vũ nữ với đôi chân trần chẳng ở đây đâu.”

Nhưng Linh Hồn đáp, “Không, chúng ta hãy ở lại, đêm đã khuya rồi và trên đường có thể gặp bọn cướp.”

Thế rồi nó dẫn anh tới khu chợ và ngồi xuống nghỉ ngơi. Một lát sau, một bác thương nhân đầu vấn khăn, mặc áo choàng vải Tartary bước tới, tay cầm chiếc đèn lồng bằng sừng gắn vào một cây sậy. Bác thương nhân hỏi, “Sao anh lại ngồi ở khu chợ thế này, các quầy hàng đều đã cửa đóng then cài cả rồi.”

Chàng ngư phủ đáp, “Tôi chẳng tìm được quán trọ nào trong thành, cũng không quen biết ai để xin ngủ nhờ cả.”

“Chúng ta chẳng phải đều là thân thích đó ư?” bác thương nhân kia nói, “Chẳng phải cùng được Thượng đế tạo ra sao? Vậy hãy đi cùng tôi, tôi có một gian phòng dành cho khách.”

Chàng ngư phủ bèn đứng dậy và theo bác thương nhân kia về nhà. Anh đi qua một vườn lựu rồi bước vào ngôi nhà, thương nhân đưa anh chiếc đĩa bằng đồng đựng nước hoa hồng để rửa tay, một trái dưa để anh giải khát, rồi đem một bát cơm và một miếng thịt dê nướng tới cho anh.

Ăn uống xong xuôi, bác thương nhân dẫn anh về phòng, bảo anh mau ngủ cho lại sức. Chàng ngư phủ nói lời cảm ơn, hôn lên chiếc nhẫn đeo trên tay bác, rồi buông mình xuống chiếc nệm lông dê. Anh chui mình vào chiếc chăn lông cừu màu đen và lăn quay ra ngủ.

Khoảng ba tiếng trước lúc bình minh, trời hãy còn tối, Linh Hồn dựng anh dậy và bảo, “Đứng lên nào, hãy vào phòng của gã thương nhân kia, đến gian phòng mà gã đang ngủ, giết hẳn đi, lấy hết vàng của gã, bởi chúng ta cần nó.”

Chàng ngư phủ trở dậy và rón rén tiến đến phòng của bác thương nhân, và ngay dưới chân bác có đặt một thanh gươm cong cong, trên chiếc khay bên cạnh bác là chín túi vàng. Anh vươn tay với lấy chuôi gươm, ngay lúc vừa chạm vào, bác thương nhân giật mình tỉnh giấc, bác giữ chặt thanh gươm của mình và thét hỏi chàng ngư phủ, “Mi lấy oán trả ân thế à, định dùng máu của ta đáp lại ân tình ta đã ban cho mi?”

Linh Hồn bảo chàng ngư phủ, “Đánh hẳn đi,” anh liền đánh bác bất tỉnh rồi vớ lấy chín túi vàng và chạy nháo nhào băng qua vườn lựu, trên trời

cao ánh sao mai chiếu rọi xuống khuôn mặt anh.

Sau khi xa khỏi thành phố một dặm, chàng ngư phủ đắm ngực nói với Linh Hồn, “Sao mi lại khiến ta giết bác thương nhân và cướp hết vàng đi? Hẳn mi là đồ ác quỷ.”

Nhưng Linh Hồn đáp, “Xin hãy bình tĩnh.”

“Không,” chàng ngư phủ hét lên, “Ta không bình tĩnh nổi, bởi mi đã xúi ta làm những việc ta căm ghét. Ta cũng ghét cả mi nữa và ta lệnh cho mi hãy giải thích vì sao mi ép ta ra cơ sự này.”

Linh Hồn trả lời anh, “Khi ông ném tôi vào cõi nhân thế, ông chẳng ban trái tim cho tôi, nên tôi học được những điều này và thích thú với chúng.”

“Mi nói gì cơ?” chàng ngư phủ thì thầm.

“Ông biết mà,” Linh Hồn đáp, “ông biết rõ là khác. Chẳng lẽ ông đã quên rằng ông không chịu để tôi mang theo trái tim? Tôi tin rằng không. Nhưng cũng chẳng rắc rối gì cho ông hay cho tôi cả, cứ bình tĩnh, bởi chẳng nỗi đau nào mà ông sẽ phải gánh chịu, cũng như chẳng khoái lạc nào mà ông sẽ không được hưởng thụ.”

Chàng ngư phủ nghe những lời này, anh run rẩy và nói, “Không, đồ ác quỷ, mi đã khiến ta quên đi người mình yêu, lại đem những thứ mê hoặc để dụ dỗ ta, khiến ta bước chân vào con đường tội lỗi.”

Linh Hồn bèn trả lời anh, “Vậy ông đã quên rằng lúc ông đã đẩy tôi vào cõi thế gian, ông đã không chịu cho tôi trái tim. Thôi nào, hãy đi tiếp qua thành phố khác và tận hưởng niềm vui, bởi chúng ta có đến chín túi vàng kia.”

Nhưng chàng ngư phủ lấy chín túi vàng, đổ hết xuống đất rồi lấy chân giày xéo lên.

“Không,” anh hét lên, “ta sẽ không dính dáng gì đến mi, cũng không đi đâu cùng mi nữa, như trước kia ta đã tống cổ mi đi, giờ ta lại tống khứ mi, bởi mi chẳng có ích gì cho ta hết.” Rồi anh quay lưng lại phía mặt trăng,

dùng con dao găm chuôi bọc da rắn lục, anh cắt phăng khỏi chân mình cái bóng của thân thể, cũng là thân thể của linh hồn.

Nhưng Linh Hồn chẳng hề động cựa, cũng chẳng tuân theo lệnh của anh, nó nói, “Cái phép ả phù thủy dạy cho ông không còn tác dụng nữa đâu, nên tôi chẳng cần phải đi, mà ông cũng chẳng đuổi tôi được. Chỉ một lần trong đời, người ta có thể rũ bỏ linh hồn, nhưng nếu anh ta nhận lại nó thì linh hồn sẽ ở bên trong anh mãi mãi, đó là hình phạt cũng là phần thưởng dành cho anh ta.”

Chàng ngư phủ tái mặt, siết chặt nắm tay mà gào lên, “Con mụ phù thủy xấu xa đã không nói với ta điều đó.”

“Ả không nói,” Linh Hồn đáp, “nhưng ả trung thành với người ả thờ phụng, ả vĩnh viễn là người hầu của hẳn.”

Và khi chàng ngư phủ hiểu rằng mình không bao giờ rũ bỏ được Linh Hồn nữa, cái linh hồn tội lỗi này sẽ mãi mãi quấn lấy anh, anh đổ vật xuống đất và khóc lóc một cách đau khổ.

Trời về sáng, chàng ngư phủ đứng lên và bảo Linh Hồn, “Ta sẽ trói chặt đôi tay này lại, để mi không thể xúi ta làm bậy điều gì, ta sẽ khóa chặt miệng để không nói theo lời của mi, và ta sẽ trở lại nơi có người con gái ta yêu đang cư ngụ. Ta sẽ trở về với biển, với cái vịnh nhỏ nơi nàng thường ca hát, rồi ta sẽ gọi nàng, và thú nhận mọi tội lỗi của ta cùng nàng cũng như những điều ác độc mi gây cho ta.”

Linh Hồn bèn dỗ dành anh, “Ai là tình yêu của ông, đến nỗi ông quyết trở về bên cô nàng? Thế gian này có biết bao người đẹp hơn thế. Những vũ nữ người Samari có thể nhảy những điệu múa của loài chim và thú. Họ có những bàn chân nhuộm bằng cây lá móng, tay đeo những chiếc chuông đồng nhỏ xinh. Họ vừa cười vừa nhảy múa, tiếng cười trong trẻo hơn tiếng nước reo. Đi theo tôi, tôi sẽ chỉ cho ông thấy. Còn cái sự tình ông gọi là tội ác kia hả? Chẳng lẽ món ngon làm ra không phải để cho người ta ăn sao? Chẳng lẽ nước cam lộ lại chứa đầy chất độc? Thôi chớ tự chuốc lấy ưu phiền nữa, hãy cùng tôi đến một thành phố khác nào. Có một thị trấn nhỏ ngay đây, với một

khu vườn đầy hoa tulip. Sống trong khu vườn xinh đẹp đó là những con công trắng và cả những con công có lông ức màu xanh. Đuôi của chúng khi xòe ra dưới ánh mặt trời trông tựa như những chiếc đĩa bằng ngà hay những chiếc đĩa mạ vàng. Còn cô chủ thường hay nhảy múa cho chúng vui vẻ, đôi khi cô múa bằng đôi cánh tay, đôi khi lại nhảy trên đôi chân. Đôi mắt của cô màu xanh nhạt, cái mũi đẹp như cánh én. Một bên cánh mũi dính một bông hoa làm từ ngọc trai. Cô vừa cười vừa nhảy múa, những chiếc vòng bạc đeo nơi cổ chân ngân nga như tiếng chuông bạc. Thôi chớ tự chuốc lấy ưu phiền nữa, hãy cùng tôi đến thị trấn đó nào.”

Nhưng chàng ngư phủ chẳng đáp lời, anh phong miệng mình bằng dấu ấn im lặng và tự trói tay mình bằng một sợi dây thực chắc, rồi anh bắt đầu cuộc hành trình trở lại nơi anh đã từ đó mà đi, tới cái vịnh nhỏ, chốn người anh yêu thường tới ca hát. Mặc cho Linh Hồn tìm đủ mọi cách quyến rũ, nhưng anh phớt lờ đi, cũng mặc kệ những trò xấu xa nó bày ra để xúi anh làm, bởi tình yêu trong anh mạnh mẽ xiết bao.

Đến bên bờ biển, anh tháo dây trói và bỏ dấu niệm miệng, rồi gọi Nàng tiên cá bé bỏng. Nhưng nàng không hiện ra, dù anh đã gọi nàng cả ngày dài cũng như hết lời năn nỉ.

Linh Hồn bèn cười nhạo anh, “Rõ là ông chẳng được hưởng bao nhiêu niềm vui từ tình yêu của mình, ông như người sắp chết khát lại vớ phải cái chai vỡ. Ông đã cho đi tất cả những gì mình có để đổi lại một con số không tròn trĩnh. Tốt nhất là ông hãy đi theo tôi, bởi tôi biết Thung lũng Khoái lạc ở đâu, và những gì đang có ở đó.”

Chàng ngư phủ chẳng trả lời, anh đến một vách đá, dựng một túp lều tranh, và ở đó trong một năm trời. Sáng nào anh cũng ra gọi Nàng tiên cá bé bỏng, đến trưa anh lại gọi cô lần nữa, rồi ban đêm anh lại gọi to tên cô. Nhưng chẳng bao giờ cô ngoi lên mặt nước để gặp anh cả, cũng chẳng chốn nào giữa biển khơi anh tìm thấy cô dù anh đã đi tìm cô ở mọi hang động hay tận dưới làn nước trong xanh, tìm mọi vũng nước do thủy triều dâng hay những giếng khơi sâu thăm thẳm.

Trong khi đó, Linh Hồn vẫn thường cảm dỗ anh làm những trò độc ác, thì thầm bên tai anh những điều kinh khủng. Nhưng nó không chiến thắng được anh, bởi tình yêu trong anh mạnh mẽ xiết bao.

Một năm qua đi, và Linh Hồn tự nhủ thầm, “Mình đã cảm dỗ ông chủ bằng những điều ác, nhưng tình yêu của ông mạnh hơn thế. Giờ mình thử cảm dỗ ông ấy bằng việc thiện, có lẽ ông ấy sẽ đi theo mình.”

Thế là nó gọi chàng ngư phủ và bảo, “Tôi đã kể cho ông về lạc thú trần gian, nhưng ông giả điếc không nghe. Giờ hãy để tôi kể về khổ đau trần thế, biết đâu ông lại muốn nghe. Thành thực mà nói, khổ đau là chúa tể của thế gian, không ai thoát được khỏi cái lưới của nó. Nhiều người cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc. Các góa phụ, có người quần là áo lượt, có người manh chiếu che thân. Những người hủi qua lại nơi đầm lầy, phải huynh đệ tương tàn để sống. Bọn ăn mày tới lui bên đường cái, với cái túi trống rỗng. Khắp các phố phường thành thị, kẻ đói khát, người bệnh dịch la liệt ngời trước cổng. Nào, chúng ta hãy đi cứu giúp thế giới này, để không còn những cảnh như thế nữa. Xin đừng lưu luyến chốn này, gọi mãi tên người yêu, cô nàng chẳng tới đâu. Tình yêu là cái gì mà ông mãi nâng niu nó đến vậy.”

Nhưng chàng ngư phủ phớt lờ nó, bởi tình yêu trong anh mạnh mẽ xiết bao. Sáng nào anh cũng ra gọi Nàng tiên cá bé bỏng, đến trưa anh lại gọi cô lần nữa, rồi ban đêm anh lại gọi to tên cô. Nhưng chẳng bao giờ cô ngoi lên mặt nước để gặp anh cả, cũng chẳng chốn nào giữa biển khơi anh tìm thấy cô dù anh đã đi tìm cô trên mọi con sông đổ ra biển, mọi lưu vực chìm dưới các con sóng, mọi vùng biển mà ban đêm xuống sẽ ngả sang sắc tím, mọi hải dương mà bình minh lên xua tan màu xám xịt.

Năm thứ hai qua đi, một đêm Linh Hồn bảo chàng ngư phủ khi anh đang một mình trong túp lều tranh, “Này, tôi đã cảm dỗ ông bằng điều ác, và cảm dỗ ông cả bằng việc thiện, nhưng tình yêu của ông mạnh hơn thế. Tôi sẽ chẳng cảm dỗ ông nữa, nhưng tôi cầu xin ông hãy để tôi đi vào trái tim ông, để tôi được hợp nhất với ông như trước kia.”

“Tất nhiên mi có thể vào,” chàng ngư phủ đáp, “những ngày không có trái tim, lưu lãng cõi nhân thế, mi hẳn đã phải chịu nhiều đau khổ.”

“Hỡi ôi,” Linh Hồn kêu lên, “tôi không tìm được lối nào để vào, trái tim của ông tràn đầy tình yêu biết bao.”

“Để ta giúp mi,” chàng ngư phủ nói.

Anh vừa nói dứt lời, thì có một tiếng thét thảm thiết vang lên từ dưới biển, như tiếng khóc người ta thường nghe thấy khi có loài thủy tộc qua đời. Chàng ngư phủ đứng bật dậy, anh ra khỏi túp lều và chạy tới bờ biển. Nhưng con sóng đen cuộn cuộn xô bờ, đẩy tới một vật còn trắng hơn cả bạc ròng. Trắng như bạc đầu ngọn sóng, như đóa hoa dập dềnh theo con nước. Một ngọn sóng nhận nó từ các làn sóng, lớp bọt trắng lại nhận nó từ ngọn sóng, rồi bờ biển đón lấy nó và chàng ngư phủ thấy ngay dưới chân mình là thi hài Nàng tiên cá bé bỏng. Cô nằm ngay dưới chân anh, nhưng đã chết.

Khóc lóc như một kẻ bị nỗi đau giằng xé, anh nằm vật xuống bên cái xác, anh hôn lên đôi môi đỏ lạnh lẽo, vuốt ve mái tóc hổ phách sũng nước. Anh đổ người trên bãi cát, khóc lóc như một kẻ vui quá hóa buồn, với đôi tay rám nắng anh ôm cô vào lòng.

Lạnh lẽo từ đôi môi, nhưng anh vẫn hôn lên, vị của muối từ mái tóc óng ả như mật ong, nhưng anh vẫn nếm trái với niềm hạnh phúc cay đắng. Anh hôn lên đôi mắt đang nhắm nghiền, và những hạt nước đọng trên đó cũng chẳng mặn bằng nước mắt của anh

Bên thi hài cô, anh liền sám hối. Kề bên đôi tai như vỏ sò của cô, anh rót vào chất rượu cay đắng của đời mình. Anh choàng đôi tay xinh xắn của cô quanh cổ mình, và với những ngón tay anh vuốt ve cái cần cổ mảnh như cây sậy. Thật cay đắng, giờ với anh cay đắng là niềm hoan lạc, còn hân hoan lạ kì là nỗi bi thương.

Những sóng nước đen thẫm đang tiến lại gần hơn, những bọt sóng gào thét như người hủi rên la. Giương những móng vuốt bằng bọt trắng, biển khơi vồ lấy bờ cát. Từ cung điện của Long vương, lại vẳng ra những tiếng

khóc tang thương. Xa xa ngoài khơi, các vị thần biển thổi lên những hồi tù trầm đục.

“Chạy thôi,” Linh Hồn nói, “nước biển đang dâng tới mỗi lúc một gần hơn, nếu ông còn chần chừ, nó sẽ giết ông mất. Chạy thôi, tôi sợ lắm, trái tim ông đang đóng chặt trước mũi tôi cũng bởi tình yêu của ông quá mãnh liệt. Đi kiếm chỗ nào an toàn thôi. Hẳn là ông sẽ không ném tôi tới một thế giới khác mà chẳng có trái tim chứ.”

Nhưng chàng ngư phủ chẳng để ý tới lời của Linh Hồn, anh tiếp tục gọi Nàng tiên cá bé bỏng và bảo, “Tình yêu quý giá hơn Trí tuệ, giá trị hơn mọi của cải, và Đẹp đẽ hơn đôi bàn chân thiếu nữ loài người. Lửa không thiêu cháy được nó, nước không nhấn chìm được nó. Ta gọi nàng sớm ban mai, nhưng nàng đã không đến. Mặt trăng cũng nghe thấy ta gọi tên nàng, sao nàng chẳng đoái hoài. Ta thật lắm lỗi vì đã rời xa nàng, ta bỏ đi lang thang hóa ra tự làm hại bản thân mình. Nhưng lúc nào tình yêu của nàng cũng ở bên ta, lúc nào cũng thật mãnh liệt, không có gì trên đời thắng được nó, bất kể ta phải đối mặt với điều ác hay việc thiện. Giờ nàng mất rồi, ta chắc chắn cũng chết theo nàng.”

Linh Hồn van xin anh hãy trở về, nhưng anh chẳng chịu, tình yêu của anh mới mãnh liệt làm sao. Nước biển lại dâng lên cao hơn, như muốn nhấn chìm anh trong muôn trùng sóng. Anh biết phút lâm chung đã điểm, anh hôn điên dại lên đôi môi lạnh ngắt của Nàng tiên cá, và bên trong trái tim anh tan vỡ. Trái tim của anh vì tràn ngập tình yêu nên đã vỡ tan, và Linh Hồn tìm được đường để bước vào, hợp nhất cùng anh như thưở trước. Sóng biển trào lên bao trùm lấy xác chàng ngư phủ.

Sáng hôm sau, cha xứ tới ban phúc lành cho biển khơi, bởi nước biển đang cuộn lên dữ dội. Đi cùng ông là các vị tu sĩ, nhạc công, những người bưng nến, những người nâng lư hương và đám đông dân chúng.

Khi ông tới bờ biển, liền thấy chàng ngư phủ đang nằm trong đám bọt sóng, đôi tay đang ôm chặt thi hài Nàng tiên cá bé bỏng. Ông nhú chặt đôi mày, làm dấu thánh và quát to lên, “Ta sẽ không ban phúc lành cho biển

khởi và những gì trong lòng nó. Bọn thủy tộc đáng nguyên rủa, và những kẻ giao du với chúng cũng đáng bị nguyên rủa. Còn về phần kẻ kia vì ái tình mà chối bỏ Chúa, đang nằm đó với tình nhân của hắn, đã bị sự phán quyết của Chúa trừng trị. Hãy đem xác của hắn và ả tình nhân, đem chôn tại góc Nghĩa trang Thợ nhuộm, không có bất cứ mộ bia hay dấu hiệu gì cả, để không ai biết nơi chôn cất chúng. Khi sống chúng đã bị nguyên rủa, cả khi chết cũng đáng bị nguyên rủa.”

Dân chúng tuân theo lời cha xứ, thế là tại một góc của Nghĩa trang Thợ nhuộm, nơi không có ngọn cỏ ngọt nào mọc nổi, họ đào một cái hố sâu, và hai cái xác dưới đó.

Năm thứ ba trôi qua, vào một ngày lễ thánh, cha xứ đến nhà nguyện để giảng cho mọi người về những vết thương của Chúa, và dạy cho họ về cơn thịnh nộ của Thiên chúa.

Cha xứ mặc áo choàng, bước vào và hành lễ trước bàn thờ, ông chợt thấy bàn thờ phủ đầy những bông hoa lạ chưa từng thấy. Chúng trông rất lạ lẫm, đẹp một cách lạ lùng, và vẻ đẹp của chúng làm ông lúng túng, hương thơm của chúng ngát mũi ông. Rồi ông chợt cảm thấy lâng lâng sung sướng chẳng hiểu vì đâu. Sau đó ông mở tủ bánh thánh, thấy bình đựng bánh đã ở sẵn đó, cha xứ chia bánh cho mọi người rồi cất cái bình ra sau bức màn, rồi ông bắt đầu thuyết giảng, dự định rằng sẽ nói về cơn thịnh nộ của Thiên chúa. Nhưng vẻ đẹp của những bông hoa trắng kia làm ông lúng túng, hương thơm của chúng ngát mũi ông, và những lời khác lạ tuôn ra từ miệng ông, thay vì cơn thịnh nộ của Thiên chúa, ông lại nói về một vị Chúa khác mang tên Tình yêu. Bản thân ông cũng chẳng hiểu tại sao lại làm vậy.

Khi ông kết thúc buổi thuyết giảng, mọi người bật khóc, còn cha xứ trở lại phòng áo lễ, với đôi mắt đăm lẹ. Những người trợ tế tiến vào giúp ông cởi áo choàng, áo dài, đai lưng, dải áo và khăn choàng. Còn ông đứng ngây ra như người đang mơ.

Sau khi được họ giúp cởi đồ, cha xứ hỏi, “Những bông hoa trên bàn thờ là hoa gì, chúng từ đâu tới?”

Họ trả lời rằng, “Chúng tôi cũng chẳng biết là hoa gì, nhưng chúng được hái ở góc Nghĩa trang Thợ nhuộm.” Cha xứ rùng mình, vội vàng trở về tư gia và cầu nguyện.

Sáng hôm sau, lúc trời mới tảng sáng, ông dẫn các vị tu sĩ, nhạc công, những người bưng nến, những người nâng lư hương và đám đông dân chúng đến bên bờ biển, và ban phúc lành cho biển khơi cùng tất cả sinh vật cư ngụ trong lòng nó. Ông ban phúc lành cho cả thần mục đồng Faun cùng những sinh linh bé nhỏ nhảy múa trong rừng, hay những sinh vật hé đôi mắt sáng trộm nhìn qua kẽ lá. Ông ban phúc lành cho tất cả tạo vật trên thế gian của Chúa, còn dân chúng tràn ngập niềm hân hoan xen lẫn ngạc nhiên. Từ đó về sau, nơi góc của Nghĩa trang Thợ nhuộm không còn mọc lên bất kì loài hoa nào nữa, và mặt đất lại khô cằn như trước. Còn loài thủy tộc cũng chẳng bao trở lại cái vịnh như xưa kia vẫn thường tới, bởi họ đã dời đến một vùng biển khác.

Cậu bé ngôi sao

Ngày xưa ngày xưa có hai bác tiểu phu nghèo phải đi xuyên qua một cánh rừng thông già để về nhà. Trời đã vào đông và đêm lạnh buốt giá. Tuyết phủ dày trên mặt đất, trên những thân cây và đóng thành băng trên cành, sương giá quất những nhánh cây vào họ khi bước ngang qua, họ cứ đi, đi mãi cho tới ngọn núi Torrent đang đứng lặng giữa thình không chờ đón nhận những nụ hôn của Thần Băng giá.

Cái lạnh ghê gớm đến mức mà muông thú cùng chim chóc cũng chẳng biết vì sao nữa.

“Gruh,” sói ta vừa gầm gừ vừa ì ạch luồn qua bụi cây với cái đuôi giấu giữa hai chân, “Thời tiết kì quặc đến thế này mà triều đình không ai thèm để ý cả.”

“Chiếp! Chiếp! Chiếp!” lũ chim sẻ lục rú rít, “Cụ già Trái Đất chết mất rồi và họ đặt cụ trong tấm vải liệm trắng toát.”

“Cô Trái Đất sắp lấy chồng, đây là váy cưới của nàng thì có,” mấy chú chim cu thì thầm. Những ngón chân hồng hồng đang tê cóng, nhưng chúng nghĩ mình có bốn phận phải làm thi vị hơn cái khung cảnh này.

“Vớ vẩn,” sói càu nhàu, “ta nói cho lũ bay biết, tất cả là lỗi tại triều đình, ai không tin, ta ăn thịt kẻ đó.” Gã sói đến là thực dụng, chẳng bao giờ chịu thua thiệt trong những cuộc cãi vã.

“Về phần tôi,” chim gõ kiến, một triết gia bẩm sinh nói, “chẳng cần phải dùng lý thuyết nguyên tử để giải thích. Nếu nó đã như thế thì cứ để nó vậy, còn bây giờ, nó lạnh khủng khiếp.”

Chắc chắn là lạnh khủng khiếp rồi. Bầy sóc nhỏ trú tít trên ngọn cây linh sam cứ xoa mũi cho nhau liên tục để giữ ấm, còn lũ thỏ cuộn mình trong hang thậm chí còn chẳng dám mạo hiểm thò đầu ra ngoài. Kẻ duy nhất có vẻ thích thú với thời tiết này bọn cú sừng. Chúng chẳng hề để ý tới bộ

lông vốn cứng đờ vì sương muối, chỉ giương to đôi mắt màu vàng, í ới gọi nhau khắp rừng, “Tu-huýt! Tu-hu! Tu-huýt! Tu-hu! Thú vị làm sao cái thời tiết đẹp đẽ này!”

Hai người tiều phu cứ thế đi mãi, vừa thổi phù phù vào những đầu ngón tay, vừa nện mạnh gót giày sắt lên những mảng tuyết đóng thành bánh. Có lúc họ sụt xuống những hố sâu, rồi trèo lên thì trắng toát như người thợ xay làm việc bên cối đá có khi họ trượt trên mặt đầm lầy đã bị đóng thành băng trơn tuột, bó củi bung ra và họ phải nhặt nhanh rồi bó chúng lại lần nữa. Mấy lần tưởng chừng như đã lạc đường, nỗi sợ hãi bủa vây bởi họ biết Nữ chúa tuyết cực kì độc ác với những ai ngủ quên trong vòng tay mù. Nhưng họ gửi trọn niềm tin vào Thánh Martin nhân từ, người bảo hộ cho những kẻ lữ hành, vạch lối cho họ, với từng bước thận trọng, cuối cùng họ đã ra đến bìa rừng, xa xa phía dưới thung lũng, họ thấy ánh sáng trong ngôi làng họ cư ngụ.

Vui mừng khôn xiết vì thoát nạn, họ vui cười ầm ĩ, mặt đất với họ hóa thành một đóa hoa bạc còn mặt trăng biến thành bông hoa bằng vàng.

Nhưng cười chưa dứt, họ trở nên phiền muộn, bởi nghĩ tới cảnh nghèo khó của mình, người nọ bảo người kia: “Sao chúng ta có thể thấy vui vẻ trong khi cuộc đời này chỉ dành cho những người giàu sang chứ đâu phải cho hạng nghèo hèn chúng ta. Chẳng thà chết cồng trong rừng hay bọn bị dã thú vồ lấy chúng ta rồi ăn thịt quách đi còn hơn.”

“Đúng vậy,” người kia đáp, “vài kẻ chiếm được phần nhiều, còn chút xíu chia cho bao nhiêu người còn lại. Thế giới vốn chẳng công bằng, cũng như khổ cực chẳng chia đều vậy.”

Ngay khi hai người đang than vãn về nỗi bất hạnh của mình thì một điều kì lạ xảy đến. Từ trên trời sa xuống một vì sao sáng lấp lánh đẹp đẽ. Nó vụt ngang bầu trời, lướt qua các ngôi sao khác trên đường bay, và khi họ đang ngạc nhiên dõi mắt theo thì dường như nó đã rớt xuống phía sau rặng liễu ngay sát bãi chăn cừu, không quá một tầm ném đá.

“Sao cơ, hẳn là một hũ vàng cho ai tìm thấy nó,” họ thét lên và bắt đầu hăm hở chạy đi tìm vàng.

Một trong hai người chạy nhanh hơn, vượt lên hẳn người kia, chạy xuyên qua rừng liễu rồi chui sang phía bên kia. Quả nhiên có một vật bằng vàng nằm trên mặt tuyết trắng. Bác vội vã tiến tới rồi cúi xuống đặt tay lên nó, một chiếc áo choàng dát vàng, đính mấy ngôi sao một cách cầu kì và quần thành nhiều lớp. Bác lớn tiếng báo cho bạn mình biết rằng mình đã tìm được báu vật rớt từ trên trời xuống, và khi bạn bác chạy đến, họ cùng ngồi trên tuyết, gỡ dần từng lớp của chiếc áo choàng để có thể chia nhau những mẩu vàng. Nhưng than ôi, chẳng có vàng bạc chi hết trong đó, cũng chẳng thấy kho báu nào, chỉ có một đứa bé đang say sưa ngủ.

Người nọ bảo người kia, “Một kết cục buồn cho hi vọng của chúng mình, chẳng chút may mắn nào cả, một đứa con nít thì mang lại cái gì cho ta chứ? Chúng ta hãy bỏ nó ở đây mà đi thôi, những kẻ khốn khó như chúng ta, với đàn con thơ, đâu có thừa bánh mì mà chia cho đứa khác.”

Nhưng bạn bác đáp: “Ồ không, thật là độc ác nếu để đứa bé chết cồng trong tuyết, dẫu tôi cũng nghèo như bác với bầy con nheo nhóc đói ăn, nhưng lá lành đùm lá rách, tôi sẽ mang nó về cho vợ tôi chăm nom.”

Bác dịu dàng ẵm đứa bé lên, quần chiếc áo choàng quanh nó để tránh cái lạnh giá buốt, rồi xuôi xuống đồi trở về làng, cùng người bạn đang sừng sốt vì sự ngốc nghếch và mềm yếu của bác.

Khi cả hai trở về làng, người bạn nói với bác. “Bác lấy đứa bé rồi, hãy đưa tôi cái áo, ai có phần người nấy chứ.”

Nhưng bác trả lời: “Ồ không, cái áo này không phải của tôi, cũng chẳng của bác, nó thuộc về đứa bé này,” nói rồi tạm biệt người bạn, bác đi về nhà mình và gõ cửa.

Vợ bác mở cửa, thấy chồng mình an toàn trở về, bà choàng tay quanh cổ và ôm hôn bác, gỡ bó củi trên lưng bác xuống, phủi sạch tuyết bám trên giày và giục bác vào nhà.

Nhưng bác nói với vợ: “Tôi tìm thấy cái này trong rừng và mang về cho bà nó này.”

“Ông tìm thấy gì thế?” bà reo lên, “Cho tôi xem nào, nhà mình trống trơn, chúng ta cần nhiều thứ lắm.” Bác vén áo choàng lên và cho bà xem đứa bé đang ngủ.

“Ông ơi là ông!” bà vợ lẩm bẩm, “chúng ta chưa có đủ con cái hay sao mà ông phải tha về thêm đứa trẻ trời ơi này nữa? Ai mà biết nó có đem lại vận rủi cho chúng ta không? Rồi chúng ta biết làm sao đây?” và bà giận dữ với chồng.

“Không đâu, nó là một vì sao giáng trần,” ông đáp, rồi kể cho bà nghe việc kì lạ khi tìm thấy đứa bé.

Nhưng bà vợ chẳng nguôi cơn giận, lại chế giễu ông bằng giọng tức tối: “Không đủ bánh cho con mình, lấy gì nuôi con người? Ai lo cho chúng ta? Ai cho chúng ta đồ ăn?”

“Không, Chúa Trời chăm lo cho đến từng con chim sẻ, cho cả chúng ăn nữa,” bác đáp.

“Chẳng phải chim sẻ chết đói cả đàn trong mùa đông sao?” bà vợ cất vấn. “Và giờ chẳng phải đang mùa đông đó sao?”

Bác tiều phu chẳng nói gì, chỉ đứng yên trước ngưỡng cửa.

Một cơn gió lạnh buốt thổi từ cánh rừng, len vào khung cửa trống, làm bà vợ run cầm cập, bà rùng mình nói với chồng: “Ông không đóng cửa vào đi à? Gió lạnh thổi trong nhà làm tôi rét cóng.”

“Với một trái tim sắt đá ngự trị trong nhà thì lúc nào mà chẳng có gió lạnh,” bác nói. Bà vợ chẳng đáp lời, nhưng ghé lại gần bếp lửa.

Mãi một lúc sau, bà quay lại nhìn bác, khóe mắt rưng rưng. Bác bước vội vào nhà, đặt đứa bé vào vòng tay của vợ, bà hôn hít bé rồi đặt nó vào chiếc giường nhỏ, cạnh đứa con út của mình. Sáng hôm sau bác tiều phu cuộn chiếc áo choàng bằng vàng kỳ lạ vào rồi cất nó trong chiếc rương lớn cùng với chuỗi vòng hồ phách mà vợ bác đã gỡ ra từ cổ của đứa bé.

Từ đó, cậu bé Ngôi Sao được nuôi nấng cùng những đứa con của bác tiều phu, ăn cùng mâm ngũ cùng chiếu. Càng ngày, trông cậu càng đẹp để thêm khiến dân chúng trong làng ai cũng ngạc nhiên. Trong khi bọn họ ai cũng da sạm tóc đen thì da cậu lại trắng như ngà, và những lọn tóc xoắn của cậu như những vòng hoa thủy tiên vàng, đôi môi cậu như cánh hoa đỏ thắm, cặp mắt cậu như đóa hoa violet mọc giữa làn nước trong xanh, và thân hình cậu như cây thủy tiên nơi cánh đồng không người cắt tỉa.

Tuy nhiên, chính cái đẹp đã làm hại cậu. Cậu trở nên kiêu ngạo, độc ác và ích kỷ. Cả mấy đứa con bác tiều phu lẫn đám trẻ trong làng đều bị cậu khinh thường, cho rằng chúng xuất thân thôn dã, trong khi cậu là hàng quý tộc, được sinh ra từ một ngôi sao, cậu cho mình là ông chủ của cả đám và coi chúng như tôi tớ. Với những kẻ nghèo hay người mù lòa, tàn tật, những người bất hạnh, đã không thương xót thì chớ, cậu còn ném đá xua đuổi họ ra xa, ép họ phải xin ăn nơi khác, và chẳng ai dám quay trở lại ngôi làng này để xin bố thí. Quả thật cậu là người say mê sắc đẹp, luôn chế giễu những kẻ yếu ớt và xấu xí, biến họ thành trò cười; cậu chỉ yêu bản thân mình, khi hè về, dưới làn gió hiu hiu, cậu thường nằm dài bên giếng trong khu vườn của bị cha xứ, ngắm nghía khuôn mặt kì diệu của mình và mỉm cười mãn nguyện vì vẻ đẹp ấy.

Vợ chồng bác tiều phu thường xuyên quở mắng cậu: “Bố mẹ chẳng bao giờ đối xử với con như cách con đối xử với những người bị bỏ rơi, không nơi nương tựa. Sao con lại tàn nhẫn với những người cần sự thương xót?”

Vị cha xứ già cũng thường gọi cậu đến, tìm cách dạy dỗ cậu thương yêu muôn loài, “Con ruồi cũng là anh em của cháu đấy. Đừng hại nó. Lũ chim trời bay lượn trong rừng cũng có tự do của nó. Đừng bắt chúng chỉ để mua vui. Chúa Trời tạo ra loài rắn, chuột chũi đều có chốn sinh sống riêng. Con là ai mà lại mang đau thương đến cho thế giới của Chúa? Ngay cả đám gia súc ngoài đồng còn biết ca ngợi Người.”

Nhưng cậu bé Ngôi Sao bỏ ngoài tai những lời dạy bảo, cậu cau có, chế nhạo chúng rồi quay trở lại cầm đầu đám bạn bè cậu. Đám bạn suy tôn cậu vì cậu đẹp để, nhanh nhẹn, cậu biết nhảy, biết thổi sáo và biết viết nhạc. Cậu

chỉ đâu chúng đi đó, cậu bảo gì chúng làm nấy. Khi cậu lấy que chọc vào đôi mắt mờ một con chuột chũi, chúng phá lên cười, khi cậu ném đá vào người hủi, chúng cũng phá lên cười. Với sự dẫn dắt của cậu, lũ trẻ trở thành những kẻ nhẫn tâm hết như cậu.

Một ngày nọ, một người đàn bà ăn xin đi qua làng. Quần áo bà rách nát tả tơi, chân bà rớm máu vì trải qua những con đường đầy sỏi đá, tình cảnh bà thật thảm thương. Vì quá mệt mỏi, bà đến ngồi dưới một gốc cây hạt dẻ để nghỉ ngơi.

Cậu bé Ngôi Sao nhìn thấy bà, nó bèn gọi đồng bọn, “Nhìn kìa, một mù ăn mày gớm ghiếc ngồi dưới tán cây xanh rợp bóng. Nào chúng ta hãy đuổi mù đi, mù ấy thật xấu xí.”

Thế rồi cậu tiến lại gần, vừa chọi đá vừa chế giễu bà, với ánh mắt kinh hoàng bà nhìn cậu không rời mắt. Bác tiều phu đang chẻ củi ngay gần đó, thấy những việc cậu bé Ngôi Sao đang làm, bác chạy lại quát mắng cậu: “Con thật là một đứa trẻ nhẫn tâm, không biết thương yêu ai cả, người đàn bà đáng thương kia có làm gì con đây mà con không thể đối xử với bà tử tế?”

Cậu bé Ngôi Sao giận đỏ cả mặt, cậu giậm mạnh chân xuống đất và gào lên: “Ông là ai mà dám hạch sách việc tôi làm? Tôi có phải con ông đâu mà phải tuân lời ông?”

“Con nói phải đó,” bác tiều phu trả lời, “nhưng bố đã rủ lòng thương con khi tìm thấy con trong rừng.”

Người đàn bà nghe thấy những lời ấy, chột thét lên một tiếng rồi ngất đi. Bác tiều phu đỡ bà vào nhà mình cho vợ mình chăm sóc, và khi bà tỉnh lại, họ đem đồ ăn và nước uống cho bà, dành cho bà những lời an ủi.

Nhưng bà không ăn cũng chẳng uống mà chỉ hỏi bác tiều phu, “Chẳng phải ông đã nói tìm thấy đứa bé ở trong rừng sao? Phải chẳng là mười năm trước đây?”

Bác tiều phu đáp, “Đúng vậy, chính trong khu rừng, mười năm trước tôi tìm thấy nó.”

“Có ký hiệu gì ông thấy cùng đứa bé không?” bà khóc lóc, “Phải chăng không có chuỗi vòng hổ phách nào trên cổ bé? Phải chăng bé không được quần bằng chiếc áo choàng dát vàng có thêu những ngôi sao?”

“Đúng vậy,” bác tiều phu trả lời, “đúng y những gì bà nói.” Rồi ông lấy tấm áo choàng và chuỗi vòng hổ phách từ trong rương đưa cho bà xem.

Nhìn những món đồ này, bà rung rung vì sung sướng và nói, “Nó là con trai bé bỏng của tôi đã thất lạc trong rừng. Xin ông gọi cháu về cho tôi gặp, vì tìm cháu, tôi đã lang thang khắp cả thế giới.”

Thế là vợ chồng bác tiều phu chạy ra gọi cậu bé Ngôi Sao về và bảo cậu rằng, “Vào nhà đi con, người mẹ mà con mong chờ bấy lâu đang đợi con đó.”

Cậu chạy ùa vào, lòng tràn đầy ngạc nhiên và sung sướng. Nhưng khi nhìn thấy người đàn bà đang ngồi đợi, cậu cười khinh bỉ và nói, “Sao cơ, mẹ tôi đâu? Tôi chẳng thấy ai ngoài mụ ăn mày đê tiện này.”

Người đàn bà trả lời, “Ta là mẹ của con đây.”

“Bà điên rồi nên mới nói như vậy,” cậu bé Ngôi Sao giận dữ thét lên. “Tôi không phải con bà, một mụ ăn mày xấu xí rách rưới. Hãy xéo đi, đừng để tôi phải thấy khuôn mặt xấu xí của bà nữa.”

“Không, con chính là con trai bé bỏng mà mẹ đã bị mất trong rừng,” bà vừa khóc vừa quỳ xuống, mở rộng vòng tay về phía cậu, “Bọn cướp đã bắt cóc và bỏ mặc con trong rừng cho chết,” bà thăm thì nói, “nhưng mẹ đã nhận ra ngay khi nhìn thấy con, và những vật này, chiếc áo choàng dát vàng và chuỗi vòng hổ phách, càng làm mẹ tin chắc. Xin con hãy lại đây với mẹ nào, mẹ đã đi khắp thế giới để tìm con. Hãy lại đây, con trai mẹ, mẹ cần tình yêu của con.”

Nhưng cậu bé Ngôi Sao vẫn đứng nguyên tại chỗ, trái tim cậu đã đóng sập cánh cửa lại với bà, chẳng có âm thanh nào át được tiếng nước nở đón đau của người mẹ.

Cuối cùng, cậu bé cất tiếng với bà bằng một giọng cứng rắn và cay nghiệt, “Nếu quả bà là mẹ tôi,” cậu nói, “thì tốt nhất là tránh xa tôi ra; đừng lại gần khiến tôi xấu hổ, tôi vẫn nghĩ rằng tôi là con của một vì sao chứ không phải con một mụ ăn mày như bà vừa nói. Hãy xéo đi, đừng để tôi còn nhìn thấy bà.”

“Trời ơi, con trai tôi,” bà khóc lóc, “con không hôn tạm biệt mẹ ư? Mẹ đã đau khổ xiết bao mới tìm thấy con.”

“Không đời nào,” cậu bé Ngôi sao nói, “bà trông thật gớm ghiếc, tôi thà hôn con rắn hay con cóc còn hơn.”

Người đàn bà đứng dậy, vừa đi về phía khu rừng vừa khóc lóc thảm thiết, khi thấy bà đi khuất, cậu bé Ngôi Sao vui vẻ, chạy lại với đám bạn để cùng chơi.

Nhưng vừa thấy cậu tới, chúng giễu cợt cậu, “Sao chứ, mày gớm ghiếc như một con cóc và ghê tởm như một con rắn. Xéo đi, bọn tao không chịu đựng nổi mày ở đây đâu,” rồi chúng đuổi cậu khỏi khu vườn. Cậu bé Ngôi Sao cau mày tự hỏi, “Bọn nó nói gì về mình vậy nhỉ? Mình phải ra giếng nước và soi bóng xuống đó, xem sắc đẹp của mình thế nào.”

Rồi cậu đến bên giếng nước soi bóng mình xuống, và kìa, mặt cậu giống y như một con cóc còn da cậu mọc vảy như da rắn. Cậu bé lăn lộn trên thảm cỏ gào khóc thảm thiết với chính mình, “Hắn là quả báo vì tội lỗi của mình đấy. Ta đã từ chối mẹ của mình và xua đuổi mẹ, đã vậy còn tự đắc vì đã tàn nhẫn với mẹ nữa chứ. Bây giờ ta phải tìm mẹ dù có phải đi cùng trời cuối đất, khi nào tìm được mẹ mới thôi.”

Vừa lúc đó, cô con gái nhỏ nhà bác tiều phu đến bên cậu, đặt tay lên vai cậu rồi nói, “Đâu có sao nếu em không còn đẹp nữa? Hãy ở lại với chị, chị sẽ không chế giễu em đâu.”

Cậu bé đáp, “Không đâu, em đã đối xử tàn nhẫn với mẹ và hình phạt này là quả báo cho tội lỗi của em. Do vậy em phải đi thôi, tới cùng trời cuối đất để tìm mẹ, và cầu mong mẹ tha thứ cho em.”

Nói đoạn cậu chạy ngay vào trong rừng, vừa gọi to mẹ về với cậu, nhưng chẳng có tiếng đáp lời. Cả ngày trời cậu gọi mẹ cho tới khi mặt trời khuất nẻo, cậu lăn ra ngủ trên đồng lá rừng, chim chóc cùng muông thú lẫn tránh cậu, chúng vẫn còn nhớ sự tàn ác của cậu, chỉ còn mình cậu với một con cóc đang trơ mắt nhìn và một con rắn trẻ nài bò ngang qua.

Sáng hôm sau, cậu thức dậy, hái mấy thứ quả dại đặng ngắt trên cây ăn tạm rồi lại đi sâu vào khu rừng rậm, vừa đi vừa khóc nức nở. Gặp bất cứ chim thú nào, cậu đều hỏi có ai nhìn thấy mẹ cậu đâu không.

Cậu nói với chuột chũi, “Cậu chui được dưới đất, nói cho tới biết, mẹ tớ có ở đó chẳng?”

Chuột chũi đáp, “Cậu đã chọc mù mắt tớ. Làm sao tớ thấy được?”

Cậu gọi chim hồng tước, “Cậu bay cao hơn cả ngọn cây, thấy được cả thế giới, nói cho tớ, có thấy mẹ tớ chẳng?”

Chim hồng tước đáp, “Cậu đã cắt cánh của tớ để nghịch chơi, làm sao tớ bay được.”

Thấy chú sóc nhỏ sống một mình trên cây linh sam, cậu hỏi “Mẹ của tớ đâu?”

Sóc đáp lời, “Cậu đã giết mẹ tôi. Giờ còn định giết cả mẹ mình sao?”

Cậu bé Ngôi Sao khóc lóc và cúi đầu xin lỗi những tạo vật của Chúa Trời tha thứ, rồi tiếp tục đi sâu vào rừng tìm kiếm người đà bà ăn mày. Đến ngày thứ ba, cậu đã vượt qua hết khu rừng và đi xuống phía đồng bằng.

Mỗi ngôi làng cậu qua, lũ trẻ lại chế giễu và ném đá vào người cậu, những người dân quê chẳng ai chịu cho cậu ngủ nhờ trong chuồng bò vì e sợ cậu lây bệnh nấm mốc cho đồng ngô cất trong đó, rồi vì vẻ gớm ghiếc của cậu, dân chúng sai người xua đuổi cậu, chẳng một ai thương xót cậu cả. Cậu cũng không hỏi han được bất cứ tin tức gì về người đàn bà ăn xin, mẹ của cậu, dù trong suốt ba năm lang thang khắp nơi, nhiều lần tưởng như đã nhìn thấy bà ngay phía trước, cậu gọi lớn và chạy theo, mặc cho sỏi đá đâm tứa máu bàn chân cậu. Nhưng chẳng bao giờ cậu đuổi kịp, dân cư sống dọc

đường cậu qua đều nói chưa hề nhìn thấy bà hay bất kì ai giống bà, họ còn trêu chọc vẻ buồn bã của cậu.

Trong suốt ba năm phiêu bạt khắp thế giới, trong một thế giới chẳng hề có tình thương, lòng nhân ái hay chút thiện tâm nào dành cho cậu, nhưng đó cũng chính là thế giới trước kia cậu tự chìm đắm trong đó với tràn đầy lòng kiêu ngạo.

Thế rồi một buổi tối nọ, cậu đi tới cổng một tòa thành với những bức tường to lớn gần bên sông, mịt mù và chân mỏi nhừ, cậu định tiến vào. Nhưng lính canh trước cổng đã hạ ngọn giáo chắn ngang lối và quát hỏi cậu, “Người vào thành phố làm gì?”

“Cháu đi tìm mẹ ạ,” cậu trả lời, “xin các ông hãy cho cháu vào, biết đâu mẹ cháu đang ở trong thành phố này.”

Nhưng đám lính canh cười nhạo cậu, một gã lúc lắc chòm râu đen, hạ tấm khiên xuống rồi quát lên, “Nói thật nhé, mẹ người sẽ chẳng vui sướng gì trông thấy người đâu, người còn gớm ghiếc hơn cả con cáo chốn ao hồ hay con rắn nơi đầm lầy. Cút đi. Cút đi. Mẹ người không có trong thành phố này đâu.”

Một người lính khác, cầm cây cờ vàng hỏi cậu, “Mẹ cháu là ai, sao cháu lại đi tìm mẹ thế?”

Cậu trả lời, “Mẹ cháu cũng là người ăn mày giống cháu, cháu đã đối xử tệ hại với bà, cháu cầu xin các ông hãy cho cháu qua, may ra mẹ cháu sẽ tha thứ cho cháu nếu bà ở đây.” Nhưng đám lính canh chẳng những không chịu mà còn xia giáo vào người cậu.

Ngay lúc cậu ứa nước mắt định quay về, một gã đàn ông mặc áo giáp có khảm đá hoa hồng vàng, đội mũ trụ chạm hình sư tử có cánh, đi tới tra hỏi đám lính về người đang xin vào. Họ bảo gã rằng, “Một đứa ăn mày, con của mẹ ăn mày, chúng tôi đã đuổi nó đi rồi.”

“Ồ không,” gã vừa cười vừa la lên, “chúng ta hãy bán đứa bé xấu xí này làm nô lệ, đổi lấy một be rượu ngọt.”

Một lão già với khuôn mặt gian ác đi ngang qua nghe vậy bèn nói. “Ta sẽ mua đứa bé với giá đó,” lão trả tiền rồi tóm lấy tay cậu bé dắt vào trong thành.

Thế rồi, cả hai vượt qua nhiều con phố, đến trước một cánh cửa nhỏ trên bức tường có cây lựu tỏa bóng. Lão già chạm vào chiếc nhẫn ngọc thạch vào cánh cửa khiến nó mở ra, họ bước xuống năm bậc thang bằng đồng tới một khu vườn toàn hoa anh túc đen với nhiều hũ vại bằng đất nung màu xanh. Lão già rút trong tấm khăn đội đầu ra một chiếc khăn lụa rồi bịt mắt cậu bé Ngôi Sao lại, đẩy cậu tiến lên trước. Tới khi khăn được tháo ra, cậu bé Ngôi Sao thấy mình đứng trong một hầm ngục, được chiếu sáng bởi chiếc đèn làm bằng sừng.

Lão già đặt trước mặt cậu mấy mẫu bánh mốc trên một miếng gỗ rồi nói “Ăn đi”, và chút nước đục lờ nhờ trong một chiếc cốc rồi nói “Uống đi”, cậu bé ăn uống xong, lão bèn bỏ đi, khóa trái cánh cửa với một dây xích bằng sắt.

Ngày hôm sau, lão già, vốn là một phù thủy ghê gớm nhất xứ Libya, phép thuật của lão học được từ một người ngụ trong hầm mộ sông Nile, đến trước mặt cậu bé, cau có nói, “Trong khu rừng gần cổng thành Giaours có ba đồng vàng. Một đồng vàng trắng, đồng kia vàng kim, đồng thứ ba là vàng đỏ. Hôm nay, mi hãy mang về cho ta đồng vàng trắng, nếu không mang về được, ta sẽ quất mi một trăm roi. Đi mau đi, lúc mặt trời lặn ta sẽ chờ mi trước cửa khu vườn. Mang đồng vàng trắng về hoặc ta sẽ cho mi ốm đòn, bởi mi là nô lệ của ta, ta đã mua mi với giá một be rượu.” Rồi lão bịt mắt cậu với chiếc khăn lụa, dắt cậu băng qua ngôi nhà, vượt qua khi vườn anh túc và leo lên năm bậc thang bằng đồng. Mở cánh cửa nhỏ bằng chiếc nhẫn rồi đẩy cậu ra đường.

Cậu bé Ngôi Sao ra khỏi cổng thành, tiến vào khu rừng mà lão phù thủy đã nói.

Khu rừng thật đẹp để nhìn từ bên ngoài, dường như vô vàn chim hót líu lo cùng hương hoa thơm ngát, cậu bé Ngôi Sao vui vẻ tiến vào. Nhưng cái

đẹp ấy không có ích gì cho cậu, đi đến đâu, những cây thạch nam và gai nhọn mọc lên từ mặt đất bủa vây lấy cậu, những bụi tầm ma đâm cậu, còn cây kế chọc vào cậu với đống gai sắc của nó, vậy nên cậu kiệt sức vì đau đớn. Chẳng thấy đâu đồng vàng trắng mà lão phù thủy bảo dù cậu tìm suốt từ sáng đến trưa, lại từ trưa đến chiều. Tới khi mặt trời lặn, cậu vừa lê bước về nhà vừa khóc lóc thảm thiết vì biết những gì đang chờ đợi cậu.

Khi tới bìa rừng, cậu nghe tiếng ai đó rên rỉ đau đớn trong bụi cây. Quên cả nỗi buồn của mình, cậu băng băng chạy tới và thấy một chú thỏ rừng đang sập trong bẫy của người thợ săn.

Cậu bé Ngôi Sao thương hại nó, gỡ nó ra khỏi bẫy và nói, “Tớ chỉ là một kẻ nô lệ, nhưng tớ có thể tặng cậu tự do.”

Thỏ rừng đáp lời, “Rõ là cậu đã cho tớ tự do rồi, cậu muốn tớ trả ơn thế nào?”

Cậu bé Ngôi Sao nói, “Tớ đang đi tìm một đồng vàng trắng, nhưng chẳng thấy đâu cả, nếu tớ không mang nó về cho ông chủ, ông ấy sẽ đánh tớ.”

“Đi theo tớ,” Thỏ rừng nói, “tớ sẽ dẫn cậu tới đó, bởi tớ biết chỗ người ta giấu nó cũng như để làm gì.”

Thế là cậu bé đi cùng thỏ rừng, và kìa, trong kẽ nứt của một cây sồi khổng lồ, cậu thấy đồng vàng trắng mình hằng tìm kiếm. Lòng tràn ngập sung sướng, giữ khư khư đồng vàng, cậu nói với thỏ, “Những gì tớ làm cho cậu đã được trả ơn gấp mấy lần và ân tình tớ dành cho cậu cũng được đền đáp gấp trăm lần.”

“Ồ không,” thỏ đáp, “cậu tốt với tớ thế nào thì tớ đáp lại như thế thôi,” nói rồi, thỏ ta thoắt cái chạy mất, còn cậu bé Ngôi Sao thì trở về thành phố.

Lúc ấy ngoài cổng thành có một người bị hủi đang ngồi. Lụp xụp trên đầu một chiếc mũ lan xám, khóe mắt lóe lên những ánh như than hồng. Khi thấy cậu bé Ngôi Sao, người hủi chìa ra chiếc bát gỗ, lắc lắc chiếc chuông và gọi cậu, “Làm ơn cho tôi chút tiền, tôi đói chết mất. Họ đuổi tôi ra khỏi thành phố, không ai thương hại tôi cả.”

“Hồi ôi!” cậu bé than thở, “Cháu chỉ có một đồng vàng trong túi, nhưng nếu cháu không nộp cho ông chủ, ông ấy sẽ đánh cháu vì cháu chỉ là một đứa nô lệ.”

Nhưng người hủ vẫn khẩn khoản van xin cậu, cho tới khi cậu động lòng trắc ẩn, đưa cho người đó đồng vàng trắng.

Về tới nhà lão phù thủy, lão mở cửa cho cậu và dắt cậu vào rồi hỏi, “Mi có đồng vàng trắng đó chứ?” Chú bé đáp, “Dạ không ạ.” Thế là lão phù thủy đè cậu xuống và quất cho một trận, xong lão đưa cậu miếng gỗ không và bảo “Ăn đi”, rồi một cái cốc không và bảo “Uống đi”, đoạn lại quăng cậu vào hầm ngục.

Ngày hôm sau, lão phù thủy đến gặp cậu và bảo, “Nếu hôm nay mi không mang được đồng vàng kim về, ta sẽ giữ mi làm nô lệ và quất cho mi ba trăm roi.”

Thế là cậu bé Ngôi Sao lại đi vào rừng, cả ngày trời cậu tìm kiếm đồng vàng kim, nhưng chẳng thấy đâu cả. Lúc mặt trời khuất nẻo, cậu ngồi bệt xuống rồi ôm mặt khóc, và khi cậu đang khóc, chú thỏ rừng hôm qua cậu cứu mạng lại đến.

Thỏ rừng hỏi, “Vì sao cậu khóc? Cậu đang tìm kiếm thứ gì trong rừng thế?”

Cậu bé Ngôi Sao đáp, “Tớ đang tìm đồng vàng kim được giấu ở đây, nếu tớ không tìm thấy, ông chủ sẽ đánh tớ và bắt tớ làm nô lệ tiếp.”

“Hãy theo tớ,” thỏ rừng hô, rồi chạy tít vào sâu trong rừng tới tận một hồ nước. Dưới đáy hồ chính là một đồng vàng kim nằm đó.

“Không biết phải trả ơn cậu thế nào nữa?” cậu bé Ngôi Sao nói, “này, đây là lần thứ hai cậu giúp đỡ tớ đấy.”

“Không đâu, cậu mới là người rủ lòng thương tớ trước,” thỏ đáp, rồi thoát cái chạy mất.

Cậu bé Ngôi Sao vớt đồng vàng kim lên cất vào túi rồi vội vàng trở về thành phố. Nhưng người hủ lại nhìn thấy cậu, chạy tới và quỳ xuống khóc

lóc, “Hãy cho tôi chút tiền, tôi đói chết mất.”

Cậu bé Ngôi Sao đáp lời, “Trong túi cháu chỉ có một đồng vàng kim, nếu cháu không nộp đồng vàng này cho ông chủ, ông ấy sẽ đánh đòn cháu và giữ cháu làm nô lệ tiếp mất.”

Người hủi van xin cậu tha thiết, thế là cậu bé thương tình và đem cho người hủi đồng vàng kim.

Về tới nhà lão phù thủy, lão mở cửa cho cậu và đưa cậu vào rồi hỏi, “Mi có đồng vàng kim đó chứ?” Cậu bé đáp, “Dạ không ạ.” Thế là lão phù thủy đê cậu xuống và quất cho một trận, rồi xích cậu lại và ném cậu vào hầm ngục.

Ngày hôm sau, lão phù thủy lại đến bảo cậu rằng, “nếu hôm này mi đem về cho ta đồng vàng đỏ, ta sẽ thả mi ra, bằng không ta chắc chắn sẽ giết chết mi.”

Thế là cậu bé lại đi vào rừng, cả ngày trời cậu tìm kiếm đồng vàng đỏ, nhưng chẳng thấy đâu cả. Đến khi trời tối, cậu ngồi bệt xuống rồi ôm mặt khóc, và khi cậu đang khóc, chú thỏ rừng lại đến.

Nó nói với cậu, “Đồng vàng đỏ cậu đang tìm ở trong cái hang ngay sau cậu đây. Đừng khóc nữa, vui lên đi nào.”

“Không biết phải trả ơn cậu sao nữa,” cậu bé Ngôi Sao reo lên, “này, đây là lần thứ ba cậu giúp tớ rồi đấy.”

“Không đâu, cậu mới là rủ lòng thương tớ trước,” thỏ đáp, rồi thoát cái chạy mất.

Cậu bé Ngôi sao bước vào trong hang và ở góc sâu nhất cậu thấy đồng vàng đỏ. Cậu đút nó vào túi rồi vội vã trở về thành phố. Người hủi lại nhìn thấy cậu, bèn chặn giữa đường mà khóc lóc van xin, “Hãy cho tôi đồng vàng đỏ, không tôi chết mất,” cậu bé lại mềm lòng và trao đồng vàng cho người ấy, cậu nói rằng, “Bác cần nó hơn cháu.” Dẫu vậy, lòng cậu trĩu nặng vì biết số mệnh nghiệt ngã đang chờ mình.

Kì diệu thay, khi cậu bước qua cổng thành, những người lính canh cúi người chào đón cậu và tán tụng, “Cậu chủ mới đẹp làm sao!” rồi cả đám đông dân chúng rờng rảnh theo sau cậu, ai nấy trầm trồ, “Hắn là không ai trên thế gian này đẹp đẽ bằng.” Thế là cậu bé Ngôi Sao òa khóc và tự nhủ, “Họ lại chế giễu mình, khinh thường nỗi bất hạnh của mình đây.” Đám đông tụ tập ngày càng đông, đến nỗi cậu bé chẳng thấy đường mà đi, cậu lạc đến một quảng trường rộng lớn, chỗ có cung điện nhà vua.

Cánh cổng cung điện mở ra, quan quân tướng sĩ chạy ùa tới trước mặt cậu, tất cả khom người làm lễ và tâu, “Người là chúa tể chúng thần hằng chờ đợi, thưa Hoàng tử.”

Cậu bé Ngôi Sao đáp lời họ, “Cháu chẳng phải Hoàng tử nào hết, chỉ là con một người đàn bà ăn mày thôi. Với cả sao mọi người lại khen cháu đẹp đẽ, cháu biết trông cháu thật gớm ghiếc.”

Một vị tướng quân mặc áo giáp khảm hoa và đội mũ trụ chạm hình sư tử có cánh, tay nâng chiếc khiên lên mà rằng, “Sao có thể nói ngài không đẹp đẽ cơ chứ?”

Cậu bé Ngôi Sao nhìn vào, và kìa, gương mặt cậu đã trở lại như trước, vẻ đẹp đẽ đã quay về với cậu, chỉ có ánh mắt cậu là khác xưa.

Tất cả linh mục và triều thần quỳ xuống và tâu, “Từ xưa đã có lời tiên tri rằng ngày hôm nay sẽ có một người đến để trị vì vương quốc chúng tôi. Do vậy, xin ngài hãy nhận vương miện và quyền trượng, hãy trở thành đức vua công bằng và nhân từ của chúng tôi.”

Nhưng cậu bé đáp rằng, “Cháu không xứng đáng đâu, cháu đã ruồng bỏ mẹ đẻ của mình. Cháu sẽ không ngừng lại cho tới khi tìm thấy bà và được bà tha thứ. Vì thế hãy để cháu đi tiếp, cháu phải đi tới cùng trời cuối đất chứ không ở lại đây được, dẫu mọi người có đem vương miện và quyền trượng cho cháu.” Nói rồi, cậu quay trở lại con đường dẫn tới cổng thành, và kìa, giữa đám đông mà binh lính vây quanh, cậu thấy người đàn bà ăn mày, mẹ của cậu, và bên cạnh bà là người hủi cậu từng gặp trên đường.

Niềm vui vỡ òa trên đôi môi, cậu chạy ào tới, quỳ xuống hôn lên từng vết thương trên đôi chân mẹ, thấm đẫm chúng bằng những giọt lệ. Cậu cúi đầu chạm đất mà sụt sùi với trái tim tan nát, thưa với mẹ rằng, “Mẹ ơi, con đã ruồng bỏ mẹ vì thói kiêu ngạo của mình. Hãy xem con đã học được tính khiêm nhường. Mẹ ơi, con đã trút hận thù vào mẹ. Xin mẹ hãy ban cho con yêu thương. Con đã trót từ bỏ mẹ. Xin mẹ hãy nhận lại đứa con này.” Nhưng người đàn bà ăn mày không một lời nào với cậu.

Rồi cậu vươn tay ôm lấy đôi chân người hủi mà nói, “Đã ba lần cháu trợ giúp bác, xin bác hãy giúp để mẹ cháu nói với cháu một lời.” Nhưng người hủi chẳng đáp lời cậu.

Rồi cậu lại sụt sùi khóc, “Mẹ ơi, con đã đau khổ hết mức rồi. Xin hãy thứ tha cho con, rồi để con về rừng cũng được.” Người đàn bà ăn mày đặt tay lên đầu cậu mà nói, “Hãy đứng lên,” và người hủi cũng đặt tay lên đầu cậu mà nói, “Hãy đứng lên.”

Cậu bè đứng dậy và ngược nhìn, lạ thay, người đàn bà ăn mày và người hủi biến thành vua và hoàng hậu.

Hoàng hậu bảo với cậu, “Đây là cha con, người đã từng được con cứu giúp.”

Còn nhà vua nói, “Đây là mẹ con, đôi bàn chân đã được nước mắt con tẩy rửa.” Rồi họ ghì lấy cổ và ôm hôn cậu, dắt cậu vào trong cung điện, mặc cho cậu quần áo đẹp đẽ, đội vương miện lên đầu cậu và đặt quyền trượng vào tay cậu, trao cho cậu quyền trị vì thành phố bên sông. Cậu đối xử với mọi người công bằng và độ lượng, lão phù thủy bị trục xuất, còn vợ chồng bác tiêu phu được trao tặng vô vàn của cải, con cái họ cũng được vẻ vang. Cậu không muốn ai tàn nhẫn với chim chóc và muông thú, cậu dạy họ tình thương, lòng nhân ái và sự sẻ chia, với người đói ăn cậu ban phát bánh mì, với kẻ thiếu mặc cậu trao gửi quần áo, thế là vương quốc của cậu trở nên thanh bình và thịnh vượng.

Tuy vậy, triều đại của cậu không kéo dài được lâu, với bấy nhiêu đau khổ cậu đã chịu đựng, cùng bao nhiêu những thử thách cay đắng cậu đã trải

qua, chỉ ba năm sau cậu qua đời. Người kế nghiệp cậu lại cai trị vương quốc một cách tàn độc.

HẾT

Nếu truyện *Vị vua trẻ* đưa lên bàn cân “cái đẹp” và “tâm hồn”, cái đẹp có thể quay lưng lại với nỗi đau của con người hay không, hay cái đẹp và sự cảm thông, lòng bao dung phải hòa vào làm một, thì truyện *Sinh nhật của Công chúa*, lại nhấn mạnh đến ý nghĩa thực sự của vẻ đẹp tâm hồn. Và *Cậu bé sao băng*, bởi say mê vẻ đẹp của chính mình mà trở nên tàn nhẫn, để rồi đánh mất đi cả tình yêu. Truyện *Chàng Ngư Phủ và Linh Hồn* lại kể về một con người sẵn sàng từ bỏ “Linh Hồn” của mình để đến với tình yêu, dù rằng đã được cảnh báo: “Tình yêu thế xác là điều thấp hèn,” nhưng rốt lại, chính tình yêu của chàng đã làm cha xứ phải kể về một “Thiên Chúa khác có tên là Tình yêu”.

Notes

[←1]

Adonis, Người nô lệ xứ Bithynia, Endymion đều chỉ những người đẹp trai xứ Hy Lạp cổ.

[← 2]

Cain và Abel là hai con trai đầu lòng của Adam và Eva, theo sách Sáng Thế Ký. Người anh Cain được diễn tả là người trồng hoa màu còn người em Abel là người chăn súc vật. Cain là người đầu tiên được thai nghén sinh ra còn Abel là người đầu tiên chết đi. Cain gây ra cái chết đầu tiên trong nhân loại với việc giết em trai mình.

[← 3]

Nguyên văn “dreamer of dreams”, câu này trích trong sách *Đệ nhị luật*, chỉ nhà tiên tri.

[← 4]

Cánh tay thế tục: một lực lượng dân sự được Tòa án tôn giáo thời Trung cổ sử dụng để trừng phạt người phạm tội.

Table of Contents

[Vị vua trẻ](#)

[Sinh nhật của công chúa](#)

[Chàng ngư phủ và Linh Hồn](#)

[Cậu bé ngôi sao](#)